

# KINH THỦ LĂNG NGHIÊM TRỰC CHỈ

## QUYỂN BẢY

---

### MỤC III: PHẬT KHAI THỊ VỀ MẬT GIÁO THÂM GIÚP NHỮNG NGƯỜI TU HÀNH

A-nan, ông hỏi phương pháp nhiếp giữ tâm niệm. Như tôi đã nói: “Người muốn vào Tam-ma-địa tu học pháp môn nhiệm mầu cầu đạo Bồ-tát, trước hết cần phải giữ gìn bốn món luật nghi đó cho trong sạch như băng tuyết tự không thể sinh ra tất cả cành lá; ba nghiệp ác của ý, bốn nghiệp ác của khẩu ắt không còn nhân mà sinh được. A-nan, nếu giữ bốn việc như vậy, không thiếu sót, tâm còn không duyên sắc, hương, vị, xúc thì tất cả việc ma làm sao phát sinh.

*Giới là thuận tánh để trang nghiêm, nên nó làm trợ duyên để được vào Tam-ma-địa. “Diệu môn”, tức là cửa của nhĩ căn. Dâm, sát, đạo, vọng là giới căn bản, thiên thứ hai trở*

*xuống là thuộc cành lá. Thân nghiệp dễ giữ, tập khí của ý nghiệp rất khó hết. Nên trước nói, tâm kia nếu không dâm v.v... Lại nói, tâm ngay thẳng là đạo tràng, tâm như dây đèn thẳng, thì ba nghiệp ý, bốn nghiệp khẩu nhất định không có nhân để sinh. Tất cả ma sự khởi ra đều do tâm tán loạn, tâm nếu không có sở duyên, thì ma sự tiêu diệt, dù Thiên ma cũng không thể nhìn trộm vậy.*

**Nhưng nếu có những tập khí đời trước không thể dứt trừ, ông dạy người ấy nhất tâm tụng thần chú “Vô Thượng Phật-dảnh-quang Minh-ma-ha-tát-đát-đa-bát-đát-ra” của tôi. Đó là tâm chú của tâm Phật vô vi, tướng dảnh Như Lai vô kiến từ nơi dảnh hiện ra, ngồi trên hoa sen báu mà nói.**

*Định tuệ hay hàng phục hiện hành, trì giới chỉ dừng được con đường tạo nghiệp. Tập khí từ vô thủy đến hàng Thập địa mới hết, cũng có thể nương sức thần chú mà mau chứng quả giải thoát. Lại những oan ương đời trước, như việc của Quốc sư Ngô Đạt, cũng do từ tâm tán loạn trì hoãn mà bị ma vào. Phải nhờ thần lực mới mau được thoát khỏi. Ngài Ôn Lăng nói: “Nghiệp hiện đời dễ chế phục, tự thực hành có thể bỏ, còn nghiệp đời trước khó trừ, ắt phải*

*nhờ chú lực". Nay xét về người tu hành, ưa chính mà vẫn làm việc tà, muốn trong mà lại thiên về đục, không dạy mà hay làm, chẳng nguyện mà tạo, ngấm ngấm như có rắn đui mà không thể tự chủ, nên bị tập khí cũ sai sử vậy. Trên danh Phật nói chú, chính là do Pháp thân Đại bi hiện ra, chẳng do nơi tâm niệm, nên gọi là "Vô Vi". "Tát-đát-đa, bát-đát-ra", Trung Hoa dịch là "Đại bạch tán cái", sẽ giải thích nghĩa ở sau.*

**Vả lại đời trước ông cùng nàng Ma Đăng-già có nhân duyên trải qua nhiều kiếp, thành tập khí ân ái không phải một đời hay một kiếp. Song một phen tôi tuyên dương thần chú thì nàng Ma Đăng-già thoát hẳn dâm ái thành quả A-la-hán. Nàng kia là kẻ dâm nữ không có tâm tu hành, do nhờ sức thần chú của tôi thầm giúp mà còn mau chứng bậc vô học. Thế thì các ông những hàng Thanh văn trong hội này cầu Tối Thượng Thừa quyết định thành Phật, ví như bụi bay gặp gió thuận, vậy có gì là khó khăn?**

*Ân ái trải qua nhiều kiếp, một phen nghe thần chú liền dứt trừ, thì phiền não chướng đoạn. Hiện làm thân dâm nữ, mau chứng quả vô học, thì báo chướng cũng tiêu. Kia không*

*tâm tu hành, đây có tâm cầu giải thoát, thêm nhờ sức thần chú gia bị, cũng như bụi bay gặp gió thuận, việc ấy khó hay dễ có thể thấy. “Bụi” là dụ cho tập khí đời trước. “Gió thuận” dụ cho sức của thần chú.*

**Nếu có người trong đời mạt pháp muốn ngồi đạo tràng tu hành, trước cần giữ gìn giới cấm thanh tịnh của Tỳ-kheo. Cốt phải lựa một vị Sa-môn giữ giới thanh tịnh bậc nhất, để làm thầy mình. Nếu tìm không gặp được tăng chúng thật thanh tịnh, thì giới thể luật nghi của người ấy chắc không được thành tựu. Sau khi giới thành tựu, người đó đắp y mới sạch sẽ, đốt hương ở một mình tụng thần chú do tâm Phật nói đây một trăm linh tám biến, sau đó mới kết giới, dựng lập đạo tràng cầu mười phương các đức Vô thượng Như Lai, hiện ở trong các cõi nước. Mười phương phóng hào quang đại bi đến rọi nơi danh đầu mình.**

*Tâm giới thanh tịnh, trí tuệ có thể Phát sinh. Song chúng sinh trong đời mạt pháp nghiệp sâu, trần cấu nặng, phải nhờ ở chỗ vắng vẻ tụng thần chú cầu gia bị. Lại phải biết thu nhiếp tâm niệm, trong khi trì chú mới được thâm hợp với Tam-ma-bát-đề (Định tuệ). Bởi nhờ tha lực để giúp tự lực, nếu hoàn toàn nhờ*

*tha lược thì chưa dễ gì được thành tựu, nên nói là cơ cảm giúp nhau vậy.*

**A-nan! Như thế, trong đời mạng pháp có hàng Tỳ-kheo thanh tịnh, hoặc Tỳ-kheo-ni, bạch y, đàn việt dứt tâm tham giữ giới cấm thanh tịnh của Phật, ở nơi đạo tràng phát nguyện Bồ-tát, khi ra vào, tắm gội, cả trong sáu thời hành đạo như vậy, chẳng ngủ nghỉ, trải qua hai mươi một ngày, tôi tự hiện thân đến trước người ấy, xoa đánh an ủi, khiến họ khai ngộ”.**

*Bốn chúng đều nêu đủ không phân biệt chân hay tục vậy. Riêng nói diệt hết dâm dục là nói lược. Nguyện của Bồ-tát không ngoài bốn thế nguyện rộng lớn, hai mươi một ngày là thời gian ước định. Song người tu hành chí thành thực không nên khắc định thời gian mà chỉ biết chỗ quyết định phải mình tâm, chớ không hạn cuộc thấy Phật mau hay chậm. Nếu mong mỗi được cảm ứng, thì bị ma cảnh tung hoành xâm lấn, phải biết rành rõ.*



## MỤC IV: KHAI THỊ NHỮNG PHÉP TẮC LẬP ĐẠO TRÀNG TU TRÌ

— — —

### ĐOẠN I

#### THƯA HỎI QUY TẮC LẬP ĐẠO TRÀNG

Ông A-nan bạch Phật rằng: “Thưa Thế Tôn, con nhờ lời tử bi dạy bảo vô thượng của đức Như Lai, mà tâm đã khai ngộ, tự biết con đường tu chứng thành quả vô học. Song đối với những người tu hành trong đời mạt pháp muốn kiến lập đạo tràng phải kiết giới thế nào để phù hợp với quy tắc thanh tịnh của chư Phật Thế Tôn?”.

*Ở dưới tòa của Phật mà được chứng ngộ của nhiệm mầu. Đã biết tâm địa pháp hạnh, tự hiểu viên tu tam-muội không vào đạo tràng cũng có thể chứng được cực quả. Người tu hành trong đời mạt pháp, cách Phật lần lần xa, chúng cũ càng sâu mà muốn kiến lập nghi thức đạo tràng, cốt phải tuân theo quy tắc vậy.*

## ĐOẠN II

### KHAI THỊ NGHI THỨC KIẾN ĐẠO TRÀNG

Phật bảo ông A-nan: “Nếu ở trong đời mạt pháp, người muốn lập đạo tràng, trước phải dùng phân con bạch ngư có sức mạnh ở núi Tuyết. Con trâu trắng này ăn cỏ thơm ngon tốt ở trong núi Tuyết và chỉ uống nước trong ở Tuyết sơn, nên phân nó rất mịn nhuyễn, nên lấy phân bạch ngư hòa hợp với hương chiên đàn để quét trên mặt đất. Nếu không phải bạch ngư ở núi Tuyết thì phân nó hôi như không thể tô quét trên đất được. Phải riêng ở nơi bình nguyên đào bỏ các lớp đất trên mặt, đào lấy thứ đất màu vàng từ năm thước trở xuống. Rồi lấy mười thứ hương là chiên đàn, trầm thủy, tô diệp, huân lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, cam tùng và kê thiệt nghiền nhỏ thành bột trộn với đất ấy thành bùn, dùng để tô lên trên mặt đất nơi đạo tràng mỗi bề một trượng sáu thành cái đàn bát giác.

*Đây là Phật chỉ dạy phương pháp kiến lập đạo tràng. Kinh Niết-bàn nói: “Ở núi Tuyết có thứ cỏ tên là “Phì Nị” (mập tốt). Nếu trâu ăn cỏ*

áy thì tiêu ra thuận chất đề hồ. Lại nói: Nếu trâu cái không ăn hèm rượu, cỏ tươi lúa mạch, lúa miến, thì con trâu ghé của nó rất dễ chăn. Mục đồng thả nó ở chỗ không phải cao nguyên, cũng không phải chỗ thấp ướt, cho uống nước dòng suối trong, không cho nó chạy rong, không cho nhập bầy với trâu đực, ăn uống vừa chừng, đi đứng chừng chạc, như thế thì sữa nó hay trị được các thứ bệnh, ấy gọi là cam lồ diệu dược”.

Hợp lại hai đoạn nói trên đều lấy đề hồ và cam lồ để dụ cho Phật tính ở trong chúng sinh, phải nhờ nước và cỏ thanh tịnh nhiệm mầu của lý trí. Không thả trâu dong ruổi theo phong cảnh trên cao hay xuống thấp, chẳng theo trâu đực là nhóm bọn ác làm mê lầm và loạn lạc, thì thành tựu được đề hồ diệu dược vô thượng chánh đẳng chánh giác, không có đường tẽ vạy.

Kinh này dạy an trí đạo tràng, trước hết dùng phân bạch ngưu ở núi Tuyết, ăn thì dùng thứ cỏ thơm ngon tốt, uống thì nước suối trong sạch, phân nó tiết ra dùng hòa chung với các thứ hương để trang trí đàn tràng. Lấy thí dụ trên để so sánh mà biết, nước cỏ lý trí hay nuôi dưỡng pháp thân bạch ngưu, dùng trí sai biệt, vật bài chân thật tiết, đào đất năm uẩn, xuất



*sinh đất bản giác, hòa với diệp hương thập độ, cộng thành một đàn tràng tịch diệt vô thượng Phương Quảng. Đối với “lý” thì vẫn có, nhưng với “sự” thì không ngại. Ngài Ôn Lăng nói: “Một chữ Pháp môn trong kinh Hoa Nghiêm, dù biển mực cũng không thể viết cho cùng. Năm vị hành pháp tức dùng thế tục để bày rõ, pháp biểu trưng càng đầy đủ, mỗi pháp đều có nói rõ ràng và sơ lược, văn nhiều không thể chép hết”.*

**Chính giữa đàn tràng nên đặt một cái hoa sen làm bằng vàng, bạc, đồng, gỗ. Giữa hoa sen để cái bát, trong bát trước đựng đầy nước mù sương tháng tám và trong nước ấy tùy ý cắm hoa lá hiện có. Rồi lấy tám mặt gương tròn, mỗi cái để một phía, xung quanh hoa sen và bát hoa. Bên ngoài những gương ấy để mười sáu hoa sen và giữa các hoa sen để mười sáu lư hương cho trang nghiêm. Trong lư hương đốt thuần hương trầm thủy không cho thấy lửa. Lấy sữa bạch ngư để trong mười sáu khí mảnh; lấy sữa làm bánh nướng các thứ với đường cát, bánh rán bột sữa, tô hiệp, mật gừng, bơ tốt, mật tốt mỗi thứ mười sáu khí mảnh đặt ở ngoài vòng quanh hoa sen để cúng dường chư Phật và chư vị Đại Bồ-tát.**

“Hoa sen”, nhân và quả đồng thời là tiêu biểu cho Phật tính. Niết-bàn nhân quả đồng thời vậy. “Gương” tiêu biểu cho Niết-bàn diệu tâm, sáng suốt thấu triệt trong và ngoài thành một đại viên cảnh trí. Tám phía gồm nhiếp chói hiện thể dụng đều dung chứa lẫn nhau, Pháp thân và Hoá thân không hai. Bên ngoài hoa sen có gương, ngoài gương có hoa là thu nhiếp lẫn nhau, lớp lớp không cùng tận. Hương, hoa, sữa và bánh là tự thọ dụng và tha thọ dụng, chủ bạn xen lẫn nhau, thân và cội đều bao trùm viên dung nhau vậy.

**Trong mỗi thời ăn cơm và lúc giữa đêm, lấy nửa thặng mật và ba cấp bơ, trước đàn để riêng một lò lửa nhỏ, dùng hương đầu-lâu-bà, nấu lấy nước thơm rửa than cho sạch rồi đốt than đỏ hồng trong lư và rót mật, bơ vào đốt đến hết khói để cúng dường chư Phật, Bồ-tát.**

Trong mỗi thời ăn cơm và lúc giữa đêm, nghĩa là ngày một lần, đêm một lần. Như mười đời và ngay một niệm không có hai thời tiết, hương quang trang nghiêm, thọ dụng không cùng tận. Bởi dùng phương tiện căn bản mới trở về cùng tận chỗ viên mãn, không phải dùng trí có thể biết, dùng thức có thể phân biệt được. Dùng đây mà cúng dường là tối thắng trong các thứ cúng dường vậy.

Bốn phía bên ngoài treo khắp phan và hoa, trong phòng dàn tràng an trí hình tượng hiện có của mười phương Như Lai và chư Bồ-tát nơi bốn phía vách. Giữa dàn để hình tượng Phật Lô-xá-na, Phật Thích-ca, Phật Di-lặc, Phật A-súc, Phật Di-đà và hình tượng đại biến hóa của đức Quán Thế Âm, lại thêm các vị Kim Cang Tạng Bồ-tát để hai bên; những tượng của Đế-thích, Phạm-vương, Ô-sô-sát-ma, Lam-địa-ca, Quân-trà-lợi, Tỳ-cu-chi và Tứ-thiên-vương, Tần-na, Dạ-ca v.v... treo ở hai bên cửa. Lại lấy tám tấm gương treo úp trên hư không. Mặt gương đối chiếu với tám gương trước đã đặt trong dàn, làm cho các hình ảnh lớp lớp lồng nhau.

*Treo phan, bày tượng mỗi mỗi đều đủ, lại lấy tám mặt gương treo nơi hư không, khiến cho mười phương ba đời báo thân, hóa thân, chủ bạn, trí bi thành tựu lẫn nhau, trong ngoài hộ trì, một thời thấy nhau đồng một tâm sáng suốt, sát hải không cùng, sự lý không tận, chỉ tại trong đó, không động mé xưa (bản tế) âm thanh đều viên dung khắp giáp. “Lô-xá-na”, Trung Hoa dịch là “Chiếu”, là báo thân Phật, chủ trong Pháp giới, ngoài ra mười phương Bồ-tát là bạn; đức Thích-ca là hóa thân Phật là chủ hiện*

*nay; đức Di-lặc là chủ đời vị lai. Đức A-súc là Phật ở phương Đông, tiêu biểu cho trí. Đức Di-đà là Phật ở phương Tây tiêu biểu cho bi. Đức Quán Thế Âm, trên đồng với chư Phật, dưới hợp với chúng sinh cũng tiêu biểu cho Bi và Ban. Do sức giữ gìn bên trong mà được viên thông, ngoài ra đều do sự gia bị bên ngoài vậy. “Ô-sô-sắt-ma”, là Hỏa Đầu Kim Cang. “Lam-địa-ca”, là Thanh Điện Kim Cang. “Quân-trà-lợi”, kinh Đà La Ni Tập gọi là “Quân-trà-lợi Bồ-tát”. “Tỳ-câu-chi”, kinh Nhất Tự Phật Đảnh Luân Vương, gọi là “Tỳ-câu-chi Bồ-tát”, đều là thân Kim Cang. “Tần-na” là “Trư Đầu”, “Dạ-ca” là “Tượng tử”, tên của hai vị sứ giả.*

### ĐOẠN III

## KHAI THỊ TU TRÌ ĐƯỢC CHỨNG

**Trong bảy ngày đầu chí thành đánh lễ danh hiệu mười phương Như Lai, chư vị đại Bồ-tát và A-la-hán, thường trong sáu thời tụng chú đi quanh đàn, chí tâm hành đạo, mỗi thời thường tụng một trăm linh tám biến. Trong bảy ngày thứ hai, một bề chuyên tâm phát nguyện Bồ-tát, tâm không gián đoạn, tôi khi trước ở Tỳ-nại-da có dạy phát nguyện. Trong**

bảy ngày thứ ba, trong cả mười hai thời một  
bê trì chú Bát-dát-ra của Phật, đến ngày thứ  
bảy thì mười phương Như Lai đồng thời xuất  
hiện, trong chỗ ánh sáng các mặt gương giao  
xen và được Phật xoa đánh.

*Bảy ngày thứ nhất lễ lạy sám hối, bảy  
ngày thứ hai phát nguyện hồi hướng, bảy ngày  
thứ ba nhất tâm tụng chú, xoay lại tính nghe.  
Dùng tự tâm nghe, nghe lại tự tâm tụng chú;  
nghe và tụng xen lẫn nhau, tiếng và nghe đều  
dứt. Mười phương Như Lai trong chỗ ánh sáng  
của các gương giao xen, đồng thời thấy nhau  
xoa đánh thọ ký, Phật của chính mình và Phật  
ở ngoài đều không ngăn ngại vậy.*

**Liên ở nơi đạo tràng đó tu pháp Tam-  
ma-địa, có thể khiến cho người tu học như  
vậy trong đời mạng pháp, thân tâm được sáng  
suốt, trong sạch như ngọc lưu ly.**

*Ở đây nói chỗ tụng chú và nghe xen lẫn  
nhau, tạm được một lúc thân tâm sáng suốt  
trong sạch. Ở chỗ thuần nhất này trải qua một  
trăm ngày tự nhiên mắt tâm (tuệ nhãn) mở  
sáng, nên có câu không rời khỏi chỗ ngồi... ở  
văn sau.*

**A-nan, nếu trong các thầy truyền giới**

**cho vị Tỳ-kheo đó, hay trong mười vị Tỳ-kheo đồng hội, trong ấy có một người giới hạnh không được thanh tịnh, thì những đạo tràng như thế phần nhiều là không thành tựu.**

*Đồng nhất thanh tịnh, đồng nhất tâm hạnh, đồng nhất hồi hướng, thì chỗ đạo tràng đã vào đều được thành tựu. Nếu có một người chẳng thế, thì chín chúng đều luống uổng vạy.*

**Từ hai mươi một ngày về sau ngài nghiêm trang an cư trải qua một trăm ngày, nếu người lợi căn không rời khỏi chỗ ngồi liền được quả Tu-dà-hoàn. Mặc dù thân tâm người ấy đối với quả Thánh chưa được thành tựu, nhưng đã quyết định tự biết sẽ thành Phật không sai chạp.**

**Ông hỏi phương pháp kiến lập đạo tràng là như vậy”.**

*“Tu-dà-hoàn”, là sơ quả của hàng Tiểu thừa so với “Biệt giáo” sơ địa và Viên giáo sơ trụ đồng nhau. “Quyết định tự biết thành Phật không lầm”. Chính là Thập tín mãn tâm của “viên giáo”. Do “Thông giáo” và “Biệt giáo” đều không thể quyết định tự tin vạy. Hai câu sau rốt, là tóm kết để đáp lại lời hỏi trước.*

## MỤC V: TUYÊN NÓI TÂM CHÚ RỘNG KHAI THỊ NHỮNG LỢI ÍCH

---

### ĐOẠN I

#### PHẬT PHÓNG QUANG KHẮP KHAI THỊ

Ông A-nan đánh lễ dưới chân Phật mà bạch đức Phật rằng: “Từ khi xuất gia con ý lại lòng thương yêu của Phật, chỉ lo học nhiều nên không chứng được pháp vô vi mới gặp tà thuật của Phạm Thiên kia bắt giữ. Tâm con tuy sáng suốt rõ ràng, nhưng đạo lực chưa được tự do, nhờ ngài Văn Thù khiến con được giải thoát. Tuy con thâm nhờ sức thần chú Phật đánh của Như Lai, nhưng chính mình chưa được nghe, cúi mong Phật mở lòng đại từ, nói lại thần chú ấy, để cứu giúp những người tu hành trong hội này và đời mạt pháp ở trong tương lai còn trong luân hồi, nhờ mật âm của Phật mà thân ý được giải thoát”. Khi ấy tất cả Đại chúng trong hội thấy đều làm lễ chờ nghe những câu chú bí mật của Như Lai.

*Tiểu thừa lấy quả thứ tư làm vô vi. Ông*

*A-nan trước đã được Phật thăm gia bị mà chính mình chưa được nghe. Đây là vì trong chúng hội và tương lai, nên thỉnh Phật trùng tuyên lại thần chú vậy.*

**Khi ấy, từ trên nhục kế của đức Thế Tôn phóng ra hào quang trăm báu, trong hào quang hiện ra hoa sen báu ngàn cánh có hóa thân đức Như Lai ngồi trong hoa sen báu, trên đỉnh phóng ra mười đạo hào quang trăm báu, mỗi mỗi đạo hào quang đều hiện ra những vị Kim Cang mật tích, số lượng bằng mười số cát sông Hằng, bưng núi, cầm chày khắp cả hư không. Đại chúng ngược lên xem trong lòng vừa mừng vừa sợ, cầu xin Phật thương xót che chở một lòng lắng nghe đức phóng quang Như Lai nơi vô kiến đỉnh tướng của Phật tuyên nói thần chú:**

*Đảnh tướng của Phật không thể thấy, tiêu biểu cho Pháp thân Phật, không thể dùng mắt xem thấy, cũng không thể dùng tâm quán sát được. Từ trên đỉnh Phật phóng quang hiện ra hóa Phật; lại từ trên đỉnh hóa Phật phóng hào quang báu tuyên nói thần chú. Nghĩa là do từ thể khởi dụng, dụng tức là thể. Thể Phật không nói mà do từ dụng nói, mỗi mỗi việc hóa hiện đều thuộc về diệu dụng, nhưng thể vẫn không dao động vậy.*



## ĐOẠN II

# TUYÊN ĐỌC THÂN CHÚ PHẬT ĐÁNH THỦ LĂNG NGHIÊM

1.- Nam mô tát đát tha tô già đa gia a la ha đế tam diểu tam bồ đà tả.

2.- Tát đát tha Phật đà câu chi sắt ni sam.

3.- Na mô tát bà bột đà bột địa tát dá bệ tộ.

4.- Na mô tát đa nẫm tam diểu tam bồ đà câu chi nẫm.

5.- Sa xá ra bà ca tăng già nẫm.

6.- Na mô lô kê A-la-hán đá nẫm.

7.- Na mô tô lô đa ba na nẫm.

8.- Nam mô sa yết rị đà già di nẫm.

9.- Na mô lô kê tam diểu già đá nẫm.

10.- Tam diểu già ba ra để ba đa na nẫm.

11.- Na mô đề bà ly sắt xiển.

12.- Na mô tát đà gia tỳ địa gia đà ra ly sắt xiển.

13.- Xá ba nô yết ra ha sa ha sa ra ma tha nẫm.

- 14.- Na mô bặt ra ha ma nê.
- 15.- Na mô nhân đà ra gia.
- 16.- Na mô bà già bà đế.
- 17.- Rô đà ra gia.
- 18.- Ô ma bát đế.
- 19.- Sa hê dạ gia.
- 20.- Na mô bà già bà đế.
- 21.- Na ra đã noa gia.
- 22.- Bàn giá ma ha tam mộ đà ra.
- 23.- Na mô tất yết rị đa gia;
- 24.- Na mô bà già bà đế.
- 25.- Ma ha ca ra gia.
- 26.- Địa rị bát lạt na già ra.
- 27.- Tỳ đà ra ba noa ca ra gia.
- 28.- A địa mục đế.
- 29.- Thi ma xá na nê bà tất nê.
- 30.- Ma dát rị già noa.
- 31.- Na mô tất yết rị đa gia.
- 32.- Na mô bà già bà đế.
- 33.- Đa tha già dá câu ra gia.

- 34.- Na mô bát đầu ma câu ra gia.
- 35.- Na mô bặt xà la câu ra gia.
- 36.- Na mô ma ni câu ra gia.
- 37.- Na mô già xà câu ra gia.
- 38.- Na mô bà già bà đế.
- 39.- Đế rị trà thâu ra tây na.
- 40.- Ba ra ha ra noa ra xà gia.
- 41.- Đá tha già đa gia.
- 42.- Na mô bà già bà đế.
- 43.- Na mô a di đa bà gia.
- 44.- Đá tha già đa gia.
- 45.- A ra ha đế.
- 46.- Tam diểu tam bồ đà gia.
- 47.- Na mô bà già bà đế.
- 48.- A sô bệ gia.
- 49.- Đá tha già đa gia.
- 50.- A ra ha đế.
- 51.- Tam diểu tam bồ đà gia.
- 52.- Na mô bà già bà đế.
- 53.- Bệ sa xà gia câu rô phệ trụ rị gia.

- 54.- Bát ra bà ra xà gia.
- 55.- Đá tha già da gia.
- 56.- Na mô bà già bà đế.
- 57.- Tam bổ sự bí da.
- 58.- Tát lân nại ra lạt xà gia.
- 59.- Đá tha già đá gia.
- 60.- A ra ha đế.
- 61.- Tam diểu tam bồ đà gia.
- 62.- Na mô bà già bà đế.
- 63.- Xá kê đã mẫu na duệ.
- 64.- Đá tha già đa gia.
- 65.- A ra ha đế.
- 66.- Tam diểu tam bồ đà gia.
- 67.- Na mô bà già bà đế.
- 68.- Lạt dất na kê đô ra xà gia.
- 69.- Đá tha già đa gia.
- 70.- A ra ha đế.
- 71.- Tam diểu tam bồ đà gia.
- 72.- Đế biểu na mô tát yết rị da.
- 73.- Ế đàm bà già bà da.

- 74.- Tát dát tha già đô sất ni sam.
- 75.- Tát bát đa bát dát lam.
- 76.- Na mô a bà ra thị đām.
- 77.- Bát ra đế dương kỳ ra.
- 78.- Tát ra bà bộ đa yết ra ha.
- 79.- Ni yết ra ha yết ca ra ha ni.
- 80.- Bạt ra bí địa gia sất đà nễ.
- 81.- A ca ra mật rị trụ.
- 82.- Bát rị dát ra gia nãnh yết rị.
- 83.- Tát ra bà bàn đà na mục xoa ni.
- 84.- Tát ra bà đột sất tra.
- 85.- Đột tất phạp bát ba nễ phạt ra ni.
- 86.- Giả đô ra thất đế nẫm.
- 87.- Yết ra ha sa ha tát ra nhã xà.
- 88.- Tỳ đa băng sa na yết rị.
- 89.- A sất cha băng sa đế nẫm.
- 90.- Na xoa sát dát ra nhã xà.
- 91.- Ba ra tát đà na yết rị.
- 92.- A sất cha nẫm.
- 93.- Ma ha yết ra ha nhã xà.

- 94.- Tỳ đa băng tát na yết rị.
- 95.- Tát bà xá đô rô nễ bà ra nhã xà.
- 96.- Hô lam đột tất pháp nan giá na  
xá ni.
- 97.- Bí sa xá tất dát ra.
- 98.- A cát ni ô đà ca ra nhã xà.
- 99.- A bát ra thị đa cụ ra.
- 100.- Ma ha bát ra chiến trì.
- 101.- Ma ha điệp đa.
- 102.- Ma ha đế xà.
- 103.- Ma ha thuế đa xà bà ra.
- 104.- Ma ha bạt ra bàn đà ra bà tất nễ.
- 105.- A rị gia đa ra.
- 106.- Tỳ rị câu chi.
- 107.- Thệ bà tỳ xà gia.
- 108.- Bạt xà ra ma lễ đế.
- 109.- Tỳ xá rô đa.
- 110.- Bội đằng vông ca.
- 111.- Bạt xà ra chế hát na a giá.
- 112.- Ma ra chế bà bát ra chất đa.

- 113.- Bạt xà thiện trì.  
114.- Tỳ xá ra giá.  
115.- Phiến đa xá bộ đề bà bổ thị đa.  
116.- Tô ma rô ba.  
117.- Ma ha thuế đa.  
118.- A ri gia đa ra.  
119.- Ma ha bà ra a bát ra.  
120.- Bạt xà ra thương yết ra chế bà.  
121.- Bạt xà ra câu ma rị.  
122.- Câu lam đà rị.  
123.- Bạt xà ra hát tát đa giá.  
124.- Tỳ địa gia kiền giá na ma rị ca.  
125.- Hốt tô mẫu bà yết ra đá na.  
126.- Bộ rô giá na câu rị gia.  
127.- Dạ ra thô sắt ni sam.  
128.- Tỳ chiết lam bà ma ni giá.  
129.- Bạt xà ra ca na ca ba ra bà.  
130.- Rô xà na bạt xà ra đốn trĩ giá.  
131.- Thế đa giá ca ma ra.  
132.- Sát xa thi ba ra bà.

- 133.- Ế đế di đế.
- 134.- Mẫu đà ra yết noa.
- 135.- Sá bệ ra sám.
- 136.- Quật phạm đô.
- 137.- Ấn thờ na mạ mạ tả.
- 138.- Ô huân.
- 139.- Rị sắt yết noa.
- 140.- Bát lạt xá tất đa.
- 141.- Tát đát tha già đô sắt ni sam.
- 142.- Hổ huân.
- 143.- Đô rô úng.
- 144.- Chiêm bà na.
- 145.- Hổ huân.
- 146.- Đô rô úng.
- 147.- Tát đam bà na.
- 148.- Hổ huân.
- 149.- Đô rô úng.
- 150.- Ba ra sắt địa gia tam bát xoa noa  
yết ra.
- 151.- Hổ huân.



- 152.- Đô rô úng.
- 153.- Tát bà Dược-xoa hát ra sát sa.
- 154.- Yết ra ha nhã xà.
- 155.- Tỳ dằng băng tát na yết ra.
- 156.- Hổ huân.
- 157.- Đô rô úng.
- 158.- Giả đô ra thi để nẫm.
- 159.- Yết ra ha sa ha tát ra nẫm.
- 160.- Tỳ dằng băng tát na ra.
- 161.- Hổ huân.
- 162.- Đô rô úng.
- 163.- Ra xoa.
- 164.- Bà già phạm.
- 165.- Tát đát tha già đô sắt ni sam.
- 166.- Ba ra điểm xà cát rị.
- 167.- Ma ha sa ha cát ra.
- 168.- Bột thụ sa ha tát ra thất rị sa.
- 169.- Câu chi sa ha tát nê đê lệ.
- 170.- A tộ đê thị bà rị đa.
- 171.- Cha cha anh ca.

- 172.- Ma ha bặt xà rô đà ra.
- 173.- Đế rị bồ bà na.
- 174.- Mạn trà ra.
- 175.- Ô huân.
- 176.- Sa tất đế bạc bà đô.
- 177.- Mạ mạ.
- 178.- Ấn thổ na mạ mạ tả.
- 179.- Ra xà bà dạ.
- 180.- Chủ ra bặt dạ.
- 181.- A kỳ ni bà dạ.
- 182.- Ô đà ca bà dạ.
- 183.- Tỳ sa bà dạ.
- 184.- Xá tất đa ra bà dạ.
- 185.- Bà ra chức yết ra bà dạ.
- 186.- Đột sắt xoa bà dạ.
- 187.- A xá nễ bà dạ.
- 188.- A ca ra mật rị trụ bà dạ.
- 189.- Đà ra ni bộ di kiếm ba già ba dà  
bà dạ.
- 190.- Ô ca ra bà đa bà dạ.

- 191.- Lạt xà đàn trà bà dạ.
- 192.- Na già bà dạ.
- 193.- Tỳ điều đát bà dạ.
- 194.- Tô ba ra noa bà dạ.
- 195.- Dược-xoa yết ra ha.
- 196.- Ra xoa tư yết ra ha.
- 197.- Tát rị đa yết ra ha.
- 198.- Tỳ xá giá yết ra ha.
- 199.- Bộ đa yết ra ha.
- 200.- Cưu-bàn-trà yết ra ha.
- 201.- Bồ đan na yết ra ha.
- 202.- Ca cha bồ đan na yết ra ha.
- 203.- Tát kiên độ yết ra ha.
- 204.- A bá tát ma ra yết ra ha.
- 205.- Ô đàn ma đà yết ra ha.
- 206.- Sa dạ yết ra ha.
- 207.- Hê rị bà đế yết ra ha.
- 208.- Xã đa ha rị năm.
- 209.- Yết bà ha rị năm.
- 210.- Rô địa ra ha rị năm.

- 211.- Mang sa ha rị nẵm.  
212.- Mế ðà ha rị nẵm.  
213.- Ma xà ha rị nẵm.  
214.- Xà ða ha rị nữ.  
215.- Thị tỷ ða ha rị nẵm.  
216.- Tỳ ða ha rị nẵm.  
217.- Bà ða ha rị nẵm.  
218.- A thâu giá ha rị nữ.  
219.- Chát ða ha rị nữ.  
220.-Đế sam tát bệ sam.  
221.- Tát bà yết ra ha nẵm.  
222.- Tỳ ða ðạ xà sân ða ðạ di.  
223.- Kê ra ðạ di.  
224.- Ba rị bậ ra giả ca hất rị ðảm.  
225.- Tỳ ða ðạ xa sân ða ðạ di.  
226.- Kê ra ðạ ni.  
227.- Trà diễn ni hất rị ðảm.  
228.- Tỳ ða ðạ xà sân ða ðạ di.  
229.- Kê ra ðạ di;  
230.- Ma ha bát thâu bát ðát ðạ.

- 231.- Rô đà ra hất rị đảm.
- 232.- Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
- 233.- Kê ra dạ di.
- 234.- Na ra dạ noa hất rị đảm.
- 235.- Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
- 236.- Kê ra dạ di.
- 237.- Đát đỏa già rô trà tây hất rị đảm.
- 238.- Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
- 239.- Kê ra dạ di.
- 240.- Ma ha ca ra ma đát rị già noa hất rị đảm.
- 241.- Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
- 242.- Kê ra dạ di.
- 243.- Ca ba rị ca hất rị đảm.
- 244.- Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
- 245.- Kê ra dạ di.
- 246.- Xà gia yết ra ma độ yết ra.
- 247.- Tát bà ra tha sa đạt na hất rị đảm.
- 248.- Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
- 249.- Kê ra dạ di.

- 250.- Giả dốt ra bà tỳ nễ hát rị đảm.
- 251.- Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
- 252.- Kê ra dạ di.
- 253.- Tỳ rị dương hát rị tri.
- 254.- Nan đà kê sa ra già noa bát đế.
- 255.- Sách hê dạ hát rị đảm.
- 256.- Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
- 257.- Kê ra dạ di.
- 258.- Na yết na xá ra bà bà noa hát rị đảm.
- 259.- Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
- 260.- Kê ra dạ di.
- 261.- A-la-hán hát rị đảm tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
- 262.- Kê ra dạ di.
- 263.- Tỳ đa ra già hát rị đảm.
- 264.- Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
- 265.- Kê ra dạ di bạt xà ra ba nễ.
- 266.- Cự hê dạ cụ hê dạ.
- 267.- Ca địa bát đế hát rị đảm.
- 268.- Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.

- 269.- Kê ra dạ đi.
- 270.- Ra xoa vống.
- 271.- Bà già phạm.
- 272.- Ấn thổ na mạ mạ tả.
- 273.- Bà già phạm.
- 274.- Tát đất đa bát đất ra.
- 275.- Na mô tụy đô đế.
- 276.- A tất đa na ra lạt ca.
- 277.- Ba ra bà tất phở tra.
- 278.- Tỳ ca tát đất đa bát đế rị.
- 279.- Thập phật ra thập phật ra.
- 280.- Đà ra đà ra.
- 281.- Tần đà ra tần đà ra sân đà sân đà.
- 282.- Hổ huân.
- 283.- Hổ huân.
- 284.- Phấn tra.
- 285.- Phấn tra phấn tra phấn tra phấn tra.
- 286.- Sa ha.
- 287.- Hê hê phấn.
- 288.- A mưu ca gia phấn.

- 289.- A ba ra đề ha đa phấn.
- 290.- Bà ra ba ra đà phấn.
- 291.- A tố ra tỳ đà ra ba ca phấn.
- 292.- Tát bà đề bệ tộ phấn.
- 293.- Tát bà na già tộ phấn.
- 294.- Tát bà Dược-xoa tộ phấn.
- 295.- Tát bà càn thát bà tộ phấn.
- 296.- Tát bà bổ đơn na tộ phấn.
- 297.- Ca tra bổ đơn na tộ phấn.
- 298.- Tát bà đột lang chỉ đế tộ phấn.
- 299.- Tát bà đột sắp tỳ rê hất sắt đế tộ phấn.
- 300.- Tát bà thập bà rị tộ phấn.
- 301.- Tát bà a bá tất ma rê tộ phấn.
- 302.- Tát bà xá ra bà noa tộ phấn.
- 303.- Tát bà địa đế kê tộ phấn.
- 304.- Tát bà đát ma đà kế tộ phấn.
- 305.- Tát bà tỳ đà gia ra thệ giá rê tộ phấn.
- 306.- Xà dạ yết ra ma độ yết ra.
- 307.- Tát bà ra tha sa đà kế tộ phấn;



- 308.- Tỳ địa dạ giá rê tệt phấn.  
309.- Giá đô ra phộc kỳ nễ tệt phấn.  
310.- Bạt xà ra câu ma rị.  
311.- Tỳ dà dạ ra thệ tệt phấn.  
312.- Ma ha ba ra đinh dương xoa kỳ rị  
tệt phấn,  
313.- Bạt xà ra thương yết ra dạ,  
314.- Ba ra trượng kỳ ra xà gia phấn.  
315.- Ma ha ca ra dạ.  
316.- Ma ha mặt đất rị ca noa.  
317.- Na mô sa yết rị da dạ phấn.  
318.- Bí sắt noa tỳ duệ phấn.  
319.- Bội ra ha mưu ni duệ phấn.  
320.- A kỳ ni duệ phấn.  
321.- Ma ha yết rị duệ phấn.  
322.- Yết ra dàn trì duệ phấn.  
323.- Miệt đất rị duệ phấn.  
324.- Lạo đất rị duệ phấn.  
325.- Giá văn trà duệ phấn.  
326.- Yết lã ra đất rị duệ phấn.

- 327.- Ca bát rị duệ phẩn.  
328.- A địa mục chất đa ca thi ma xá na.  
329.- Bà tư nễ duệ phẩn.  
330.- Diễn cát chất.  
331.- Tát đỏa bà tả.  
332.- Mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tả.  
333.- Đột sắt tra chất đa.  
334.- A mặt dất rị chất đa.  
335.- Ô xà ha ra.  
336.- Già bà ha ra.  
337.- Rô địa ra ha ra.  
338.- Bà sa ha ra.  
339.- Ma xà ha ra.  
340.- Xà đa ha ra.  
341.- Thị bí đa ha ra.  
342.- Bạt lược dạ ha ra.  
343.- Càn đà ha ra.  
344.- BỐ sử ba ha ra.  
345.- Phả ra ha ra.  
346.- Bà tả ha ra.

- 347.- Bát ba chất đa.  
348.- Đột sắt tra chất đa.  
349.- Lạo đà ra chất đa.  
350.- Dược-xoa yết ra ha.  
351.- Ra sát sa yết ra ha.  
352.- Bé lệ đa yết ra ha.  
353.- Tỳ xá giá yết ra ha.  
354.- Bộ đa yết ra ha.  
355.- Cứu-bàn-trà yết ra ha.  
356.- Tát càn đà yết ra ha.  
357.- Ô đát ma đà yết ra ha.  
358.- Sạ dạ yết ra ha.  
359.- A bá tát ma ra yết ra ha.  
360.- Trạch khư cách trà kỳ ni yết ra ha.  
361.- Rị phật đế yết ra ha.  
362.- Xà di ca yết ra ha.  
363.- Xá câu ni yết ra ha.  
364.- Mỗ đà ra nan địa ca yết ra ha.  
365.- A lam bà yết ra ha.  
366.- Càn độ ba ni yết ra ha.

- 367.- Thập phạt ra yên ca hê ca.
- 368.- Truy đế dước ca.
- 369.- Đát lệ đế dước ca.
- 370.- Giả đột thác ca.
- 371.- Nặc đề thập phạt ra bí sam ma thập phạt ra.
- 372.- Bạc đế ca.
- 373.- Tị đế ca.
- 374.- Thất lệ sắt mật ca.
- 375.- Sa nễ bát đế ca.
- 376.- Tát bà thập phạt ra.
- 377.- Thất rô cát đế.
- 378.- Mạt bà bệ đạt rô chế kiêm.
- 379.- A ý rô kiêm.
- 380.- Mục khư rô kiêm.
- 381.- Yết rị đột rô kiêm.
- 382.- Yết ra ha yết lam.
- 383.- Yết noa thâu lam.
- 384.- Đạn đa thâu lam.
- 385.- Hất rị dạ thâu lam.

- 386.- Mạt mạt thâu lam.
- 387.- Bạt rị thất bà thâu lam.
- 388.- Bí lật sắt tra thâu lam.
- 389.- Ô đà ra thâu lam.
- 390.- Yết tri thâu lam.
- 391.- Bạt tất đế thâu lam.
- 392.- Ô rô thâu lam.
- 393.- Thường già thâu lam.
- 394.- Hát tất đa thâu lam.
- 395.- Bạt đà thâu lam.
- 396.- Sa phòng áng già bát ra trượng gia thâu lam.
- 397.- Bộ đa bí đá trà.
- 398.- Chà kỳ ni thập bà ra.
- 399.- Đà đột rô ca kiến đột rô cát tri bà lô đa tỳ.
- 400.- Tát bát rô ha lãng già.
- 401.- Thâu sa đát ra sa na yết ra.
- 402.- Tỳ sa đụ ca.
- 403.- A kỳ ni ô đà ca.
- 404.- Mạt ra bê ra kiến đá ra.

- 405.- A ca mật rị đốt dát liễm bộ ca.
- 406.- Địa lật lật tra.
- 407.- Bí rị sắt chất ca.
- 408.- Tát bà na câu ra.
- 409.- Tứ dẫn già tệt yết ra rị Dược-xoa  
đát ra sô.
- 410.- Mạt ra thị phệ đế sam sa bệ sam.
- 411.- Tát dát đa bát dát ra.
- 412.- Ma ha bạt xà rô sắt ni sam.
- 413.- Ma ha bát lật trượng kỳ lam.
- 414.- Dạ ba đột đà xá dụ xà na.
- 415.- Biện dát lệ noa.
- 416.- Tỳ đà gia bàn đàm ca rô di.
- 417.- Đế thù bàn đàm ca rô di.
- 418.- Bát ra tỳ đà bàn đàm ca rô di.
- 419.- Đá diệt tha.
- 420.- Úm.
- 421.- A na lệ.
- 422.- Tỳ xá đề.
- 423.- Bệ ra bạt xà ra đà rị.

**424.- Bàn đà bàn đà nễ.**

**425.- Bà xà ra bán ni phán.**

**426.- Hồ huân đô rô úng phán.**

**427.- Sa bà ha.**

Ngài Trường Thủy nói: “Thần chú gồm có 427 câu. Các số câu trước chỉ là quy mạng chư Phật, Bồ-tát chúng Hiền Thánh v.v... và tổ bày chú nguyện gia bị xa lìa các nạn ác ma, bệnh tật v.v.. Đến câu 419 nói: “Đát diệt tha”, Trung Hoa dịch là “Tức thuyết chú viết” (Liên nói chú rằng). Từ chữ “ÚM”, câu 420 trở đi mới là chú. Như trước đã nói, sáu thời hành đạo tụng tâm chú này, mỗi thời tụng 108 biến, tức là chính tụng tâm chú này. Hoặc như tụng suốt hết càng tốt. Song ở đây tức là bí mật Thủ Lăng nghiêm vậy.

Từ xưa đến nay thần chú không phiên dịch, lược có năm ý:

1/- Vì là mật ngữ của chư Phật: Chỗ bí mật đó, chỉ có Phật với Phật mới tự hiểu được nhau, chẳng phải các bậc Thánh khác có thể thông đạt.

2/- Vì là môn tổng trì: Mỗi chữ, mỗi câu hàm xúc nhiều nghĩa, như câu “bà đà bà” nói đủ có sáu nghĩa.

3/- Hoặc là tên các loài quỷ thần, gọi khiến họ ủng hộ người tu hành.

4/- Vì là mật ấn của chư Phật. Như ấn tín của nhà vua, không chỗ nào đến mà chẳng thông, kẻ u người hiền đều tuân theo phụng hành, Phật Phật truyền nhau không được thay đổi.

5/- Vì có sức gia trì không thể nghĩ bàn. Chỉ mật tụng, tức có thể diệt hết những lỗi lớn, mau chứng Thánh vị. Như vua ban hồng ân, thì những tội lỗi lớn đều được ân xá; nếu có công, thì được thăng chức, ở đây cũng lại như vậy. Thế nên, từ xưa đến nay không ai giải thích.

Bản chú hoặc có đồng và khác, đều do ba tạng ở Trung Quốc biên chép lời nói có khác, âm thanh có chút ít sai biệt. Nên chỉ theo một bản mà trì tụng không nên lựa chọn.

### ĐOẠN III

## KHAI THỊ VỀ XUẤT SINH CHƯ PHẬT HÀNG MA VÀ RỘNG GIA BỊ

A-nan, những câu nhiệm mầu, những kệ bí mật “Tát Đát Đa, Bát dát ra” của hóa thân nơi hào quang trên danh Phật đó, vốn sinh ra



tất cả mười phương chư Phật. Mười phương Như Lai nhân chú tâm này được thành Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác. Mười phương Như Lai trì chú tâm này uốn dẹp các ma, chế phục ngoại đạo. Mười phương Như Lai vận chú tâm này ngổi hoa sen báu ứng hiện trong cõi nước như số vi trần. Mười phương Như Lai ngậm chú tâm này ở trong các cõi nước như số vi trần chuyển đại pháp luân. Mười phương Như Lai trì chú tâm này hay ở trong mười phương xoa đánh thọ ký, tự mình chưa thành quả vị cũng có thể nơi mười phương nhờ Phật thọ ký. Mười phương Như Lai nương chú tâm này, có thể ở trong mười phương cứu vớt các khổ như địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đui, điếc, câm, ngọng, các khổ về oán hờn gặp gỡ, các khổ về yêu thích chia lìa, các khổ về cầu không được toại nguyện, khổ về năm ấm xí thạnh; những tai nạn hoặc lớn hoặc nhỏ đồng thời giải thoát. Nạn giặc, nạn bệnh, nạn vua, nạn tù giam, nạn gió, lửa, nước, cho đến đói, khát, nghèo thiếu liền được tiêu tan. Mười phương Như Lai tùy theo chú tâm này, có thể ở trong mười phương phụng sự thiện tri thức, trong bốn oai nghi cúng dường đều như ý. Ở trong pháp hội hàng sa Như Lai được suy tôn làm vị đại pháp vương tử. Mười phương Như

Lai thực hành chú tâm này, hay ở trong mười phương nhiếp thọ các thân nhân, khiến cho các Tiểu thừa nghe tạng bí mật không sinh kinh sợ. Mười phương Như Lai tụng chú tâm này thành đạo Vô Thượng Giác, ngồi dưới cây Bồ-đề vào đại Niết-bàn. Mười phương Như Lai truyền chú tâm này, sau khi diệt độ rồi phó chúc Pháp sự của Phật được trụ trì rất ráo, giới luật nghiêm tịnh thủy đều trong sạch.

*“Tát đất đũa, Bát đất ra” Trung Hoa dịch là “bạch tán cái”, “Bạch” nghĩa là không nhiễm, không tạp. “Tán cái”, nghĩa là che mắt. Căn cứ nơi nghĩa mà nói, thể đó thuần trắng không nhuộm. Có thể che phủ tất cả. “Chú tâm”, chú tức là tâm, tâm tức là chú. Thế thì phạm người trì chú đều nên đầy đủ tâm ấy chăng? Đáp: Đủ mà không biết. Do không biết, nên cho là chú tâm của Như Lai mà cũng có thể nương nơi sức oai thần của Như Lai, diệt tất cả tập quán cũ và thành tựu tất cả tâm nguyện, nên biết chú tâm tức là tâm Như lai tạng, tức là tâm đại bát Niết-bàn, tức là tâm chú của tất cả, nên còn gọi là đại tổng trì Đà-la-ni-môn. Tất cả mười phương ba đời chư Phật, Bồ-tát từ đây mà xuất sinh, do đây mà thành chính biến tri, uốn dẹp các ma, chế phục ngoại đạo. Do chú tâm này*

mà ngôi hoa sen báu, ứng hiện các cõi nước như số vi trần, chuyển bánh xe đại pháp. Do tâm chú này vì chư Bồ-tát, Thanh văn mà thọ ký, tức từ quả chưa thành do đây mà được Phật thọ ký. Nên chú tâm này, nhân địa và quả địa đều nương nơi sức hồng ân của Phật mà được viên mãn, nhổ tất cả khổ, giải thoát tất cả nạn thấy lấy đây làm chỗ nương. Cho đến mười phương Như Lai từ khi bố xứ về sau, chỉ dạy Bồ-tát làm vị Pháp Vương Tử, phụng thờ chư Phật, bốn việc thấy đều đầy đủ, nhiếp thọ kẻ thân nhân, pháp quyền, pháp thật đều dùng. Thị hiện Niết-bàn, truyền trao cho đời vị lai, không ai có thể rời chú tâm này mà được thành tựu. Do nó rộng lớn như vậy, trùm khắp như vậy, nên người trì chú tâm này, thật không có hai tâm, chỉ tại đương nhân tâm miệng cách nhau, nếu hay tự giác ngộ thì cùng với Như Lai thể dụng không hai. Nếu không hiểu biết mà chỉ nương nhờ thân thông và diệu dụng, thì đều không đầy đủ vậy. “Năm ám xí thanh” nghĩa là năm ám che đây chân tính, không để cho hiển phát. “Thanh” nghĩa là thanh hành và rộng lớn. Tám khổ cùng với các kinh khác không đồng. Ở đây căn cứ nơi tam đồ, các căn bị thiếu khuyết phối hợp với bốn khổ sau gọi là “bát khổ”. Các tai

*nạn ngoài cái khổ đã nhiếp trong tám nạn cũng khác hơn các kinh. Ở đây, lấy nạn giặc, nạn binh, nạn vua, nạn ngục, nạn gió, nước, lửa, đói là tám nạn. Nghèo thiếu cũng gồm nhiếp trong các nạn vậy.*

#### ĐOẠN IV

### KHAI THỊ CHÚ TÂM NÓI RỘNG KHÔNG CÙNG TỘI

**Nếu tôi nói chú “Phật Đảnh Quang Tụ Bát dát ra”, từ sáng đến tối các tiếng nối nhau trong đó những chữ, những câu cũng không trùng lặp, trải qua kiếp số như cát sông Hằng trọn không thể hết, chú này gọi tên là Như Lai Đảnh.**

*Luận về chú tâm đã có nói, thì có khi không nói mà ở đây vẫn nói, “ta nói chú Phật Đảnh Quang Tụ Bát dát ra từ sáng đến tối các tiếng nối nhau trong đó những chữ những câu cũng không trùng lặp, trải qua kiếp số như số cát sông Hằng, rốt cuộc cũng không thể hết”. Ở đây nếu ngộ mới biết thường tại trước mắt, không lúc nào chẳng nói, nên nói “chú tâm này cũng gọi tên là Như Lai Đảnh”. Chỗ Phật khai*

*thị rất sâu kín, ở đây chẳng phải tức chú tâm không phải rời chú tâm, người học phải thâm khế hội vậy.*

## ĐOẠN V

### KHAI THỊ SỨC CỦA THÂN CHÚ THÀNH TỰU ĐƯỢC THỂ GIAN VÀ XUẤT THỂ GIAN, THÊM TRÍ TUỆ, TIÊU NGHIỆP CHƯỚNG

Các ông là hàng hữu học, chưa hết luân hồi phát tâm chí thành tu chứng quả A-la-hán, nếu không trì chú tâm này, khi ngồi đạo tràng khiến cho thân tâm xa rời các ma sự, thì không thể được.

*Đây nói người lậu chưa hết, muốn cầu được dứt hết các lậu, hẳn phải nương nơi chú tâm này mới khởi ma sự. Đạo tràng ở đây tức là ở trước đã dạy an trí đạo tràng chuyên trì tụng chú vậy.*

A-nan, nếu các thế giới có những chúng sinh tùy chỗ những cõi nước mình sinh ra có các thứ như cỏ cây hoa lá cây cối, giấy trắng, bạch điệp dùng để chép viết chú này dựng trong dây thơm. Nếu người ấy tối tăm chưa thể nhớ tụng được, thì hoặc đeo trên thân,

**hoặc viết trong nhà ở, phải biết người ấy trọn đời tất cả các thứ độc không thể hại được.**

*Đây là vì người tâm còn tối tăm không thể ghi nhớ thọ trì được, nên nói rộng và rõ ràng để họ nhiếp thọ. “Bạch điệp” là loại giấy, sản xuất ở Thiên Trúc (Ấn Độ).*

**A-nan, nay tôi vì ông tuyên lại chú này để cứu giúp trong thế gian, được đại vô úy và thành tựu trí tuệ xuất thế gian cho chúng sinh.**

*Đây là người phát tâm trì chú và có chí quyết định cầu trí tuệ xuất thế gian. Nói xa lìa các chướng, từ đây đến ngộ vô sinh pháp nhãn, ở trong khoảng giữa đó việc đúng như pháp, không đúng như pháp đều đồng thanh tịnh. Song nếu người không tâm quyết định, chưa chắc có thể ứng hiện đúng vậy.*

**Nếu sau khi tôi diệt độ, chúng sinh đời mạt pháp, có người hay tự mình tụng, hoặc dạy người khác tụng chú này, phải biết những chúng sinh trì tụng chú như vậy, lửa không thể đốt cháy, nước không thể nhận chìm, các thứ độc lớn, độc nhỏ đều không thể hại được. Như thế cho đến các hàng thiên, long, quý, thần, tinh kỳ, ma mị, có những thú dữ đều**

không thể nhập. Nếu tâm người ấy được chính thọ thì tất cả thần chú nguyên rửa, yếm cổ, thuốc độc, kim độc, ngân độc và độc khí muôn vật, như cỏ cây sâu rắn khi vào miệng người đó đều thành vị cam lộ, tất cả sao dữ và các quỷ thần lòng dữ hại người đối với người ấy cũng không thể khởi tâm ác được. Tần-na, Dạ-ca các quỷ vương dữ khác cùng với quyến thuộc đều nhận lãnh ân sâu thường giữ gìn ủng hộ.

*“Tâm được chính thọ” đây là người cầu trí tuệ xuất thế gian do cảm ứng mà phát hiện ra. “Yếm cổ” chính trong kinh Pháp Hoa nói là “cổ hồ”. Kinh Duy Ma cũng có “yêu cổ”. “Kim ngân độc” tức trong kinh Phạm Võng nói là sinh kim và ngân độc vậy. “Tần-na”, “Dạ-ca”, đây là hai sứ giả. “Trư đầu và Tương tử” chính là Bồ-tát ủng hộ Phật pháp. “Nhận lãnh ân sâu”, tức là mong nhờ chú lực vậy.*

A-nan, nên biết chú này thường có 84.000 Na-do-tha hàng sa câu chi chúng tộc Kim Cang Tạng Vương Bồ-tát. Mỗi mỗi đều có những chúng Kim Cang làm quyến thuộc ngày đêm theo hầu. Giả sử có chúng sinh với tâm tán loạn chưa được vào Tam-ma-đề, tâm ghi nhớ, miệng trì tụng chú này, thì Kim Cang

Vương đó thường tùy theo bên thiện nam tử kia, hướng nữa là người có tâm Bồ-đề quyết định thì đối với những người này Kim Cang Tạng Vương Bồ-tát đó dùng tịnh tâm thâm xúc tiến, phát huy thần thức họ, người ấy liền khi đó tâm nhớ lại được 84.000 hàng hà sa kiếp, rõ biết cùng khắp không nghi lầm.

*Dùng tâm tán loạn ghi nhớ trì tụng để hiển phát tâm cầu trí tuệ xuất thế gian, riêng có cảm thông. Nên biết, Bồ-tát ủng hộ thân chủ không lựa chọn, nếu người chỉ thành nơi tâm ghi nhớ, rõ biết cùng khắp. Là do ở trong Tam-ma-địa, nhờ chủ lực của Như Lai, tự lực của hành giả và Bồ-tát có sức hộ trì, nên được thâm gia bị, nếu thời tiết phù hợp.*

Từ kiếp thứ nhất cho đến thân cuối cùng, trong mỗi đời người ấy không sinh trong loài Dục-xoa, La-sát và Phú-đơn-na, Ca-trá-phú-đơn-na, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-giá v.v... và các loài ngạ quỷ có hình, không hình, có tướng, không tướng, cả thấy những chỗ dữ như thế, thiện nam tử hoặc tụng, hoặc đọc, hoặc viết, hoặc chép, hoặc đeo, hoặc giữ, hoặc cúng dường nhiều cách chú này thì kiếp kiếp không sinh vào những nơi bần cùng hạ tiện, chỗ không thể ưa thích.



*Kiếp thứ nhất nghĩa là từ kiếp hiện tại phát khởi tâm quyết định, đến thân cuối cùng một đời bổ xứ ở trong khoảng giữa ấy, không sinh vào những nơi không ưa thích. “Phú-đơn-na”, Trung Hoa dịch là “Tân Kỳ Xá Ngạ” (hôi hám đói khổ lạ lùng) lại thân Ca-trá là quyền thuộc vậy. “Đới” là đeo trên thân. “Tàng” là cất giữ trong nhà.*

**Các chúng sinh này dẫu tự thân không tạo phước nghiệp, mười phương Như Lai có các công đức thảy đều cho họ hết. Do đó họ được ở trong những kiếp hàng hà sa số không thể nói, không thể nói hết, thường cùng với chư Phật đồng sinh một chỗ, không lường công đức nhóm lại như trái ác xoa, đồng chỗ huân tu, hàng không phân tán.**

*Phật cho công đức, được sinh cõi Phật. Ở đây tuy trì tâm chú cùng với Phật thâm thông, nhưng cũng phải cầu trí xuất thế mới thành chiêu cảm. “A-tăng-kỳ”, Trung Hoa dịch là “Vô số” không thể nói là số “A-tăng-kỳ”, cho đến không thể biết, không thể nói hết vậy.*

**Vậy nên, có thể khiến người phá giới, giới căn được thanh tịnh, người chưa được giới, khiến cho được giới; người chưa tinh tấn**

khiến cho tinh tấn, người không trí tuệ khiến được trí tuệ; người không thanh tịnh khiến mau thanh tịnh; người không trì trai giới, tự thành có trai giới.

A-nan, thiện nam tử ấy, khi trì chú này giả sử có phạm cấm giới đối với lúc chưa thọ giới, khi trì chú về sau các tội phạm giới không luận nhẹ hay nặng một thời đều tiêu diệt. Dù đã uống rượu, ăn năm thứ cay hôi (ngũ vị tân) các thứ không sạch, tất cả chư Phật, Bồ-tát, Kim Cang, thiên tiên quỷ thần, không cho là có lỗi. Dù mặc y phục rách nát không sạch, thì một cái đi một cái đứng thấy đồng như thanh tịnh. Dầu không lập đàn, không vào đạo tràng, cũng không hành đạo, thì tụng chú này, lại đồng như vào đạo tràng hành đạo công đức không khác. Dù tạo những tội trọng ngũ nghịch vô gián và tội “tử khí” “bát khí” của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, tụng chú này rồi cũng như gió mạnh thổi tan đồng cát, những nghiệp nặng như vậy đều diệt trừ không còn sót một mảy may.

A-nan, nếu có chúng sinh, từ vô lượng vô số kiếp đến nay, có tất cả các tội chướng hoặc nặng hoặc nhẹ từ đời trước đến giờ chưa kịp sám hối, nếu hay đọc tụng biên

chép chú này đeo trên thân, hoặc để chỗ ở như trang trại nhà vườn, quán thì những nghiệp chứa nhóm từ trước, cũng như nước nóng tiêu bằng không bao lâu đều được ngộ vô sinh pháp nhãn.

*Đây chính là chuyển kết, người phát tâm trì chú quyết định cầu trí xuất thế đã được thành tựu. “Ngộ vô sinh nhãn”, Đại thừa viên giáo ngay khi ở vị sơ trụ, trước đã rõ biết kiếp trước. Bởi căn cứ sự trì tụng được thuần nhất, nên định lực cảm phát, đây mới thật chứng sơ tâm, nghĩa là quyết định tự biết thành Phật không sai chạy vậy.*

*Nếu có chúng sinh mắc các tội phá giới là đều chỉ cho khi chưa thọ giới, hoặc khi chưa sám hối, từ khi trì chú về sau đều được tiêu diệt. Cho đến mặc y phục rách nát và uống rượu, ăn năm thứ cay hôi, không vào đạo tràng, chẳng hành đạo đây đều là hạn cuộc nơi thời gian và địa phương, hoặc gồm cả tại gia và xuất gia, hoặc đã phát minh, hoặc chưa phát minh, nên đặc biệt mới khai ra nơi đây. Việc này có thể dùng ý mà nhận được vậy.*

*“Tứ khí”, tức là Dâm, Sát, Đạo, Vọng. Tỳ-kheo-ni cộng thêm bốn giới sau là: Xúc, Kỳ, Phú, Tùy vậy.*

## ĐOẠN VI

### KHAI THỊ TRÌ CHÚ ĐƯỢC MÃN NGUYỆN, SINH CHỖ THÙ THẮNG

Lại nữa, A-nan, như có người nữ chưa sinh con trai con gái, muốn cầu mang thai, nếu hay chí tâm nhớ niệm hoặc đeo chú Tát Đát Đa Bát Đát Ra này, trên thân thì liền sinh những con trai con gái có phước đức trí tuệ; hoặc cầu sống lâu thì được sống lâu; cầu quả báo mau viên mãn, thì được mau viên mãn, cho đến thân mạng sắc lực cũng lại như thế, sau khi mạng chung tùy nguyện vãng sinh trong mười phương quốc độ, chắc chắn không sinh nơi biên địa hạ tiện, huống nữa là các tạp hình.

*Quả báo và phước lợi được quả báo. Bởi suy cầu về nam nữ trường thọ ngoài ra tất cả đều là quả báo. Đây đều do đức Như Lai phương tiện khiến người thọ trì để trông nhân xa cho quả Bồ-đề. Song về chỗ mong cầu của thế tục để thân sau được vãng sinh cũng đều tùy thuận theo nguyện đại bi khéo dùng để dẫn đường, nên không chỗ nào mà chẳng đến vậy.*

## ĐOẠN VII

# KHAI THỊ CHÚ LỰC CÓ THỂ TIÊU QUỐC NẠN DÂN TAI

A-nan, nếu các quốc độ như các châu, huyện, làng, xóm có những tai nạn, như đói khát, dịch lệ, hoặc ở những nơi có nạn giặc cướp dao binh, đấu tranh cùng tất cả những chỗ có ách nạn khác, nên viết thần chú này để nơi bốn cửa thành và các tháp hoặc trên các Thoát-xà (đài cao) để cho các chúng sinh hiện có trong cõi nước kính thờ chú này lễ bái, cung kính nhất tâm cúng dường, lại khiến trong nhân dân mỗi người đều đeo chú trên thân, hoặc mỗi người đều để nơi chỗ mình ở, thì tất cả những tai ách thấy đều tiêu diệt.

A-nan, chúng sinh trong nước, tùy chỗ nào mà có thần chú này, thì thiên, long hoan hỷ, mưa gió thuận thời tiết, ngũ cốc trúng mùa, dân chúng đều an vui. Lại cũng hay trấn giữ tất cả các thứ ác tinh, nó tùy nơi biến ra những điều kỳ lạ, tai chướng không khởi lên, người không hoại tử (chết yếu). Gông cùm, xiềng xích không dính vào thân được, ngày đêm ngủ yên, được thường không có mộng dữ.

A-nan, cõi Ta-bà này có 84.000 tai biến ác

ting, hai mươi tám đại ác ting làm thượng thủ, lại có tám đại ác ting làm chủ, khi hiện ra trong đời với nhiều hình trạng có thể sinh ra các thứ tai nạn khác lạ cho chúng sinh. Nếu chỗ nào có thần chú này, thì tất cả đều tiêu diệt. Lấy mười hai Do-tuần làm vòng kết giới, các tai biến hung dữ hẳn không thể vào được.

Từ câu: “Nếu các nước... cho đến những tai biến hung dữ hẳn không thể vào được”, là nói cùng tột sức của thần chú, tại chỗ tiêu diệt những tai chướng, có thể khiến cho quốc độ an ninh, nhân dân lợi lạc. “Các-chi-đề”, Trung Hoa dịch “Khả cúng đường xứ” (chỗ nên cúng đường). Lại nếu chỗ có đẽ Xá-lợi thì gọi là “tháp”, chỗ không đẽ Xá-lợi thì gọi là “chi đề”. “Thoát-xà”, Trung Hoa dịch là “tràng” (cột cờ) cũng dịch là “thành”, là chỗ đài cao nổi bật. 84.000 ác ting là so với 84.000 phiền não của chúng sinh. Xét về ting thần kết hung đều ứng theo việc của người, như hai mươi tám vị ting tú làm giềng mối cho bốn phương. Căn cứ nơi sao Mão mà suy ra, thì sao Mão là đứng đầu, thường lưu hành trên hư không trải qua bốn thiên hạ, thường đem đến các điều lành. Nên biết chúng sinh đều do nghiệp chủng sâu dày, nên có sự cảm ứng lỗi lầm sai trái, kiếp hung ác đưa nhau phát khởi, thiện ác vẫn không

*nhất định. Sách Thiên Quan nói: Phàm các tinh tú đều do ngũ tinh làm chủ, tức gọi là Ngũ Hành và sao La Hầu, sao Kế Đô, sao Chối cộng thành tám thứ. Nếu chỗ nào có thần chủ này trước hết đề cập đến chúng sinh, thì chúng sinh ấy các chướng đều tiêu, các tai nạn khác cũng tùy theo đó mà diệt. Khi xưa các quân tướng, khi thấy các hiện tượng như sao Chối, sao Phược có thể lấy đức hạnh tu hành để tiêu trừ nó, hướng chi trong Phật pháp ư? “Do-tuần”, chính là “Du Thiên Na”. Ở đây không chính thức phiên dịch là một cái nhà để cho vị Luân Vương đi tuần thú dừng nghỉ, số có lớn nhỏ, hoặc bốn mươi dặm, hoặc hai mươi dặm trong các kinh luận phần nhiều dùng con số nhỏ.*

## ĐOẠN VIII

### KHAI THỊ ĐỂ BẢO HỘ SƠ TÂM LÀ MA CHƯỚNG TÂM CHÚNG KHAI NGỘ

Vậy nên, Như Lai tuyên dạy chú này, vì để bảo hộ hàng sơ học tu hành đời vị lai được vào Tam-ma-địa. Thân tâm thơ thối, được rất an ổn, lại không bị tất cả các ma, quỷ thần và những oan khiên đời trước, nghiệp cũ nợ xưa từ vô thủy tới nay đến khuấy hại nhau. Ông và

các người hữu học trong chúng cùng các người tu hành đời vị lai y như lời dạy của tôi mà lập đàn tràng đúng theo pháp trì giới, gặp được tăng thanh tịnh chủ trì trong việc thọ giới đối với chú tâm này không sinh lòng nghi hối, thì những thiện nam tử ấy, chính nơi cái thân cha mẹ sinh ra đây, mà không được tâm thông thì mười phương Như Lai bèn là nói vọng.

*Phật nói chú này, vốn vì gia bị cho hàng sơ học đời mạt pháp, nên nay chuyển kết ba phen đĩnh ninh khiến không sinh tâm nghi hối. Tâm thông là chỉ cho ở trước an cư ngồi yên nghiêm chỉnh trải qua một trăm ngày, nếu người lợi căn không rời chỗ ngồi chứng được quả Tu-đà-hoàn, tức ngay thân còn sống mà chứng quả sơ trụ. Đây là lời nói chân thật của Phật phải nên tin chắc.*

*Như lai tạng ở trong tám thức của chúng sinh mà lầm làm thấy nghe. Mê nơi phân biệt rồi tùy theo phân biệt hư vọng, do đó mà có nổi chìm trong sáu đường, ra vào trong bốn loài, nghe tùy theo tiếng mà động, thấy theo sắc mà hiển bày, rõ ràng như việc ngày hôm qua. Từ lực của mười phương Như Lai gia bị, cũng là gia bị chỗ này mà thôi. Tất cả chúng sinh do lòng bi ngưỡng chiêu cảm, cũng là chiêu cảm chỗ này mà thôi. Song lời*



chỉ dạy của Phật rất thiết tha, chỉ tại chỗ thấy nghe mà đương cơ nương lời chỉ dạy liền dùng tâm phân biệt, rồi nghi cho là nhân duyên hay tự nhiên. Trải qua năm ấm, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới cho đến cuối cùng là bảy đại rửa sạch cùng tột, mà rốt cuộc cũng chỉ ra ở trong mộng nghe tiếng chày giã gạo chính mới rõ vậy. Nói tóm lại cũng chỉ là cái thấy nghe mà thôi, lại không riêng chỉ cái gì khác nữa. Xét cùng cái phân biệt chỉ tại trước mắt, tột chỗ tu chứng, trọn không phải việc khác. Đức Như Lai nói: “Căn và trần đồng một cội nguồn, triền phược và giải thoát không có hai. Thức tính hư vọng như hoa đốm giữa hư không”. Lại nói: “Thấy biết mà lập thêm có “cái biết” (phân biệt) tức là gốc của vô minh. Thấy biết mà không lập thêm có “cái thấy” (phân biệt) tức đây là Niết-bàn”. Nhân địa giác tâm này cũng không phải bỏ cái thấy, nghe thanh tịnh mà riêng có Như lai tạng. Đến như chỗ tự trình bày về tính Viên Thông, cũng gọi rằng ban đầu ở trong tính nghe xoay cái nghe trở vào chân tính mà quên tiếng bị nghe (nhập lưu vong sở), thì há không phải là tính nghe sao? Lại nói: “Do ta không tự quán âm, dùng quán mà quán lại người hay quán”. Lại nói: “Quán cái nghe xoay trở lại”. Lại nói: “Đoạn diệt vọng tưởng” thì há không phải bên ngoài dứt thanh trần, bên trong hàng

phục phân biệt mà riêng bày tính nghe sao? Ngài Văn Thù nói: “Chúng sinh quên cái nghe sẵn có mà chạy theo tiếng, nên bị lưu chuyển”. Lại nói: “Dem cái nghe thọ trì các danh hiệu Phật, đâu bằng tự nghe lại tính nghe”. Lại nói: “Xoay cái nghe, nghe lại tự tính, tính ấy thành vô thượng”, thì lại há không phải nhân địa giác tâm, ắt không thể bỏ tính nghe thanh tịnh này mà riêng có Như lai tạng tính ư? Ban đầu ở nơi phát minh, cuối cùng ở nơi tu chứng đều dứt hết các phân biệt, riêng lộ cái thấy nghe vào dòng tính nghe, bên ngoài thoát khỏi thanh trần nghe cùng tột giác tâm, bên trong không trụ nơi tuệ không, tức là đến được sơ tâm, tột chỗ rốt ráo do đây mà đồng được viên mãn. Đến bốn phần chỉ dạy cao siêu và huyền diệu để phòng ngừa ma Ba-tuần trong đời mật pháp. Kế lại dùng chú tâm khai ngộ chỉ chỗ bí mật cho đương nhân. Nếu khởi chấp hồng ân của Như Lai gia bị thì hiện tiền đã lâm qua. Đức Như Lai nói là chương cú vi diệu Phật đánh quang tុ, tát đất đa Bát-đát-ra, bí mật già đà hay xuất sinh ra mười phương tất cả chư Phật. Mười phương Như Lai cũng do chú tâm này mà được thành tựu vô thượng chính biến tri giác. Lấy đây mà quán, thì gọi là phát minh tính nghe, tức là phát minh chỗ này vậy. Nói bên ngoài dứt thanh trần, bên trong hàng phục phân biệt mà

*riêng bày tính nghe, tức là riêng bày chỗ này vậy. Chỗ đến của hàng sơ tâm tức là đến chỗ này vậy. Chỗ rớt ráo viên mãn, tức là viên mãn nơi đây vậy. Vi diệu già đà không ngờ toàn thân đầy đủ sáng chiếu rành rõ mà chẳng biết nó sáng suốt cùng khắp cả hằng sa. Ở đây đâu phải là chỗ hàng sơ học ngỡ tà mà thật chính là chỗ thâm chứng Bồ-đề, rõ biết cùng khắp không phải nhân nơi khác mà phát ra; quyết định thành Phật không nhờ nơi đạo tràng. Mới biết “hiển” là dùng để chỉ dấu vết, “mật” thì phải tự lãnh thụ. Tôi cố theo thứ tự trình bày con đường thông thường từ sơ tâm đến cứu cánh mà trở về gốc, ở nơi chú tâm thâm khai thị. Bởi vì đã thấy rõ đức Như Lai ba phen đĩnh ninh dạy bảo vậy.*

## ĐOẠN IX

### KIM CANG THIÊN THÂN TRONG HỘI PHÁT NGUYỆN BẢO HỘ RỘNG RÃI

Phật dạy lời nói ấy rồi, vô lượng trăm ngàn Kim Cang trong hội, một lúc đứng trước Phật chấp tay đánh lễ mà bạch Phật rằng: “Như lời Phật dạy chúng con sẽ thành tâm bảo hộ người tu đạo Bồ-đề như vậy”.

*Câu “Nguyện thành tâm bảo hộ người tu*

*đạo Bồ-đề”, lấy đây cũng để lệ cho chư Thiên, Bát-bộ, Thiện thân. Nên biết tâm Bồ-đề là tôn quý, là cao tột, tất cả trời, người đều vâng theo lời Phật dạy. Chúng ta tu hành tự phải cố gắng.*

**Lúc bấy giờ, trời Phạm-vương và trời Đế-thích, Tứ-thiên-vương cũng đối trước Phật đồng thời đánh lễ mà bạch Phật rằng: “Xét có người lành tu học như vậy, chúng con phải hết lòng chí thành bảo hộ, khiến cho trong một đời tu hành được như nguyện”.**

*Trời Dục giới thì do Đế Thích thống lãnh; Trời Phạm Thiên do Phạm Vương thống lãnh. Đây là những vị hộ pháp làm mô phạm vậy.*

**Lại có vô lượng đại tướng Dược Xoa, các vua La-sát, vua Phú-đơn-na, vua Cứu-bàn-trà, vua Tỳ-xá-giá, các đại quỷ vương, như Tần-na, Dạ-ca và các quỷ soái cũng đối trước Phật chấp tay đánh lễ mà bạch Phật: “Chúng con cũng thệ nguyện hộ trì người ấy, khiến cho tâm Bồ-đề mau được viên mãn”.**

*Đây là những vị đứng đầu trong tám bộ, phần nhiều là Bồ-tát thị hiện. Các kinh cũng có dùng để gọi tên các vị Bồ-tát.*

**Lại có vô lượng nhật nguyệt thiên tử,**

phong sư, vũ sư, vân sư, lôi sư, điện bá và các viên tuế tuần quan, chư tinh cùng quyển thuộc v.v... cùng ở trong hội chấp tay đánh lễ dưới chân Phật mà bạch Phật rằng: “Chúng con nguyện bảo hộ người tu hành ấy an lập đạo tràng được không sợ sệt”.

*Đây là nhiếp thuộc về Thiên chúng, Sư bá là nêu lên vị thủ lãnh đứng đầu vậy. “Úy” (sợ sệt) là chỉ trước tất cả các ma và quỷ thần không sợ sệt.*

Lại có vô lượng sơn thần, hải thần, tất cả tinh kỳ đất đai muôn vật, thủy, lục, không, hành, với phong thần vương và chư thiên Vô Sắc giới ở trước đức Như Lai đồng thời cúi đầu mà bạch Phật rằng: “Chúng con nguyện bảo hộ người tu hành ấy được thành tựu Bồ-đề, hằng không có ma sự”.

*Núi, biển, nước, đất liền, hư không, đường sá (sơn, hải, thủy, lục, không, hành) cho đến vạn vật cỏ cây lúa mạ, tất cả tinh linh là bao quát cùng tột những thần kỳ có trong ba cõi. Phong thần vương, không phải Phong Sư ở trước, mà chính là chủ của không thần, thân hình như gió, cùng với trời Vô Sắc đều nương nơi thần lực của Như Lai, khiến được tạm hiện ra vậy.*

Lúc bấy giờ, tám vạn bốn ngàn Na-dô-tha, hằng hà sa Câu Chi Kim Cang Tạng Vương Bồ-tát, ở trong đại hội liên từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật mà bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn, như bọn chúng con công đức và sự nghiệp tu hành thành đạo Bồ-đề đã lâu, mà không nhận lấy Niết-bàn, thường theo chú này để cứu hộ người Chân chính tu hành pháp Tam-ma-đề trong đời mạt pháp. Bạch Thế Tôn, những người tu tâm cầu vào chính định như thế; nếu ở tại trong đạo tràng hay những lúc đi kinh hành cho đến tâm tán loạn dạo chơi nơi xóm làng, chúng con và đồ chúng sẽ thường đi theo để hộ vệ người ấy. Dẫu cho Ma Vương Đại Tự Tại Thiên muốn có phương tiện khuấy phá trọn không thể được. Các quỷ thần nhỏ đi cách xa người ấy mười Do-tuần, trừ khi họ phát tâm thích người tu thiền. Bạch Thế Tôn, những ác quỷ như thế, hoặc các quyến thuộc muốn đến xâm phạm và nhiều hại người lành ấy, thì con dùng bảo xứ đập nát đầu như bụi nhỏ, thường khiến cho người tu hành ấy được như nguyện.

*Thành tựu Bồ-đề đã lâu, quả vị đã cao tốt, mà không nhận lấy Niết-bàn là do lòng đại*

bi tăng trưởng thù thắng. Hoặc ở nơi đạo tràng, hoặc những lúc đi kinh hành cho đến tâm tán loạn dạo chơi nơi xóm làng đều là thời gian tu Tam-muội. Bởi chỗ này, nên Bồ-tát Kim Cang Tạng Vương nói rõ, biết sâu về chính định mới chân thật hộ trì, chứ không phải ủng hộ che chở cho những việc bên ngoài nào khác. Ma Vương ở trên đánh trời Đại Tự Tại, không thích người tu hành cầu trí xuất thế, nên thường làm chướng ngại. Do ma có thế lực, nên Bồ-tát và đồ chúng thường theo ủng hộ, không để chúng có phương tiện khuấy phá, không đồng như các thứ ma khác vậy.



## MỤC VI: KHAI THỊ VỊ TRÍ TU CHỨNG TRƯỚC VÀ SAU

---

### ĐOẠN I

#### ÔNG A NAN THỈNH PHẬT KHAI THỊ VỀ NHỮNG DANH MỤC THỨ BẬC TU HÀNH

Ông A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ chân Phật và bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn, bọn chúng con ngu độn chỉ ưa thích nghe nhiều, mà đối với các tâm hữu lậu chưa cầu ra khỏi, nhờ lời từ bi chỉ dạy của Phật mới được lối huân tu Chân chính, thân tâm thư thái, được lợi ích lớn. Bạch Thế Tôn, người tu chứng Tam-muội của Phật như thế, khi chưa đến Niết-bàn, thì thế nào gọi là “Cần tuệ địa”, trong bốn mươi bốn tâm đến thứ bậc nào mới được danh mục tu hành, đến phương sở nào mới gọi là nhập địa, thế nào gọi là Bồ-tát Đẳng Giác?”. Thưa thỉnh lời ấy rồi năm vóc gieo xuống đất, trong Đại chúng nhất tâm chăm chú trông đợi từ âm của Phật.



*Chúng tử từ tập khí của hai thứ chấp đều gọi là lậu, nên không chỉ cho hàng Nhị thừa chúng được vô lậu. Chân chính huân tu, nghĩa là xoay cái nghe trở lại giác ngộ tính không (không giác). Đây chính là bắt đầu vào Tam-ma-địa, chưa đến Niết-bàn, nên từ Càn tuệ khởi hồi thứ lớp tu hành, ngở hầu lên đẳng giác cùng tột nhân vị. Bởi muốn lấy riêng mình làm gương xa, soi cho đời mạt pháp. Càn tuệ là nhân ban đầu, Niết-bàn là quả rốt sau, trải qua Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Tứ gia hạnh, cộng thành bốn mươi bốn tâm, ấy là thứ lớp tu hành rồi sau mới vào các địa đến Đẳng giác, do xét cùng tột về chỗ nhân vị. Ông A-nan tuy biết được tên, mà muốn rõ được chỗ thật đến, nên lại cầu Phật chỉ dạy.*

## ĐOẠN II

### PHẬT KHEN VÀ HỨA CHỈ TRƯỚC

**Bấy giờ, đức Thế Tôn khen ông A-nan rằng: “Lành thay! Lành thay! Các ông lại biết vì cả Đại chúng và tất cả chúng sinh tu Tam-ma-địa cầu pháp Đại thừa trong đời mạt pháp, xin tôi xa chỉ cho con đường tu hành vô thượng Chân chính, từ phàm phu đến Niết-**

**bàn. Nay ông hãy nghe kỹ tôi sẽ vì ông nói:**

**Ông A-nan và Đại chúng chấp tay sạch lòng im lặng nhận nghe lời Phật dạy.**

*Từ khi ông A-nan lựa căn Viên thông về sau, con đường Chân chính để huân tu đều đã biết rõ. Đại thừa sơ trụ bèn rõ biết cùng tột việc trong quả vị, không đồng như Tạng giáo và Thông giáo (Tiểu thừa) một vị chẳng biết một vị, xem lặp lại lời hỏi đức Như Lai, nghĩa là từ phạm phu đến Niết-bàn, khắp vì Đại chúng và các chúng sinh đời mạt pháp ở đây có thể thấy. Chữ “khoa” là không, nghĩa là tâm không vậy.*

### **ĐOẠN III**

## **KHAI THỊ HAI NHÂN ĐIÊN ĐẢO**

### **CHI 1. NÊU CHUNG VỀ NGUYÊN NHÂN ĐIÊN ĐẢO**

**Phật bảo: “A-nan phải biết, diệu tính vốn viên minh rời các danh tướng, xưa nay không có thế giới và chúng sinh.**

*Hỏi thứ lớp tu hành, thì có ban đầu, khoảng giữa và sau rốt. Danh tướng do đây mà lập. Hiện tiền có thế giới liền đó có chúng sinh.*

*Do đây mà có Phật và chúng sinh khác nhau. Ban đầu nói diệu tính vốn viên minh, xa lìa các danh tướng, bản lai không có thế giới và chúng sinh. Tuy vì đối với căn tính kẻ sơ cơ trong đời mạt pháp, nhưng không rời ý chỉ thẳng, chỉ một việc thật, nếu thêm cái thứ hai thì không phải chân, tùy chỗ bày hiện, người tự mê muội khá thương xót vậy.*

**Nhân vọng mà có sinh, nhân sinh có diệt, sinh diệt gọi là vọng, diệt vọng gọi là chân, ấy gọi là hai hiệu Chuyển y Vô Thượng Bồ-đề và Niết-bàn của Như Lai.**

*Kinh Hoa Nghiêm nói: “Không rõ đệ nhất nghĩa đế gọi là vô minh”. Trước nói, diệu tính là viên minh xa lìa các danh tướng, đây nói là đệ nhất nghĩa. Ở nơi đây mà không rõ biết gọi là bất giác. Bất giác vọng động mà có niệm khởi. Niệm khởi tức là tướng sinh, đương khi sinh liền diệt, diệt rồi lại sinh, do ngay đó mà không hiểu biết, niệm niệm tiếp nối nên gọi là vọng, rõ vọng tức là chân lại không có hai thể. Nên ngài Tào Khê nói: “Trước niệm chẳng sinh là tâm, sau niệm chẳng diệt là Phật”. Nghĩa là rõ biết thì không theo niệm trước tiếp tục, đương niệm rõ ràng chẳng trở lại mê. Đây gọi là chuyển. Chuyển vọng giác làm Bồ-đề, chuyển*

sinh diệt làm Niết-bàn, vốn đồng một thể; do mê và giác, nên có tên khác. Ngài Tào Khê lại nói: “Chỉ chuyển cái danh không thật tính vậy”. “Y”, là Như lai tạng y nơi bất giác mà có vọng động, y nơi vọng động mà có sinh diệt. Nay giác ngộ rõ biết không có vọng, thì không chỗ nương, tạng tính tự nó là như vậy, nên gọi là chuyển y.

**A-nan, nay ông muốn tu chân Tam-ma-địa thẳng đến đại Niết-bàn của Như Lai, thì trước phải biết hai nhân duyên đảo của thế giới và chúng sinh này. Nếu duyên đảo không sinh, đó là chân thật Tam-ma-địa của Như Lai.**

Văn trước đã nói ba món tương tục, trước có thế giới, rồi sau mới có chúng sinh. Bởi do tính giác sáng suốt, hư không vô tri mờ tối đối đãi thành có dao động, nên có phong luân nắm giữ thế giới, sở dĩ vọng lập, thì thanh sắc tỏ rõ. Do đó là lý sáng suốt không thể vượt ra được, nghe không vượt ngoài tiếng, thấy không vượt ngoài sắc. Đây là lý do chúng sinh có sau thế giới. Nay nói hai thứ duyên đảo, bởi nguyên là diệu tính, thì tròn sáng vốn không có thế giới và chúng sinh.

Do cái nhân duyên đảo mà có sinh tử Niết-bàn sai khác, cho nên trước là chúng sinh rồi sau là thế giới. Thế giới này cũng tức là chỗ

mắt thấy của chúng sinh hiện tiền chiêu cảm lấy, vọng chấp thành nghiệp xoay vần Phát sinh trong tất cả các loài mà chẳng nói thế giới sinh khởi vậy. Biết hai nguyên nhân điên đảo, thì không theo phân biệt, liền vào viên minh chân thật Tam-ma-địa.

## CHI 2. CHÚNG SINH ĐIÊN ĐẢO

### TIẾT A. NHÂN CHÚNG SINH ĐIÊN ĐẢO

**A-nan, thế nào gọi là chúng sinh điên đảo? A-nan, do cái tâm bản tính là minh, và tính minh ấy viên mãn cùng khắp, nên nhân tính minh phát ra hình như có tính, mà vọng kiến nhận là có tính sinh ra, từ chỗ rốt ráo là không, lại thành rốt ráo là có.**

*Tính giác vốn là minh (sáng suốt) vốn là tịch (lặng lẽ), do không tự giữ được cái tính minh đó mà bất giác vọng động. Tính vốn không vọng, nhân minh (sáng suốt) mà phát, nên có tính thì vọng kiến Phát sinh. Tính rốt ráo là không, do vọng mà trở thành rốt ráo có. Tính của vô tính nhất định tùy duyên. Có nguyên chẳng phải có, tùy theo duyên mà không thay đổi (bất biến). Điều này vẫn sau sẽ hiểu.*

**Cái năng hữu và sở hữu này, chẳng phải năng nhân sở nhân và những tướng năng trụ, sở trụ rốt ráo không có cội gốc.**

*Cái năng hữu ở đây là nương nơi cái rốt ráo ở trên, tức chỉ cho cái vọng kiến. Đã có cái “vọng kiến”, năng kiến tức là có cái “vọng tướng”, sở kiến, nên nói cái năng hữu sở hữu này. Cái sở kiến lấy vọng kiến làm nhân, ấy là chẳng phải nhân mà làm nhân. Cái vọng kiến năng trụ nguyên là “hư”, thì cái vọng tướng sở trụ há lại là “thật”. Nên nói rốt ráo không có cội gốc.*

**Từ gốc vô trụ đó mà kiến lập ra thế giới và các chúng sinh.**

*Từ gốc không trụ đó, tức là vốn trước rõ tướng trụ không cội gốc, mà vọng lập khi giới và căn thân. Do khi giới căn thân đều nhiếp thuộc về tướng phần, nên nói chung là thế giới.*

### **TIẾT B. TƯỚNG CHÚNG SINH ĐIÊN ĐẢO**

**Do mê không nhận được tính viên minh sẵn có, nên sinh ra hư vọng, tính hư vọng không có tự thể, không phải thật có chỗ nương.**

*Đây nguyên là vọng kiến của chúng sinh hiện có trước mắt, không có tự thể, không có chỗ nương, do mê không nhận được tính viên minh sẵn có mà sinh ra hư vọng. Ngộ tức vốn là chân, thế giới trước mắt chẳng phải thật có, chẳng phải thật không, ngay nơi cái thấy nghe đâu có mê, đâu có giác. Nơi đây nếu không rõ được chỉ theo các sức hư vọng, thì nghiệp cảm nào có cùng tột.*

**Toan muốn trở lại chân tính, thì cái muốn chân đó đã chẳng phải tính chân như chân thật. Cầu trở lại không đúng chân lý, thì liền thành ra những phi tướng; không phải sinh gọi rằng sinh, không phải trụ gọi rằng trụ, không phải tâm gọi rằng tâm, không phải pháp gọi rằng pháp.**

*Toan muốn trở lại chân, nghĩa là rõ biết vọng không có tự thể, lại chẳng phải riêng có. Nếu muốn trở lại chân, tức ngay một niệm này liền ở trên tính chân như, hiện thành ra những phi tướng. Nghĩa là chẳng phải chân tướng mà chấp là tướng, nên nói phi tướng. Do đó mà vốn không phải sinh nói là sinh; vốn không phải trụ nói là trụ; vốn không phải tâm nói là tâm; vốn không phải pháp nói là pháp. Đến như cái vọng thấy hiện tiền của chúng sinh đều vốn là không, do vọng mà thành có. Nghĩa là không rõ*

*đệ nhất nghĩa đế, nên gọi là vô minh. Từ sức hư vọng vô minh này xoay vần Phát sinh, ứng hợp theo cái lượng sở tri của nó, theo nghiệp mà phát hiện, nên vẫn sau lại nói.*

### TIẾT C. CHÚNG SINH VÀ NGHIỆP QUẢ

**Xoay vần Phát sinh, sinh lực phát huy huân tập thành ra nghiệp báo. Đồng nghiệp thì cảm với nhau. Nhân đó lại cảm ra các nghiệp diệt nhau sinh nhau, do đây mà có chúng sinh điên đảo.**

*Chúng sinh đồng nghiệp, thì yêu ghét cảm với nhau; đã có nghiệp cảm, thì có quả cảm, vì ghét cho nên diệt lẫn nhau, vì yêu nên sinh lẫn nhau. Đây là điên đảo.*

### CHI 3. THẾ GIỚI ĐIÊN ĐẢO

#### TIẾT A. NHÂN THẾ GIỚI ĐIÊN ĐẢO

**A-nan, thế nào gọi là điên đảo về thế giới? Do cái năng hữu sở hữu đó từng phần, từng phần từng đoạn giả dối sinh ra, vì thế mà không gian được thành lập; do phi nhân làm nhân không có năng trụ sở trụ, nên đời đời không dừng, vì thế mà thời gian thành lập.**



Do cái “*năng hữu sở hữu đó*”, là *nương văn trên*, do cái “*năng hữu sở hữu này*”, đã có *tướng sở*, tức thành cách biệt, nên từng phần từng đoạn mà lập thành không gian. Do phi nhân làm nhân, không có năng trụ, sở trụ cũng *nương văn trên*, chẳng phải *tướng nhân sở nhân*, *tướng trụ sở trụ*, đã có *vọng nhân*, tức có *vọng quả*, đã thành *vọng trụ*, tức thành *vọng diệt*, nhân quả sinh diệt đổi dời thành thời gian.

**Ba đời, bốn phương, hòa hợp xen lẫn với nhau, chúng sinh biến hóa thành mười hai loài.**

*Lấy thế (thời gian) xen lẫn với phương (không gian) lấy phương xen lẫn với thế, nhân thành mười hai. Vọng kiến của chúng sinh bị giới (không gian) làm cuộc hạn. Vọng niệm làm đổi dời, nên chỗ cảm của các loài cũng chia thành mười hai loại.*

### **TIẾT B. TƯỚNG THẾ GIỚI ĐIÊN ĐẢO**

**Vậy nên trong thế giới nhân động mà có tiếng, nhân tiếng mà có sắc, nhân sắc mà có hương, nhân hương mà có xúc, nhân xúc mà có vị, nhân vị mà biết pháp, sáu thứ vọng tướng rối loạn tạo thành nghiệp tính, nên**

**phân chia thành mười hai, do đây mà xoay vần mãi mãi. Vậy nên trong thế gian, những thứ: thanh, hương, vị, xúc biến đổi cùng tột đến mười hai lần thì xoay trở lại.**

*Tính của âm thanh có động tịnh, nên động là tướng của tiếng, song tiếng không phải là nhân của sắc, sắc không phải nhân của hương, hương không phải là nhân của xúc, xúc không phải nhân của vị, vị không phải là nhân của pháp, mà chính là một nhân với một mà có, ở đây đều do cái nhớ biết tụng tập của chúng sinh, vọng tưởng dung thông một thời liền hiện. Nên do sáu thứ vọng tưởng rối loạn căn trần dính liền với nhau tạo thành nhân của nghiệp tính, nên có phân chia quả báo của mười hai loài chúng sinh, tự tướng xoay vần vậy. Cùng tột mười hai loài biến hóa tức là mười hai khu phân. Trước nói sáu thứ tưởng, sau nói sáu trần, đều thấy căn trần xen dính với nhau mà thành biến hóa. “Toàn phục” tức là xoay vần vậy.*

### **TIẾT C. SINH LOẠI CÓ SAI BIỆT**

#### **C<sub>1</sub>. TỔNG NÊU MƯỜI HAI LOÀI**

**Dựa trên những tướng diên đảo xoay vần đó, nên trong thế giới có những loài**

**sinh bằng trứng, loài sinh bằng thai, loài sinh nơi ẩm ướt, loài hóa sinh, loài có sắc, loài không sắc, loài có tướng, loài không tướng, hoặc chẳng phải có tướng, hoặc chẳng phải không tướng.**

*Dựa trên những tướng xoay vần đó, tức là dựa trên căn và trần xen dính với nhau, lẫn thành xoay vần mãi, do diên đảo ấy, nên có các loài, vẫn sau tự rõ.*

## **C<sub>2</sub>. CHIA RA VÀ GIẢI THÍCH 12 LOÀI**

### **1. NOÃN SINH (*Loài sinh bằng trứng*)**

**A-nan, nhân trong thế giới có “hư vọng” luân hồi, diên đảo về động, nên hòa hợp với khí thành ra tám muôn bốn ngàn loạn tướng bay lặn, vì vậy nên có mầm trứng (yết-la-lam) trôi lặn trong cõi nước, các loài cá, chim, rùa, rắn đầy đầy.**

*Loài sinh bằng trứng do tướng sinh, hư vọng thuộc tướng, tướng nhẹ nên động, cảm với khí hòa hợp thành ra loài bay lặn lưu chuyển trong quốc độ. “Yết-la-lam”, Trung Hoa dịch là “ngưng hoạt” là vị trí khi mới vào thai. Luận Câu Xá nói: “Trong bào thai khi phân vị có chia làm năm mà vào thai là vị trí ban đầu”. Thời gian*

*thai noãn chưa phân đều đồng ở đây. Loại bay, lặn số nhiều vô lượng. Cá, chim, rùa, rắn ở đây chỉ nêu ra số ít để hiểu khái quát.*

## 2. THAI SINH (Loài sinh bằng thai)

**Nhân trong thế giới “tạp nhiễm” luân hồi, diên đảo về dục, nên hòa hợp với tư thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng đi ngang đi thẳng. Vì vậy, nên có bào thai (yết-bồ-đàm) xoay lăn trong cõi nước, các loài người, súc, rồng, tiên đầy đầy.**

*Thai nhân tình mà có, tạp nhiễm thuộc tình, tình sinh nơi dục, cảm với ướt đượm hòa hợp thành ra đi ngang đi thẳng xoay vẫn trong cõi nước. “Yết-bồ-đàm”, Trung Hoa dịch là “bào”, tức là vị trí thứ hai, thai và noãn đã phân. “Thụ” đi thẳng là người và Tiên thuộc chánh (đứng). “Hoành” đi ngang là rồng và súc thuộc thiên (nghiêng).*

## 3. THẤP SINH (Loài sinh nơi ẩm ướt)

**Nhân trong thế giới “chấp trước” luân hồi, diên đảo về đến, nên hòa hợp với noãn (hơi ẩm) thành ra tám muôn bốn ngàn (84.000) loạn tướng nghiêng ngửa. Vì vậy, nên có tế-thi thấp sinh trôi lăn trong cõi nước, các loài lúc nhúc quậy động đầy đầy.**

*Thấp do hợp với cảm, chấp trước, hướng đến nơi khác. Nhân hoãn (hơi nóng) hòa hợp mà thành ra nghiêng ngửa, trôi lăn trong cõi nước. “Tế-thi”, Trung Hoa dịch là “nhuyễn nhục” (thịt mịn), tương ban đầu chịu ở nơi ẩm ướt, do nó không vào thai, không ở hai vị trí trước. Lúc nhúc quậy động (hàm xuân nhu động) bay chạy không nhất định, khi nghe mùi hương thì đến nương gá.*

#### 4. HÓA SINH (loài hóa sinh)

**Nhân trong thế giới “biến dịch” luân hồi, điên đảo về giả, nên hòa hợp với xúc thành ra tám muôn bốn ngàn loạn tướng mới cũ. Vì vậy, nên có tướng yết-nam hóa sinh trôi lăn trong cõi nước, các loài lột xác bay đi đầy dẫy.**

*Loài hóa sinh do ly (rời ra) mà ứng (thành). Nhân nơi chán cái cũ đuổi theo và yêu thích chấp cái mới, tương ứng với xúc tướng. Được thành là nhờ hòa hợp biến đổi xoay vần lột xác bay đi. Chỉ nêu lên các loại như trời, địa ngục đều là hóa sinh, nhưng thuần tình hoặc thuần tướng, mỗi loài đều do nghiệp mà ứng. “Yết-nam”, Trung Hoa dịch là “ngạnh nhục” (thịt cứng). Phàm các loài lột xác biến hóa mà*

*gá nương, hình chất chóng thành, các loại khác đều như đây.*

### 5. CÓ SẮC (Loài có hình sắc)

**Nhân trong thế giới “lưu ngại” luân hồi, diên đảo về chướng, nên hòa hợp với trước thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng tinh diệu, vì vậy, nên có yết-nam sắc tướng trôi lăn trong cõi nước, các loài hữu cữu, tinh minh đầy đầy.**

*Chấp cứng cái vọng tướng tinh minh thành ra có hiển trước. Nên trên từ cửu diệu (mặt trời, mặt trăng, kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, la hâu, kế đô) dưới đến ngọc trai tuy tốt chỗ thân diệu, chỉ là sắc tướng, lành thì thuộc loại hữu trưng, dữ thì thuộc loài cửu trưng, đều là một loại vậy. Kinh Niết-bàn nói: “Trong tám mươi mốt vị thân, gốc đều nhân nơi tướng lưu ngại mà thành các sao tinh diệu”.*

### 6. KHÔNG SẮC (Loài không có hình sắc)

**Nhân trong thế giới “tiêu tán” luân hồi, diên đảo về hoặc, nên hòa hợp với ám thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng thâm ẩn, vì thế, nên có yết-nam vô sắc trôi lăn trong cõi nước, các loài không tán, tiêu, trầm đầy đầy.**

*Nhàm chán có để trở về không, chẻ sắc làm không thành tối tăm bất giác. Trên hết là vô sắc, chính giữa là chủ thân kỳ, dưới tột quỉ mị u ẩn đều là một loại này vậy.*

#### 7. CÓ TƯỚNG (Loài có tướng)

**Nhân trong thế giới “võng tượng” luân hồi, diên đảo về ảnh, nên hòa hợp với ức thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng tiềm kết, vì thế có yết-nam hữu tướng trôi lăn trong cõi nước, các loài thần quỉ, tinh linh đầy đầy.**

*Mờ tối không chủ, không mà có tướng nhỏ, dường như sáng, dường như tối, bỗng có mà không, tham mộ sự linh thông tùy theo chỗ nhỏ tướng mà hiện ra các thứ quỉ u ám, là chỗ của các loài quỉ kia thành.*

#### 8. KHÔNG TƯỚNG (Loài không có tướng)

**Nhân trong thế giới “ngu độ” luân hồi, diên đảo về si, nên hòa hợp với ngoan thành ra tám muôn bốn ngàn loạn tướng khô cảo, vì thế có yết-nam vô tướng trôi lăn trong cõi nước, các loài tinh thần hóa làm đất, cây, vàng, đá đầy đầy.**

*Ở đây có hai loại, một là sự huân tập ngu*

*độn đời trước, hai là do pháp tu tập khô cảo khô tâm, diệt trí đồng như cây đất; trên tột trời vô tướng, sức định đến tám muôn kiếp, rốt sau đọa xuống địa ngục; dưới đến tinh thần hóa làm vàng đá, như Hoa biểu thành tinh, Hoàng đầu hóa làm đá, đều là loài này ứng hiện.*

## 9. CHẴNG PHẢI CÓ SẮC

**Nhân trong thế giới “tương đối” luân hồi, diên đảo về ngụy, nên hòa hợp với nhiệm thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng nhân y, vì thế có yết-nam chẳng phải có sắc tướng mà có sắc, trôi lăn trong cõi nước, các loài thủy mẫu (sứa) v.v... lấy con tôm làm mắt đầy dẫy.**

*“Nhân y” là nhân nương nơi kẻ khác để lợi ích cho mình, khéo mượn hư dối. Như con thủy mẫu (sứa) không có hình sắc mượn con tôm làm con mắt, nắm lấy vật thành thân thể ăn nhờ mà gá mạng sống, mê mất thiên chân, một phen đến đối như ở đây vậy.*

## 10. CHẴNG PHẢI KHÔNG SẮC

**Nhân trong thế giới “tương dẫn” luân hồi, diên đảo về tính, nên hòa hợp với chú mà thành ra tám muôn bốn ngàn loạn tướng hô triệu, vì vậy thành có yết-nam, chẳng phải**



**không sắc tướng mà không sắc trôi lăn trong cõi nước, chú trở, yểm sinh các loài đầy dẫy.**

*Vốn tự không có sắc, nhân nơi chú trở, hô triệu mà thành tinh mị. Đây là do tự nó không có chủ chỉ theo bóng, gá với tiếng, thậm chí tiếng dâm, lời bi xen lẫn nhau mà dẫn đến có cử động. Do thói quen thành tính, nghe tiếng vang mà đến ở đây in tuồng như có sắc mà không phải sắc, nên gọi là không phải không sắc.*

## 11. CHẴNG PHẢI CÓ TƯỚNG

**Nhân trong thế giới “hợp vọng” luân hồi, diên đảo về vọng, nên hòa hợp với dị mà thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng hồi hõ. Vì vậy có yết-nam, chẳng phải có tướng tướng mà thành tướng trôi lăn trong cõi nước, những giống tò vò mượn chất khác thành cái thân của mình đầy dẫy.**

*“Bồ-lô”, tức là con tò vò, trộm con của loài khác dùng làm con mình. Nên gọi là hợp với vọng, đối gạt mà làm thành lẫn nhau, tùy theo cái tướng diên đảo của nó. Luận về nhân thì xả bỏ cái nặng mà làm cái nhẹ, chấp lấy cái đơn sơ mà làm cái sâu kín. Cái ân không gì lớn hơn mà thế gian quên đi, tình cờ đồng một nghĩa nên phải chịu quả báo như thế.*

## 12. CHẴNG PHẢI KHÔNG TƯỚNG

**Nhân trong thế giới có “oán hại” luân hồi, diên đảo về sát, nên hòa hợp với quái thành tám muôn bốn ngàn tư tướng ăn thịt cha mẹ, vì vậy có yết-nam không phải tướng tướng mà không tướng, trôi lăn trong cõi nước, như chim thỏ cưu ấp khối đất làm con và chim phá kính ấp trái cây độc làm con, con lớn lên thì cha mẹ đều bị chúng ăn thịt, các loại ấy đầy dẫy.**

*Từ oán hại mà sinh ra ân ái, ân ái thì có tướng, oán hại thì không tướng. Suy nhân sẽ thấy từ trong nghĩa thương mến mà khởi ra cái tướng sân hận giết hại; từ trong nghĩa thương mến tự không thể xa lìa mà sân hận và sát hại cũng là chỗ hẳn phải lộ ra. Như chim thỏ cưu ăn thịt mẹ, chim phá kính ăn thịt cha, đều do nghiệp cũ tạo thành; mặc tình theo nghiệp yêu ghét dùng lẫn lộn với nhau. Mê ấy là như vậy.*

**Ấy gọi là mười hai loài chúng sinh vậy.**

*Tổng kết tên của các loài:*

*Ông A-nan hỏi người tu Tam-ma-địa khi chưa đến Niết-bàn, bắt đầu từ Càn tuệ địa cho đến Đẳng giác, thứ lớp và danh mục tu hành như*

thế nào, mà đức Thế Tôn vẫn nói: “Diệu tính là Viên Minh, rời các danh tướng xưa nay không có thế giới và chúng sinh”. Thế nhưng chỗ nói về thứ lớp tu hành đó há không phải là danh tướng sao? Lấy đây mà muốn chứng diệu tính viên minh, thật có thể nói như người muốn đi về hướng Đông mà đầu ngựa lại xoay về hướng Tây vậy. Lại nói, người muốn tu Tam-ma-địa thẳng đến đại Niết-bàn của Như Lai phải biết hai nhân điền đảo chúng sinh về thế giới. Điền đảo không sinh, đây mới thật chân Tam-ma-địa của Như Lai. Vả lại trước nói xưa nay không có thế giới chúng sinh, ở đây nói hai nhân điền đảo của chúng sinh thế giới, thì biết rằng trước mắt nếu thấy có thế giới liền đó thấy có chúng sinh, đây tức là nhân điền đảo vậy. Nói rằng, do tính mà minh (soi sáng) tâm, nhân minh (soi sáng) mà phát tính, tính vọng nên kiến sinh há chẳng rõ ràng nơi vọng kiến chẳng phải là chân, nhân minh mà làm thành hư dối sao? Ngộ thế gian chúng sinh là do vọng kiến, diệu tính viên minh không phải giác minh, thì không có cái chân có thể trở lại, không có vọng có thể trừ, tức ngay trong nhật dụng, ngoài không có thanh sắc, trong không có thấy nghe, thì đâu phải chỗ hiểu của phàm phu, đâu chẳng phải chỗ biết của chư Thánh, nghĩa là rời các danh tướng xưa nay không có thế giới và

chúng sinh vậy. Hiện tại là hư vọng mà không phải có cái hư vọng để gọi tên, hiện tại chẳng phải chân như há có cái chân để trở lại. Đức Thế Tôn nói: “Muốn chân thì đã không phải thật tính chân như, chẳng phải chân mà lại cầu chân trở thành Phi tướng”. Có thể nói, chỉ thẳng hiện tiền, chớp mắt liền sai. Ngay đây mà ngộ thì mới biết tất cả chúng sinh, tức không phải tướng sinh, tất cả tướng trụ, tức không phải tướng trụ; hiểu biết không phải là tâm; sum la vạn vật không phải là pháp. Nơi đây nếu không ngộ, thì hằng ngày ở nơi vô sinh mà vọng thấy tướng sinh, hằng ngày ở nơi không trụ mà vọng thấy tướng trụ, không phải tâm mà chấp làm tâm, không phải pháp mà chấp làm pháp, xoay vần Phát sinh, vọng đâu có mé tột. Mười hai loài chúng sinh này là do điên đảo trôi lăn mà không tự biết. Đến khi phát minh được tự tính hiểu rõ hiện tiền, không phải tìm nơi người khác. Nên biết hai quả Đẳng giác và Diệu giác không vượt ngoài sơ tâm. Song nơi căn bản trí chỉ hàng phục được hiện hành, nơi sai biệt trí vẫn còn chủng tập (chủng tử tập khí). Cuối cùng đến Niết-bàn mới hết sở tri, rồi sau mới biết xa lìa danh tướng; tính xưa nay không thật có, chưa để gì có thể nói cho hết.



# KINH THỦ LĂNG NGHIÊM TRỰC CHỈ

## QUYỂN TÁM

---

### ĐOẠN IV

#### KẾT LUẬN VỀ BẢN NHÂN ĐIÊN ĐẢO, DÙNG ĐỂ KHỞI CÁI NGHĨA THỨ LỚP TU TẬP

A-nan, như vậy trong mỗi mỗi loài chúng sinh cũng đều có đầy đủ mười hai thứ điên đảo, cũng như ấn con mắt thì thấy hoa đốm lăng xăng phát sinh. Chân tâm diệu viên thanh tịnh sáng suốt mà điên đảo thì đầy đủ những thứ tư tưởng càn loạn giả dối như vậy.

*Trên nói mười hai loài chúng sinh, mỗi mỗi đều tự thành một loài, ở đây nói mỗi mỗi chúng sinh đều có đủ mười hai loài. Nguyên là một tính viên minh xưa nay không có tất cả, theo vọng niệm điên đảo thì không chỗ nào mà chẳng đủ, tùy theo nghiệp có nặng nhẹ mà biến hóa có*

*trước và sau. Nếu không ngay đó biết trở về, thì trôi lăn trọn không có chỗ nhất định vậy.*

**Nay ông tu chứng Tam-ma-địa của Phật, thì đối với những tư tưởng càn loạn làm nguyên nhân cội gốc của các thứ điên đảo, nên lập ra ba tiệm thứ mới trừ diệt được, như trong cái bình sạch trừ bỏ mật độc, dùng nước nóng và các thứ tro, chất thơm rửa sạch cái bình kia, rồi sau mới đựng được nước cam lộ.**

*Cái bình vốn tự trong sạch sẵn chứa nước cam lộ, do mật độc, nên phải phương tiện dùng chất thơm nước nóng, nếu mật độc đã bỏ xong, chất thơm và nước nóng cũng không dùng nữa. Nên nói đối với những tư tưởng càn loạn là bản nhân sinh ra điên đảo, nên phải lập ba tiệm thứ.*

## ĐOẠN V

### KHAI THỊ RA BA MÓN TIỆM THỨ

#### CHI 1. NÊU TÊN CHUNG

**Thế nào gọi là ba món tiệm thứ? Một là tu tập trừ bỏ trợ nhân; hai là tu chân để gột sạch chính tính; ba là tăng tấn trái lại với hiện nghiệp.**

Năm thứ cây hôi (ngũ tân) nó hay trợ giúp cho phát sinh nghiệp phiền não, nên gọi là trợ nhân. “Tu tập” nghĩa là trong khi tu tập dễ quên, nên mới giản trạch. Dâm, sát, đạo, vọng là cội gốc của sinh tử, nên gọi là “chính tính chân tu”. Nghĩa là cái cội rễ không trừ thì ngoài ra đều thành hư dối. Rời trần, thoát khỏi căn cho đến tột tính nghe, thì hiện hành không còn thừa, nên gọi là trái với hiện nghiệp. “Tăng tiến” nghĩa là do lý, do sự viên thông mà tăng trưởng và thắng tiến vậy. Trì giới (sự) thì từ thô mà vào tế, chứng lý thì từ cạn mà vào sâu. Đây là Phật xa tự khai thị cho đời sau, những người chưa từng phát minh thì y theo tiệp thứ này, chứ không phải nói cho người đã phát minh sơ tâm vậy.

## CHI 2. TRỪ TRỢ NHÂN

### TIẾT A. NÓI RÕ CÁI ĂN LÀ TRỢ NHÂN

Thế nào là trợ nhân? A-nan, mười hai loài chúng sinh trong thế giới như thế, không thể tự an toàn mà phải nương bốn cách ăn mới sống còn. Nghĩa là nương theo đoạn thực, xúc thực, tư thực và thức thực. Thế nên Phật nói, tất cả chúng sinh đều nương nơi cái ăn mà sống còn.

*Luận Duy Thức* nói: “Có bốn thứ thực: 1/ Đoạn thực: Lấy sự biến hoại làm tướng; do ba thứ hương, vị, xúc khi biến hoại có thể làm việc ăn. 2/ Xúc thực: Lấy sự xúc chạm với cảnh làm tướng; nghĩa là xúc chạm với cảnh hữu lậu. Khi chấp lấy cảnh thì nhiếp thọ vui thích v.v... có thể làm việc ăn. 3/ Tư thực: Lấy việc mong mỏi làm tướng; nghĩa là suy nghĩ việc hữu lậu cùng với dục đều chuyển biến, mong mỏi cảnh đáng ưa thích có thể làm việc ăn. 4/ Thức thực: Lấy sự chấp giữ làm tướng; nghĩa là phân biệt các pháp hữu lậu. Do đoạn thực, xúc thực và tư thực thế lực càng tăng trưởng, nên có thể làm việc ăn. Bốn thứ thực này Dục giới hoàn toàn đầy đủ, Sắc giới và Vô sắc giới thì không có hai trần là hương trần và vị trần, chính cũng không có xúc, nên chỉ có hai thứ (thức thực và tư thực) được cùng khắp. Địa ngục chỉ do nghiệp thức mà không thể đoạn mạng, nên cũng chỉ có tư và thức vậy.

TIẾT B. CHỈ RA NGŨ VỊ TÂN LÀ LỖI LÂM VÀ TAI HOẠN,  
KHIẾN ĐOẠN TRỪ

**A-nan, tất cả chúng sinh ăn thức lành thì sống, ăn thức độc thì chết. Vậy chúng sinh cầu Tam-ma-địa, nên dứt bỏ năm thứ rau cay trong thế gian.**



*Không độc gọi là lành, không phải cuộc hạn nơi vị ngọt. Năm thứ rau cay là: Hành, họ, tỏi, nén và hưng cừ. Tam Tạng Từ Mẫn nói: “Hưng cừ”, gốc như cây riềng, mọc dưới đất, vị nó cay và hôi, xứ này không có.*

**Năm thứ rau cay đó ăn chín thì phát lòng dâm, ăn sống thì thân sinh lòng giận. Những người ăn các thứ rau cay đó trên thế gian dẫu giảng nói được mười hai bộ kinh, thiên tiên trong mười phương ghét mùi hôi đó đều tránh xa cả, các loài quỷ v.v... nhân trong lúc người kia ăn rau cay đó đến liếm môi mép người đó; người ấy cùng ở chung với quỷ một chỗ, phước đức ngày càng tiêu mòn, hằng lâu không được lợi ích. Người ăn rau cay đó tu Tam-ma-địa, Bồ-tát, thiên tiên, thiện thần không đến giữ gìn ủng hộ; đại lực quỷ vương được phương tiện ấy hiện thân Phật nói Pháp cho người kia nghe, khiến chê bai phá giới cấm, khen ngợi dâm dục, nóng giận và si mê, khi mạng chung tự làm quyến thuộc với ma vương. Khi hưởng phước ma hết rồi dọa vào địa ngục vô gián. A-nan, người tu đạo Bồ-đề, thường phải đoạn hẳn năm thứ rau cay, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ nhất.**

*Chỉ ăn một trong năm thứ rau cay mà hay phát lòng dâm, thêm tính nóng giận, xa lìa Bồ-tát, Thiên tiên, gần gũi với Ma Vương và ngã quỷ. Người đã tu đạo Bồ-đề đâu không chịu khó đoạn dứt ư?*

### CHI 3.- GỘT SẠCH CHÍNH TÍNH

TIẾT A. KHUYÊN ĐOẠN

**Thế nào là Chính Tính? A-nan, chúng sinh tu Tam-ma-địa như vậy, trước hết cần yếu phải nghiêm trì giới luật cho thanh tịnh, đoạn hẳn lòng dâm, không dùng rượu thịt, chỉ ăn đồ trong sạch nấu chín, không ăn đồ sống. A-nan, người tu hành đó, nếu không đoạn dâm dục và sát sinh mà muốn ra khỏi ba cõi, thì thật không có lẽ ấy. Phải quán sự dâm dục như là rắn độc, như thấy giặc thù.**

*Trước tiên lập lại giới dâm, là bởi vì sắc thân của chúng sinh, do dâm dục mà có, lại rất khó đoạn trừ, người muốn ra khỏi ba cõi, phải lấy giới này làm đầu. Lại phần duyên khởi trong bản kinh (Lăng Nghiêm) Phật ba phen đảnh ninh chỉ dạy cho Ngài A-nan. Gồm nói, không dùng rượu thịt, ngăn chỗ tối tăm, xa lìa sát hại, có thể dùng khái quát vậy.*

## TIẾT B. CHỈ DẠY THỨ LỚP ĐOẠN TRỪ

Trước hết giữ gìn giới tứ khí, bát khí của Thanh văn, giữ thân không lay động. Sau hành trì luật nghi thanh tịnh của Bồ-tát, giữ tâm không dấy khởi.

*Thanh văn giữ gìn thân, Bồ-tát giữ gìn tâm, đây là căn cứ nơi Đại thừa và Tiểu thừa mà nói, chứ không phải nói Thanh văn hoàn toàn không giữ tâm. Tội Tứ khí và Bát khí trước đã giải thích.*

## TIẾT C. CHỈ BÀY TRỪ BỎ TRIỀN PHƯỢC CHỨNG ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Cấm giới đã thành tựu, thì đối với thế gian hẳn không có những nghiệp sinh sát lẫn nhau. Không làm việc trộm cắp, thì không vay nợ lẫn nhau, đối với thế gian khỏi phải đền trả lại nợ trước. Người thanh tịnh ấy tu Tam-ma-địa liền chính nơi thân thịt của cha mẹ sinh ra, không cần thiên nhãn mà tự nhiên xem thấy mười phương thế giới, gặp Phật, nghe Pháp, chính mình vâng lãnh thánh chỉ của Phật, được Pháp Đại Thần thông, dạo đi trong mười phương cõi nước; túc mạng thanh tịnh không còn những điều khó khăn hiểm trở; ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tiến thứ hai.

Nếu đoạn tâm dâm, thì không có sinh lẫn nhau; đoạn lòng sát, thì không có giết hại lẫn nhau; đoạn tâm tham, thì không có trả nợ lẫn nhau. Tham vọng lợi dưỡng cũng nhiếp thuộc về nợ trước. Người thanh tịnh ấy tu Tam-ma-địa, nên hay xem thấy mười phương, thấy Phật, nghe Pháp, không phải chỉ riêng cho người trì giới mà nói. Kinh Pháp Hoa luận rằng: “Con mắt hay thấy được Đại thiên, chính là Thiên nhân”. Sao gọi là nhục nhãn? Ngài Trí Giả đại sư nói: “Đây là ngôi vị trong Viên Giáo, nhân sức trải qua mà có tác dụng của căn, căn thù thắng đã chưa phát chân, nên không gọi là thiên nhãn, vẫn gọi là nhục nhãn”. Ấy là thân phần đoạn, nên gọi là cha mẹ sinh ra. Tuy là nói nhục nhãn, nhưng có đủ dụng của Ngũ nhãn, nên thấy được trong ngoài của đại thiên.

#### CHI 4. TRÁI VỚI HIỆN NGHIỆP

##### TIẾT A. SÁU CĂN TRỞ VỀ NGUỒN

**Thế nào gọi là hiện nghiệp? A-nan, người trì giới thanh tịnh như vậy, tâm không tham dâm, thì đối với sáu trần bên ngoài không hay dong ruổi, nhãn không dong ruổi, nên tự xoay trở về tính bản nguyên. Trần đã không duyên theo, thì căn không ngẫu hợp**

nơi đâu nữa. Trở ngược dòng về chỗ toàn nhất, sáu cái dụng không khởi hiện hạnh, cõi nước mười phương sáng suốt trong sạch, thí như trong ngọc lưu ly có treo mặt trăng sáng.

*Trên đã nói, người thanh tịnh tu Tam-ma-địa, không cần thiên nhãn, tự nhiên xem thấy mười phương, thấy Phật, nghe pháp, mà ở đây lại nói: Nếu tâm không tham dâm, thì đối với sáu trần bên ngoài không hay dong ruổi. Bởi do lúc đầu giữ gìn giới cấm, nên gọi là nhân không dong ruổi, tự xoay trở lại tính bản nguyên. Bên ngoài rời động tịnh, bên trong giải thoát căn vặn, ấy là tự xoay trở lại tính bản nguyên; nghĩa là một căn đã trở về tính bản nguyên, thì sáu căn đồng giải thoát. Do đó mười phương sáng suốt, như trong ngọc lưu ly có mặt trăng sáng. Đây tức là thân chứng không giác, không đồng với văn trước do giới định phát ra được vị tương tự vậy.*

### TIẾT B. CHỨNG NGỘ PHÁP VÔ SINH

**Thân tâm khoan khoái tính diệu viên bình đẳng, được đại an ổn; tất cả mặt viên thanh tịnh nhiệm mầu của Như Lai đều hiện trong đó; người ấy tức chứng được Pháp Vô Sinh Nhân. Từ đó lần lượt tu tập tùy theo các**

**hạnh phát ra mà an lập Thánh vị, đó gọi là tiệ̣m thứ tu hành tăng tiến thứ ba.**

*Văn trên nói, mười phương sáng suốt như ngọc lưu ly trong sạch, là do phát minh được không giác, nên hay tiêu dung căn thân khí giới. Thân tâm khoan khoái tự ở trong đương niệm mà được bình đẳng nhiệm mầu, thấy được biển quả Viên giác của Như Lai chóng hiện trong nhân, tùy thuận không hai. Đó là Vô sinh nhĩn bèn đã thành tựu được thể của Càn tuệ, sau mới nên chỉ ra tên ấy.*

## ĐOẠN VI

### AN LẬP CÁC THÁNH VỊ

#### CHI 1. CÀN TUỆ ĐỊA

A-nan, thiện nam tử ấy ái dục đã khô cạn, căn và cảnh không phối hợp, thân tâm hiện tiền không còn tiếp tục sinh nữa. Do giữ chặt tâm rỗng sáng, thuần là trí tuệ , tính trí tuệ được sáng suốt cùng khắp soi thấu mười phương cõi nước, chỉ có cái tuệ khô khan ấy, nên gọi là “Càn tuệ địa”, tập khí ngũ dục mới khô cạn, chưa tiếp giáp với dòng nước pháp của đức Như Lai.

Ái dục khô cạn, tức là ở trên nói đối với trần không duyên theo, căn không phối hợp. Căn cảnh đã không phối hợp, thì nhân triền phược không sinh, tuy có quả triền phược, tội báo thân này lại không tiếp tục sinh nữa. Cháp tâm rộng sáng thuần là trí tuệ, tuệ tánh viên minh soi sáng khắp mười phương cõi nước, cũng giống như mười phương sáng ngời là trong ngọc lưu ly có treo mặt trăng sáng. Đây chính là sơ trụ của viên giáo phát minh được sơ tâm, bèn cùng với Như Lai đồng một thể tính; nghĩa là tất cả mặt viên thanh tịnh nhiệm mầu của Như Lai đều hiện trong đó. Thập tín mãn tâm của viên giáo mới thành tựu được quả vị này. Căn cứ kinh này tức là ở trong ngôi Thập tín đã viên mãn chân trí, dùng làm nhân vị do cùng với cực quả thành tựu với nhau, nên cứu cánh và sơ tâm cả hai đều không khác. Song từ ngôi vị này trở xuống lại lập thêm Thập tín là sao? Thập tín đều có hành bố (tiệm tu), ở đây đặc biệt trước nêu ra căn bản trí, nhân ở trên được tăng tiến, do rời trần thoát căn đã được xoay trở lại bản nguyên cùng với ở đây phù hợp nhau, nên đặc biệt trân trọng mà nói, hoặc viên giáo dùng ngôi vị này làm sơ trụ, cũng chỉ tin tội chỗ phát ra vậy.

## CHI 2. THẬP TÍN

Tức lấy cái tâm ấy đúng ngay nơi chính giữa lần vào, tính diệu viên khai mở, từ chỗ chân diệu viên lại phát ra chân diệu. Tính diệu tín thường trụ, tất cả vọng tưởng diệt hết không còn, trung đạo được thuần chân, gọi là Tín Tâm Trụ.

*Đây tức là con mắt căn bản trí của càn tuệ. Quán xem tâm bản giác như tên nhọn ghim trúng vào, nên gọi là đúng ngay nơi chính giữa lần vào. Đây đúng là trúng rồi, thì thuận theo dòng mà vào; thì giác và bản giác giao dung, viên diệu khai mở, nói không thể kịp. Nên nói lại phát ra chỗ chân diệu. Diệu tín thường trụ, nghĩa là thường trụ chân tâm, từ Tín mà vào Diệu, phân biệt và vô minh nhất thời liền diệt, chỉ một trung đạo mắt trí tuệ thuần chân. Đây là sơ tâm của hàng Đại thừa, tức có thể dự biết quả rất ráo. Tột mười tâm này đồng một căn bản trí vậy.*

Chân tín sáng tỏ, tất cả đều viên thông, cả ba thứ ám, xứ, giới, không thể làm ngại. Như thế cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị lai xả thân, thọ thân, tất cả tập khí đều hiện trước mắt, thiện nam tử ấy thường hay nhớ



**ngĩ được không quên mất điều gì gọi là Niệm Tâm Trụ.**

*Do một lòng tin chân thật, bèn hay Viên thông tất cả ấm, nhập, xứ, giới đều được vô ngại. Đây nếu không phải căn bản trí sáng, hai thứ phân biệt ngã chấp và pháp chấp chóng dứt, thì đâu có thể tự tại vậy. Xả thân, thọ thân tất cả tập khí đây là câu sinh ngã chấp pháp chấp, khi ở nơi phân biệt đã dứt, niệm sinh diệt hết, tự như vậy hiện tiền, như người mới thức giấc, tất cả cảnh trong mộng rõ ràng như đang thấy vậy.*

**Tính diệu viên thuần chân, chân tinh phát hóa ra các tập khí từ vô thỉ đều thông vào một tính tinh minh. Chỉ dùng tinh minh ấy mà tiến đến chỗ chân tịnh, gọi là Tinh Tấn Tâm.**

*Tính Diệu viên thuần chân cũng chỉ cho căn bản trí. Chứa nhóm càng lâu thì càng sáng, tuy có tập khí, nhưng rõ biết không ngại, nên nói rằng: “Thông vào một tính tinh minh”, tức do tinh minh ấy mà bật trí về lý, nên gọi là tiến đến chỗ chân tịnh.*

**Tâm tinh hiện tiền thuần dùng trí tuệ, gọi là Tuệ Tâm Trụ.**

*Dùng trí nhập lý càng được thuần thục. Đây là nhiếp thuộc về chỗ chứng được của ngôi vị trước.*

**Giữ gìn trí tuệ sáng suốt lặng trong cùng khắp tịch tịch diệu thường đứng lặng, gọi là Định Tâm Trụ.**

*Trí nhờ lý mà trí càng tinh thuần, lý nhờ trí mà lý thêm sáng tỏ. Nên nói: “Tịch tịch diệu thường đứng lặng, chẳng phải không có sức chiếu soi mà được trí này”. Đây cũng nhiếp thuộc về ngôi vị trước mà thấy lẫn nhau.*

**Định quang phát sáng đi sâu vào tịch sáng suốt, chỉ tiến không có lùi, gọi là Bất Thối Tâm.**

*Đây chính là Định Tuệ, cả hai đều viên dung tâm giác ngộ thường trụ, như trăm sông đều vào biển, tĩnh sâu thì không dao động.*

**Tâm an nhiên mà tiến tới giữ gìn không cho mất, giao tiếp với khí phần mười phương Như Lai, gọi là Hộ Pháp Tâm.**

*Cũng nương nơi vắng trên tịch chiếu đứng lặng, tâm an nhiên như biển, cũng như thả thuyền giữa dòng sông, thì mé đông mé tây đều*

*không chạm được, không giữ gìn mà tự giữ gìn, dụng ý rất sâu. Đây chính là bờ mé phát ra cái chân thật để đoạn mê lầm, nên nói “giao tiếp với khí phân mười phương Như Lai”. Trí Giả đại sư nói: “Đồng trừ bốn trụ (bốn trụ hoặc phiền não) chỗ này là đồng, nếu hàng phục vô minh của ba tàng (năng tàng, sở tàng, ngã ái chấp tàng) thì có kém”, tức là chỉ cho ngôi vị này.*

**Giữ gìn Tính Giác Minh, có thể dùng diệu lực xoay từ quang của Phật về nơi mình, hướng về Phật mà an trụ, cũng như hai mặt gương ánh sáng đối nhau, trong đó các bóng nhiệm mầu ấy, lớp lớp lồng nhau, gọi là Hôi Hướng Tâm.**

*Ở đây nói giữ gìn tức là nhiếp vãn trên dùng diệu lực giữ gìn an trụ, để xoay từ quang của Phật. Từ quang của chư Phật đều chiếu khắp, chỉ vì hành giả lý trí chưa được viên dung, thì chẳng hay giao tiếp với nhau. Nay dùng sức tịch chiếu của căn bản trí xoay từ quang của Phật để về tự tâm mình, tức dùng tự tâm sáng suốt hướng về Phật mà an trụ, như hai mặt gương ánh sáng đối với nhau, hình bóng lớp lớp lồng vào nhau. Hoa Nghiêm Luận nói: “Không lường sát hải, tự tha không cách*

*ngại một mảy lông; mười đời, xưa nay, trước sau không rời ngay một niệm”. Ở đây có thể chứng minh vậy.*

**Tâm quang thâm xoay trở về được vô thượng diệu tịnh thường trụ của Phật, an trụ nơi Vô vi không bị sót mất, gọi là Giới Tâm Trụ.**

*“Tâm” nghĩa là tự tâm. “Quang” tức là hào quang của Phật. “Thâm xoay” tức là xen lẫn vào với nhau, tự Phật tha Phật, cảm ứng đạo giao thành một diệu tịnh. “Vô-vi” tức là vô công dụng đạo. “Không sót mất” nghĩa là không tạm rơi vào hữu vi. Bởi tùy theo niệm mà ý cung kính và thận trọng, nên gọi là Giới Tâm Trụ.*

**Tự tại an trụ nơi giới, có thể dạo khắp mười phương tùy theo nguyện mà đi, gọi là Nguyện Tâm Trụ.**

*An trụ nơi giới, nghĩa là trụ giới Vô-vi trong tâm, lần lần tiến đến tự nhiên, khiến cho có thể tùy theo chỗ nguyện mà hướng đến, không rơi vào hữu vi. Tóm lại Thập tín này là chỗ hiển phát của cần tuệ, dung nhiếp thành một tâm để nhập vào sơ trụ, vẫn sau tự rõ.*

### CHI 3. THẬP TRỤ

**A-nan, thiện nam tử đó dùng phương tiện chân chính phát mười thứ tâm ấy, tâm tinh đã phát sáng, mười cái dụng ấy xen lẫn với nhau viên thành một tâm, gọi là Phát Tâm Trụ.**

*Phương tiện tức là chỉ cho mười tâm ở trước. Dùng tâm này lia vọng hiển chân phát trí tuệ khéo hợp với chân lý, thuận theo dòng của Phật kia, viên mãn trở về tự thể, an trụ nơi biển giác. Dùng tâm tinh Vô vi, nhậm vận sắc thân mà phát sáng tự tại, duy một cần tuệ diệu dụng không thiếu, phân ra chứng được mười tâm, phát minh ngay đương niệm. Nêu ra Thập tín ở trước, ban đầu thành tựu các trụ, rốt sau là Đẳng giác, cũng không vượt ngoài tâm này vậy.*

**Trong tâm phát ra sáng suốt như ngọc lưu ly trong sạch, bên trong hiện ra vàng ròng; dùng cái diệu tâm trước kia sửa sang thành chỗ nương đứng, gọi là Trị Địa Trụ.**

*Trong tâm phát ra sáng suốt, tức là chỗ phát tâm ở trước. Như ngọc lưu ly trong sạch, ở trong hiện ra vàng ròng. Vàng ròng dụ cho chân như cứng bén, lưu ly dụ cho trí thể rỗng rang trong sạch. Dùng chân trí rỗng rang trong*

sạch, khéo vận dụng mười thứ tâm để đối trị, sạch hết vô minh, lấy làm chỗ tự nương đứng, nên gọi là **Trị Địa**.

**Tâm địa biết khắp đều được rõ ràng, đạo đi cả mười phương không gì ngăn ngại, gọi là Tu Hành Trụ.**

*“Tâm địa” tức là tâm địa đã sửa sang mà được thành tựu ở trước. “Biết khắp” là tùy chỗ đã trải qua được diệu trí viên dung, nghĩa là Văn Thù, Phổ Hiền viên thành một đức Phật. Chỗ hướng đến mười phương không rơi vào không và có, ở trong nhân địa đã đều đầy đủ.*

**Hạnh đồng với Phật, nhận khí phần của Phật, như thân trung ấm tự tìm cầu cha mẹ, ám tin thâm thông vào giống Như Lai, gọi là Sinh Quý Trụ.**

*Tiếp với trước, hạnh phù hợp với lý trí, nên thâm đồng với Phật. Tuy chưa được rõ ráo, nhưng khí phần vẫn tiếp nhau, thâm ngang quả đức, vào giống Như Lai, như người còn nơi thân trung ấm, chỗ nào có duyên làm cha mẹ thì cơ cảm thâm giao tiếp, lần lần mới thành thai. “Sinh quý” là sẽ sinh trong nhà Phật pháp, làm con của vị Pháp Vương vậy.*

**Đã vào thai đạo, chính mình được nối theo dòng giác, như cái thai đã thành, tướng người không thiếu khuyết, gọi là Phương Tiện Cụ Túc Trụ.**

*Trên đã vào giống Như Lai, vào giống Như Lai thì dòng giác được thành tựu, tuy còn ở trong thai, nhưng tướng người không thiếu. Nói hai trí quyền và thật, phương tiện đều đủ, nên gọi là Phương Tiện Cụ Túc Trụ.*

**Dung mạo như Phật, tâm tướng cũng đồng, gọi là Chính Tâm Trụ.**

*“Dung mạo” nghĩa là từ bi nhiếp hóa muôn vật, pháp quyền, pháp thật lẫn làm hưng thịnh cho nhau. Dây gốc đều từ nơi tâm giác ngộ, thật tướng như vậy, thì trong ngoài đồng như hợp nhau. Ngài Triệu Công nói: “Tướng của thật tướng tức là tướng của Như Lai”.*

**Thân tâm hợp thành, mỗi ngày càng tăng trưởng, gọi là Bất Thối Trụ.**

*Nương văn trên, tâm tướng nhất như, nên gọi là thân tâm hợp thành, ngày càng đi đến diệu viên, nhậm vận tăng tiến, nên gọi là Bất Thối.*

**Linh tướng mười thân một thời đầy đủ, gọi là Đồng Chân Trụ.**

Mười thân Lô-xá-na. “Lô-xá-na”, Trung Hoa dịch là “Tịnh Mãn” (thanh tịnh viên mãn).

Mười thân: 1/- Thân Thanh văn, 2/- Thân Duyên giác, 3/- Thân Bồ-tát, 4/- Thân Như Lai; 5/- Pháp thân, 6/- Thân Trí tuệ, 7/- Thân Quốc độ, 8/- Thân Nghiệp báo, 9/- Thân Chúng sinh, 10/- Thân Hư không. Thân Như Lai cũng tự đủ mười thứ: 1- Thân Bồ-đề; 2- Thân nguyện; 3- Thân hóa; 4- Thân lực; 5- Thân Trang nghiêm; 6- Thân Cảm thế; 7- Thân ý sinh; 8- Thân phước; 9- Thân Pháp; 10- Thân Trí tuệ, một thời đều đủ. Đây là mười diệu ứng ở nơi quả vị cao tột, như châu Ma ni, năm phía đều ánh ra. Nay tuy chưa được nhất thiết chủng trí mà trí thể đã đủ, chướng hết thì hiển bày, tùy theo ngôi vị mà hiện ra vậy.

**Hình đã thành ra khỏi bào thai, chính mình làm Phật tử, gọi là Pháp Vương Tử Trụ.**

Trong kinh Hoa Nghiêm, vị Bồ-tát này tập học mười thứ việc gần gũi mật thiết của đáng Pháp Vương. Kham nhiệm tiếp nối Phật chủng, nên xưng là Pháp Vương Tử. Ngài Ôn Lăng nói: Từ “Phát Tâm Trụ” cho đến “Sinh Quý Trụ” gọi là nhập thánh thai. Từ “Phương Tiện Trụ” cho đến “Đồng Chân Trụ” gọi là nuôi



*lớn thánh thai. Công phu nuôi lớn đã thành tựu gọi là ra khỏi thánh thai”.*

**Nghi biểu đã thành người lớn, như khi một quốc vương đem các việc nước giao phó cho Thái tử kia lúc Thái tử trưởng thành, bày ra lễ quán đảnh, gọi là Quán Đảnh Trụ.**

*Trong kinh Hoa Nghiêm, hàng Thập trụ đầy đủ cùng với hàng Thập địa thâm phù hợp. Nên nói, lúc mới phát tâm bèn thành chính giác; thấu suốt thật tướng các pháp, nếu có nghe pháp cũng không phải do nơi khác mà được ngộ. Tu đủ mười món trí lực, rốt ráo xa lìa hư vọng, không nhiễm như hư không, pháp thân thanh tịnh nhiệm mầu vắng lặng, ứng hiện khắp tất cả chỗ. Kinh này cũng nói: “Linh tướng mười thân chính mình làm Phật tử”. “Bày ra lễ quán đảnh”, kinh Hoa Nghiêm: Vua Chuyển Luân Thánh Vương, khi sinh Thái tử, mẹ là Chánh Hậu, thân tướng trang nghiêm, ngồi trên tòa Kim bảo trên voi trắng trương mạng lưới lớn, trôi các thứ âm nhạc, lấy nước bốn biển đựng trong bình vàng. Vua bưng bình đó rưới trên đảnh của Thái tử, bấy giờ gọi là nhận chức vị vua. Bồ-tát nhận chức cũng lại như vậy, vì nước trí của chư Phật rót trên đảnh của Bồ-tát,*

nên gọi là Bồ-tát nhận chức Đại trí. Chỗ này kinh Hoa Nghiêm thuyết minh về Thập địa, ở đây chỉ cho là Thập trụ; kinh Hoa Nghiêm ước về cứu cánh, ở đây ước về phần đắc. Trong vô sinh hẳn một vị đều đầy đủ trùm khắp, không đồng với thừa khác.

#### CHI 4. THẬP HẠNH

**A-nan, thiện nam tử ấy đã thành Phật tử rồi, đầy đủ vô lượng diệu đức của Như Lai và tùy thuận mười phương, gọi là Hoan Hỷ Hạnh.**

“Đầy đủ vô lượng diệu đức của Như Lai”, đây là tóm kết lý trí quyền thật ở trên, tu tập đức của Như Lai đã được đầy đủ viên mãn, từ đây mới khởi hạnh, nên nói tùy thuận theo mười phương. Tùy thuận có hai: 1/- Năng tùy: Bồ-tát đến đây diệu trí phương tiện đức tính đều từ bi và nhu nhuyễn hay xả bỏ ý của riêng mình. 2/- Sở tùy: Hết thấy những căn dục chủng tính cửơ chúng sinh, mau chậm, lớn nhỏ, tùy căn cơ, tùy thời tiết không để cho mất, tự sinh pháp lạc, sinh được lợi lạc kia, nên gọi là “Hoan hỷ”.

**Khéo làm lợi ích cho chúng sinh, gọi là Nhiêu Ích Hạnh.**

*Đã hay tùy thuận, tức là được lợi lành, nhờ cái khổ phiền não, cho cái vui Bồ-đề, đều là lợi ích chân thật, nên gọi là Nhiều Ích Hạnh.*

**Tự giác và giác tha, được không chống trái, gọi là “Vô Sân Hận Hạnh”.**

*Ngài Tào Khê nói: “Nếu nghĩ giáo hóa người khác, tự mình phải có phương tiện, chớ khiến họ sinh nghi, tức là tự tính hiện”. Lại nói “Chớ đối trong cửa Đại thừa mà trở lại chấp tri sinh tử. Nếu ngay trong lời nói mà tương ứng, tức chung bàn nghĩa của Phật, nếu thật không tương ứng, nên chấp tay (xá) khiến hoan hỷ”. Như Ngài Tào Khê mới thật có thể nói là tùy thuận sức nhẫn vậy.*

**Theo chủng loại mà hiện ra sắc thân, tốt mé vị lai, ba đời bình đẳng, mười phương đều thông suốt, gọi là Vô Tận Hạnh.**

*Trên nói tự giác, giác tha được không chống trái, đây mới tùy theo chủng loại, đối hiện sắc thân, mười phương ba đời, ngay một niệm đều viên mãn. Đây là do Bồ-tát đạt sâu được pháp không, phát mười nguyện hạnh rộng lớn không cùng tận, nên gọi là Vô Tận.*

**Tất cả đều hợp về đồng, trong mỗi mỗi**

**pháp môn được không sai lầm; gọi là Ly Si Loạn Hạnh.**

*Trong tất cả pháp môn của Như Lai, đều từ trí tuệ chân thật mà sinh ra ngôn thuyết Tam-muội, có thể tùy theo ý mình mà dùng tất cả thí dụ được thật tướng của các pháp, không một mảy sai lầm, Bồ-tát đến chỗ này, thì tất cả đều hợp về đồng, bởi do tu tập tự tính Tam-muội, đối với tất cả pháp tùy thuận không hai, nên trí tuệ nhiệm mầu đã được cùng với Phật thâm khế hợp vậy.*

**Ở trong cái đồng, hiện ra các cái khác, nơi mỗi mỗi tướng khác, mỗi mỗi đều thấy là đồng; gọi là Thiên Hiện Hạnh.**

*Ở trong đồng hiện ra khác, trong cái khác hiện đồng, tức đồng, tức khác, tức khác, tức đồng. Đây là Diệu trí không thể nghĩ nghĩ, sự lý dung thông, đều là nhất pháp giới tính, tự tại vô ngại, nên gọi là Thiên Hiện Hạnh.*

**Như vậy, cho đến mười phương hư không đầy khắp vi trần, và trong mỗi mỗi vi trần hiện ra mười phương cõi nước. Hiện vi trần hay hiện cõi nước không ngăn ngại nhau, gọi là Vô Trước Hạnh.**

*Trên nói về thân thuyết khéo hiện, ở đây nói vi trần và cõi nước dung chứa lẫn nhau, chính là tất cả các pháp không, tất cả các pháp như huyễn, tự tâm không nhiễm trước, nên các pháp đều vô ngại. Đây là do thật chứng, chứ không phải hoàn toàn hiểu suông. Kinh Thất Hạnh nói: “Bồ-tát dùng tâm vô trước, đối với trong mỗi niệm, có thể vào A Tăng Kỳ thế giới, đối với các thế giới, tâm không dính mắc, lại ở đâu một mảy lông hiện khắp cả cõi nước, ở chỗ đâu mảy lông giáo hóa chúng sinh, cùng tột không thể nói, không thể nói các cõi nước, như chỗ đâu một mảy lông, mỗi mỗi đâu mảy lông cũng đều như vậy, cho đến chẳng ở trong khoảng khảy móng tay chấp trước cái tướng về ngã và ngã sở”.*

**Các thứ hiện tiền đều là đệ nhất Ba-la-mật-đa, gọi là Tôn Trọng Hạnh.**

*“Ba-la-mật”, Trung Hoa dịch là “Đạo bí ngạn” (đến bờ kia). Thân đồng và khác như vậy, thuyết đồng và khác như vậy, trần năng hiện như vậy, cõi sở hiện như vậy, các thứ mỗi cái đều được tự tướng không phải dùng trí có thể biết, không cho nói năng ấy là đệ nhất Ba-la-mật, vẫn có thể ngay trong nhật dụng hiện tiền*

mà chứng biết. Đây là pháp yếu tối tôn vô thượng, nên nói là Tôn Trọng Hạnh.

**Viên dung như thế, có thể thành khuôn phép của chư Phật trong mười phương, gọi là Thiện Pháp Hạnh.**

*“Như thế” là nói tổng quát vãn trên, tất cả pháp hành đều không ngại. Nhưng nói rằng có thể làm thành khuôn phép của chư Phật trong mười phương, chỗ này mới hướng đến hạnh đại bi để làm lợi ích cho chúng sinh, ấy là đại hạnh. Kinh nói: “Bồ-tát an trụ cảnh giới này, hay làm ao thanh lương cho tất cả chúng sinh, vì có thể tột đến cội nguồn của Phật pháp”.*

**Mỗi mỗi đều là nhất chân Vô vi thanh tịnh vô lậu, vì tính bản nhiên là như vậy, gọi là Chân Thật Hạnh.**

*Từ tính khởi hạnh, toàn hạnh là tính. Nên biết tất cả diệu dụng đều qui về chân thật. Đây là vô lậu thanh tịnh không phải là thần thông, cũng không phải là pháp nhĩ (chân lý). Kinh Anh Lạc nói: “Nhị Đế (chân đế, tục đế) không phải chân như, không phải sắc tướng, mà chẳng phải có sắc tướng, gọi là chân thật”. Bồ-tát chứng được chân thật, từ tự tính duyên khởi*

cảnh giới không thể nghĩ bàn, nhưng không ngoài tự tính mà hiện ra. Lý Trường giả nói: “Tất cả tuệ tự tại thân thông, ra vào cửa diệu định đều không rời chân tâm vô tận”. Đến chỗ này không còn bị ngăn ngại vậy.

### CHI 5. THẬP HỒI HƯỚNG

A-nan, thiện nam tử ấy đầy đủ thân thông Phật sự đã thành tựu toàn là một tinh chân thuần khiết, xa lìa các lỗi lầm, chính khi hóa độ chúng sinh mà diệt các năng độ, sở độ. Xoay tâm Vô vi hướng về đường Niết-bàn; gọi là Cứu Hộ Nhất Thiết Chúng sinh, Ly Chúng sinh Tướng Hồi Hướng.

“Đầy đủ thân túc” là chỉ cho Bát hạnh về trước, “Phật sự đã thành tựu” là chỉ cho Cứu hạnh thành tựu khuôn phép của Phật. “Tinh chân thuần khiết” là chỉ cho nhất chân Vô-vi, hạnh thứ mười. Trên tuy dị, đồng đều hiện, trần sát viên dung, còn phải lấy hạnh để thành lý, tâm tự lợi thù thắng, nên đối với vị hồi hướng thứ nhất riêng hồi tâm này khiến phát sinh rộng lớn. Độ chúng sinh mà không thấy có tướng độ, thì trí năng độ đều quên, là chân Vô-vi, lý sở độ cũng dứt là chân Niết-bàn. Bỏ-tát do trí bi đều bình đẳng mới có thể cứu độ chúng sinh, mà ly

tướng chúng sinh vậy. Lý Trưởng giả nói: Do hàng Thập trụ ở trong nhà Phật trí tuệ mới bắt đầu sinh, tuy có phương tiện Ba-la-mật thứ bảy thành hạnh Đại bi, song cũng vì khai mở cho hàng thí giáo ứng hợp với chân tính, nhiều tâm xuất thế. Trong ngôi vị Thập hạnh lấy trí nhân, tuệ nhân, pháp nhân xem căn cơ để làm lợi ích chúng sinh giáo hóa khiến cho ra khỏi trần tục. Đây là ở trong ngôi vị Thập hồi hướng mà rõ hai ngôi vị trước nhiều về tâm xuất tục, và ít về hạnh đại bi để đem trí tuệ chư Phật mà hàng Thập trụ sơ tâm đã chứng được, làm hạnh môn xuất thế trong Thập hạnh, ở trong thế tục mà làm lợi ích cho chúng sinh, hồi chân nhập tục, nên gọi là hồi hướng. Đại ý là lấy pháp thân vô tác dùng trí tuệ không chỗ nương để điều hòa Thập hồi hướng đại nguyện, khiến cho thành tựu hạnh Đại từ bi như biển để làm lợi ích cho chúng sinh và khiến tất cả tư lương phân biệt, bèn làm trí dụng, khiến cho tất cả tri kiến đều làm Thiền môn, khiến cho lý tánh bản tịch định môn, khởi sai biệt trí thân, tuệ thân, biến dịch thân, khiến trong một lỗ chân lông an lập tất cả cõi Phật, cõi chúng sinh thấy đều không ngại, khiến cho hữu vi, Vô-vi một pháp giới tự tại; phải nên hồi hướng như vậy.



**Diệt hoại cái gì có thể diệt hoại, xa lìa các thứ có thể lìa, gọi là Bất Hoại Hồi Hướn.**

*Trên tự tính mà khởi một niệm trước tướng, đều là cái có thể hoại diệt. Trên pháp tính mà khởi một tướng xa lìa đều là cái có thể lìa. Nên đối với tâm pháp này đều chứng được thật tướng để làm lợi ích chúng sinh, rộng lớn không ngại bậc nhất. Niết-bàn, sinh tử đều là huyễn hóa. Hồi hướn như thế ấy là Bất Hoại.*

**Tính bản giác đứng lặng, giác ngộ bằng với Phật, gọi là Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hướn.**

*Tính bản giác đứng lặng nhiệm mầu là tâm tính giác ngộ bình đẳng của Như Lai trong ba đời. Ở trên là làm lợi ích cho chúng sinh, chúng sinh được độ mà không thấy tướng năng độ, sở độ; xa lìa các cái huyễn xa lìa, càng để hiển bày tâm giác ngộ đứng lặng, vốn không có khởi diệt, nghĩa là Bi và Trí thành tựu lẫn nhau. Đây là lấy hồi hướn đến Phật đạo, mà thật do tự tâm giác ngộ bình đẳng đối với chư Phật. Tức là biết tất cả chúng sinh cũng không có giác ngộ nào khác. Không có chúng sinh được diệt độ là tâm, Phật, chúng sinh cả ba đều không sai khác vậy.*

**Tinh chân phát ra sáng suốt địa đồng như Phật địa, gọi là Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hương.**

*“Tinh Chân”, tức là chỉ cho bản giác. Nương nơi tính giác vắng lặng có thể bình đẳng với tất cả trí giác ngộ ở trên, đồng với cái giác ngộ của chư Phật, lấy đó để phát minh cũng tức là bình đẳng với tất cả lý địa đồng với địa của chư Phật; lý và trí nhất như bình đẳng nơi pháp giới, tất cả thân và lời nói ứng hiện không cùng tận.*

**Thế giới và Như Lai xen lẫn vào nhau không ngăn ngại, gọi là Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hương.**

*“Thế giới” tức là “lý địa”. “Như Lai” tức là “Trí giác”. Nương hai vị trên, lý trí giao dung thân độ tương tức (tức với nhau), lấy đây để phát sinh tất cả công đức rộng lớn không cùng tận, nên gọi là Tạng.*

**Nơi đồng với Phật địa, trong ấy phát sinh ra các nhân thanh tịnh, nương nhân ấy mà phát huy đi đến đạo Niết-bàn, gọi là Tỳ Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hương.**

*Đây cũng nhiếp về thế giới lý trí đồng nhất của Như Lai ở trên, tức ở trong cái đồng mà viên*

*mãn thanh tịnh nhân địa, dùng đây để phát huy và chứng lấy quả Niết-bàn. Nên biết rằng quả này đầy đủ ở trong nhân, thuận theo dòng mà đến, chứng được sâu căn lành bình đẳng giữa Phật và chúng sinh. Dùng đây để hồi hướng.*

**Gốc chân thật đã thành tựu, thì chúng sinh trong mười phương đều là bản tính của mình, tính ấy thành tựu viên mãn, không bỏ sót chúng sinh, gọi là Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng Sinh Hồi Hướng.**

*“Gốc chân thật”, tức là căn lành bình đẳng ở vị trên. Căn lành này khi đã thành tựu tức đối với lúc chúng ngộ viên mãn tự tính, thì thấy tất cả chúng sinh đã thành Phật đạo. Nên hay bình đẳng quán chúng sinh, giải thoát không hai. Đây là thật cứu độ, mà không có tướng năng độ, sở độ vậy.*

**Tức tất cả pháp ly tất cả tướng, cả tức và ly hai thứ đều không dính mắc, gọi là Chân Như Tướng Hồi Hướng.**

*Tất cả chúng sinh bình đẳng, thì tất cả pháp cũng tự bình đẳng. Pháp bình đẳng ấy không có cao thấp, tức ly đều phi, chỉ một giác tâm trong ngoài đều không dính mắc. Kinh*

*Tịnh Danh nói: “Không nhiễm trước thế gian như hoa sen, thường khéo vào nơi hạnh không tịch. Đạt được pháp tướng không ngăn ngại, cúi đầu như hư không, không chỗ nương”. Đây là tự tướng chân như, tùy theo chỗ mà tương ứng vậy.*

**Thật được như như, mười phương không ngại, gọi là Vô Phược Giải Thoát Hồi Hướng.**

*“Tức ly” đều dứt, thể tính chân như hiện cùng khắp mười phương, mặc tình vận dụng tâm Đại bi được tự tại thành tựu.*

**Tính đức thành tựu viên mãn, lượng của pháp giới dứt, gọi là Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hướng.**

*Trí lý không ngại, gồm nhiếp cùng tột chân như. Đây là đức tính được thành tựu viên mãn. Nhất chân pháp giới, không có tướng của pháp giới, bình đẳng như hư không, ấy là pháp giới vô lượng vậy. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Chỗ tu hành và hạnh nguyện của Bồ-tát, bình đẳng cùng pháp giới, lượng rộng lớn như hư không, hoàn toàn hồi hướng cho tất cả chúng sinh đồng hướng đến quả giác ngộ rốt ráo, chẳng phải riêng cho ngôi vị này, mà các ngôi vị trước và sau đều đồng một nghĩa đó.*

## CHI 6. TỬ GIA HẠNH

**A-nan, thiện nam tử ấy tu hết bốn mươi một tâm thanh tịnh ấy rồi, kế đến thành tựu bốn thứ gia hạnh diệu viên.**

*Bốn thứ gia hạnh này, chính cùng với ý càn tuệ đã nêu ở trước gồm nhiếp lẫn nhau. Bởi càn tuệ từ tu ba tiệm thứ về sau, đã được ngược dòng toàn một, sáu dụng không hiện hành, mười phương sáng ngời như ngọc lưu ly bên trong treo mặt trăng sáng. Đây tức là được chân trí căn bản “Thập tín tâm”. Do chân trí đó mà phát ra diệu dụng, điều hòa lý trí, quân bình định tuệ, dung thông thể dụng. Đến bốn mươi một tâm, nhiên hậu mới gia hạnh. Nhưng nói rằng: Lấy cái giác ngộ của Phật làm cái giác ngộ của tâm mình. Bởi không phải thời gian này mới biết cái giác ngộ của Phật chính là tâm mình vậy, mà do càn tuệ phát sáng trải qua các phương tiện, tuy đều được diệu viên song tâm chứng biết thiên về thù thắng, chẳng biết quả Phật cao xa. Đến đây càng tin sơ tâm, lại không khác với Phật (vô nhị Phật). Một phen xoay về thân thiết, thì so với trước càng thêm thấu triệt. Nay ở nơi vị gia hạnh này gọi là Diệu viên, mới tột cùng nghĩa chuyển công*

*tự vị, không đồng với kinh khác vẫn có công dụng tạo tác vậy.*

**Tức là lấy Phật giác dùng làm tâm mình, như ra nhưng chưa ra, cũng như dùi cây ra lửa, mà đốt lại cây, gọi là Noãn Địa.**

*Giác tâm sẵn có, nhưng vì từ lâu bị công huân che đậy, đến khi lượng pháp giới tiêu, tính đức mới được viên thành. Ban đầu vì quên nên bị hạ liệt, như hiện mà chẳng hiện. Song trí căn bản huân tập bên trong như có hơi khói, nên lập ra Noãn địa.*

**Lại lấy tâm mình làm chỗ đứng của Phật, hình như nương gá nhưng không phải nương, như lên chót núi cao thân đã vào hư không, nhưng ở dưới còn chút ngăn ngại, gọi là Đỉnh Địa.**

*Đã xoay về Phật giác dùng làm tâm mình, tức là dùng tâm mình làm chỗ đứng của Phật giác; mặc tình chỗ tâm hướng đến đều là dụng của Phật. Song chỉ khi mới tiến lên, còn dính chút ít căng trọng (giữ gìn nghiêm trọng). “Hình như nương tựa, nhưng không phải nương tựa”, như trẻ con khi mới biết đi liền quên vật nương tựa của nó. Bởi tâm tướng này chưa cùng tột, nên gọi là còn chút ngăn ngại chứ không*

*phải thật có pháp ngăn ngại, dụ như lên chót núi nương chân còn có chỗ đứng, nên lấy dụ để đặt tên vậy.*

**Tâm và Phật đồng khéo được Trung đạo, ví như người biết nhận không phải ôm vào chẳng phải cho ra, gọi là Nhẫn Địa.**

*Tâm và Phật đều đồng nhau, thì Phật và tâm cả hai đều dứt, chỉ ngay nơi niệm này. Không phải quên, không phải nhớ, như người biết nhẫn nhịn, không phải ôm vào cũng chẳng phải cho ra, chính là dụ Trung đạo không thể nói năng vậy.*

**Số lượng đều tiêu diệt, mê, giác và Trung đạo cả hai đều không có gì để gọi, gọi là Thế Độ Nhất Địa.**

*Không phải mê, không phải giác gọi là Trung đạo; Trung đạo cũng không, một phen chuyển xoay cái then chốt, thì thông suốt đại đạo, toàn bày nơi nhật dụng vậy. Nói là Thế Độ Nhất như Chuyển Luân Thánh Vương đã bằng với phước trời; nhưng chưa rời khỏi nhân gian. Đây cũng có thể tưởng cùng tốt chỗ lý hạnh kia. “Số lượng”, tức là chỉ ra mê, giác và Trung đạo vậy.*

## CHI 7. THẬP ĐỊA

**A-nan, thiện nam tử ấy đối với đại Bồ-đề khéo được thông đạt, chỗ giác ngộ thông suốt với Như Lai, cùng tột cảnh giới của Phật, gọi là Hoan Hỷ Địa.**

*Từ Tứ Gia Hạnh về sau hội Phật về mình, mê, giác và Trung đạo, cả hai đều không có gì để gọi đối với Bồ-đề mới hay thâm đạt được nguồn gốc, nên gọi là chỗ giác ngộ thông suốt với Như Lai, mà chẳng gọi thông suốt chỗ Như Lai giác ngộ. Ở đây do bản tự giác tâm, tự nhiên cùng với Phật đồng kế hợp, viên mãn thấu triệt càn tuệ, thật đạt lên địa vị kia mắt tâm được thông sáng mới được pháp lạc, nên gọi là hoan hỷ. Nơi địa vị này, hiển bày được hai thứ không, gọi là khắp hành chân như, nghĩa là cùng khắp tất cả pháp hữu vi, không có một pháp mà chẳng phải có một pháp không vậy. Kinh Hoa Nghiêm lấy hạnh này mà tu Đàn-ba-la-mật (bố thí). Tất cả phương tiện của bốn mươi bốn tâm về trước đến đây xả hết, mặc tình làm lợi ích cho chúng sinh. Dùng từ bi để viên mãn trí tuệ, chính cùng với “Tất-đàn” (khắp thí) phù hợp nhau, chẳng phải ở đây mới tu. Địa sau là so sánh theo lý này.*



**Tính khác nhập với đồng cũng diệt, gọi là Ly Cấu Địa.**

*Tính khác tức là tính của chúng sinh, tính khác ấy vốn đồng, do có ngã pháp một phen làm chướng ngại, nên gọi là khác. Địa trước đã đoạn chướng mà hiển pháp, ấy là thâm đạt được tính đồng. Nay nói tính đồng cũng diệt, càng tin chúng sinh và Phật đồng một thể trí tuệ. Gọi là cấu, bởi vì pháp giới nhất chân vẫn còn thấy cách ngại. Hai địa này mới đoạn một phần câu sinh của sở tri và cần thận giữ gìn phần vi tế của ba nghiệp để thành tựu được tính giới, nên gọi là Ly Cấu, hợp với Giới Ba-la-mật.*

**Thanh tịnh cùng tột sáng suốt phát sinh, gọi là Phát Quang Địa.**

*Thanh tịnh cùng tột, tức là nhiếp Ly Cấu Địa ở trước. Thấy được cùng tột thể tính, thấu triệt do nội tâm thanh tịnh, có thể phát ra sáng suốt. Cái sáng suốt đó từ tính thanh tịnh mà được, không phải do nơi định phát ra. Kinh Hoa Nghiêm phối hợp với Nhãn Ba-la-mật, tất cả sức nhãn cũng do thanh tịnh cùng tột mà được thù thắng vậy.*

**Sáng cùng tột, thì giác viên mãn, gọi là Diệm Tuệ Địa.**

*Sáng cùng tột cũng nhiếp thuộc về địa trước. Đã phát ra tính sáng suốt, thì tất cả hai thứ chướng hiện hành vi tế hay làm chướng ngại tâm giác ngộ, một lúc đều sạch hết, thể giác được viên mãn. Địa này chứng chân như không nhiếp thọ. Nghĩa là không bị hiện chướng ràng buộc (nhiếp thủ), giác tâm được sáng sạch, bền chắc và bén nhạy, thuộc Tinh Tấn Độ.*

**Tất cả đồng khác, không thể đến được, gọi là Nan Thắng Địa.**

*Khác nghĩa là khác tính, đồng nghĩa là đồng tính. Chúng sinh và Phật hai đường đều có chỗ đến, ở đây không thể đến được, rất khó gánh vác, nên nói là “Nan Thắng”. Cái biết ấy không dính mắc hai đường, được đại tự tại mới là Thiên Ba-la-mật đệ nhất. Các nhà số luận đều nói: “Hai đế chân tục rất khó tương ứng, khó hợp mà hay hợp, đây là “Nan Thắng”, in tương cùng với văn kinh hơi trái. Bởi gọi là đồng khác, không có thể đến được, chứ chẳng phải là đồng khác khó hợp được, điều này có sai khác, không thể chẳng xét.”*

**Bản tính vô vi chân như thanh tịnh tỏ lộ, gọi là Hiện Tiền Địa.**

*Đây là ở trong đồng, khác mà không hay đến được. Được Vô vi thì chân như tùy theo chỗ mà lưu lộ hiện bày, dứt tất cả tướng chuyển hợp hồi hõ; nghĩa là đại trí hiện tiền vậy. Địa này chứng được chân như, không còn tịnh nhiễm; nếu còn tịnh nhiễm, thì hiện tiền không được tự tại. Ở nơi địa thứ năm tùy theo thế tục mà làm lợi ích cho chúng sinh, sau khi khéo đạt được ngũ minh, nên chỗ chứng được lại tự rõ ràng và quyết định vậy.*

**Tột bờ mé chân như, gọi là Viễn Hành Địa.**

*Luận Du Già nói: Đệ nhất địa gọi là có gia hạnh, có công dụng mà không tướng trụ; đệ bát địa gọi là không gia hạnh, không công dụng mà không tướng trụ. Hai vị này đều không tướng trụ, song đệ thất địa lấy công dụng gia hạnh đã cùng tột mà hiện vô tướng, cùng tột bờ mé chân như. Từ công dụng đã cùng tột mà hiện ra, chỗ có kiến lập đều không khác với như, nên hiện hành vi tế chóng hết, cách xa ngôi vị dưới, nên gọi là Viễn Hành.*

**Một tâm chân như, gọi là Bất Động Địa.**

*Công dụng gia hạnh đến đây đã hết, chỉ một chân như thường trụ không thay đổi. Luận Duy Thức nói: Vì Trí vô phân biệt, mặc tình tiếp nối dung lẫn nhau. Phiền não không thể động được, nên gọi là “Bất Động”.*

*Bồ-tát thành tựu địa vị này, việc làm đều dứt cho đến tâm Phật, tâm Bồ-đề, tâm Niết-bàn còn không hiện khởi, hà huống khởi các tâm thế gian. Do sức bản nguyện của chư Phật khuyến phát, nhiên hậu mười thân cùng làm với nhau, được đại tự tại.*

### **Phát dụng chân như, gọi là Thiện Tuệ Địa.**

*Vì trước đã xả được thức A-lại-da, trụ chỗ chân thực thanh tịnh như như đồng với A-la-hán, đoạn được thân phần đoạn ra khỏi đường tam giới. Vị này mới phát dụng của chân như, từ như mà khởi trí, đủ bốn thứ vô ngại làm Đại Pháp Sư. Kinh nói: “Dùng trí khéo léo không lường khởi bốn thứ vô ngại biện tài”. Những gì là bốn? 1/- Pháp vô ngại trí. 2/- Nghĩa vô ngại trí. 3/- Từ vô ngại trí. 4/- Nhạo thuyết vô ngại trí. Do dùng trí đó, nên gọi là Thiện Tuệ.*

**A-nan, các vị Bồ-tát ấy từ đây về trước công hạnh tu tập đã xong, công đức được viên**

**mãn, cũng gọi địa này là tu tập vị, bóng từ mây diệu trùm che biển Niết-bàn, gọi là Pháp Vân Địa.**

*Từ đây về trước, là chỉ cho cần tuệ về sau. Địa này về trước, tất cả công phu đoạn hoặc, chúng chân đến đây mới xong. Bởi do công phu đã xong mà được tên là tu tập vậy. Bóng từ là bi, mây diệu là trí. Bi Trí đầy đủ mới hay che mát cho chúng sinh. Lấy cái vị nhân cùng tột này đem hợp với biển quả Niết-bàn, như mây trùm khắp cả hư không, che phủ không gì ngoài, lại đợi mưa dầm thấm ướt khắp cả pháp giới. “Pháp”, tức là Pháp thân; “Vân” nói đủ là Từ vân. Xét định lời nói trên dùng để đặt tên cho quả vị này.*

**CHI 8. KẾT THÚC BẰNG HAI QUẢ VỊ: ĐẰNG GIÁC VÀ DIỆU GIÁC ĐỂ HIỂN BÀY CẦN TUỆ ĐÃ THÀNH TỰU, TỪ TU HÀNH TIỆM THỨ RỐT RÁO ĐẾN BỒ-ĐỀ**

**Như Lai ngược dòng trở lại, vị Bồ-tát đó thuận dòng đi tới giác ngộ vào chỗ giao tiếp với nhau, gọi là Đẳng Giác.**

*Từ nhân vào quả, gọi là thuận dòng; từ quả vào nhân, gọi là nghịch dòng. Quả vị của*

*Như Lai đã chứng đến cùng tột, bởi nghĩ đến chúng sinh còn luân hồi, nên thị hiện báo thân và hóa thân. Từ cảnh giới chân thật vắng lặng mà vào biển sinh tử, đó là ngược biển. Bồ-tát y lời dạy của Như Lai từ biển sinh tử phát căn bản trí, trải qua năm ngôi vị tu hành, cho đến Đẳng giác, ấy là thuận hành. Thuận nghịch đều đến mé giác, nên gọi là vào chỗ giao tiếp với nhau. Diệu giác tức là Phật. Phật từ nghịch dòng này, Bồ-tát từ thuận dòng này, nên gọi là Đẳng giác.*

**A-nan, từ tâm Càn tuệ đến Đẳng giác rồi, giác đó mới bắt đầu được sơ càn tuệ địa trong tâm kim cang.**

*Giác đó, là chỉ cho Đẳng giác; nghĩa là đến cái giác này mới được vậy. Trong Bát Thức Tụng nói: “Đến Kim Cang đạo về sau, thức dị thục mới rộng không (thức thứ tám)”. Vô minh có: Sinh, trụ, dị, diệt, bốn mươi bốn phẩm, từ đoạn diệt mà khởi, cho đến Kim Cang đạo về sau, mới đoạn sinh tướng vô minh. Nên quả vị Kim Cang này, cũng chỉ cho Đẳng giác; nghĩa là từ sơ càn tuệ cho đến trong tâm Đẳng giác mới được viên mãn. Trước nói, chưa cùng với dòng nước pháp của Như Lai giao tiếp; bởi từ sơ*

*tâm phát minh, vẫn còn tâm chúng sinh và tính Phật, trải qua năm vị tu hành cho đến Đẳng giác, sau mới biết vốn không riêng có vậy.*

**Như vậy, lớp lớp tu đơn, tu kép mười hai vị mới cùng tột Diệu Giác, thành đạo Vô Thượng.**

*Quả vị “Đẳng giác” đã rất ráo cùng tột vi tế vô minh. Vì còn có sở đoạn, nên gọi là “hữu thượng sĩ”. “Diệu giác” cứu cánh giải thoát, Phật trí vô thượng, vì không có sở đoạn, nên gọi là “Vô thượng sĩ”. Như vậy lớp lớp tu đơn, tu kép mười hai vị, chính là tổng kết văn trên, từ đoạn cần tuệ lần lượt trải qua Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Tứ gia hạnh, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, như người về đến nhà hồi tưởng lại mới biết bước đường đã trải qua rất là cần cù lao nhọc, nhưng in tuồng như khi chưa ra khỏi cửa mà lại thẳng tắt mau chóng vậy. “Đơn kép”, ngài Vân Thê nói: “Mỗi ngôi vị đều có một vị là đơn, một vị có đủ mười hai vị là kép. Lấy đơn chồng lên kép, lấy kép chồng lên đơn, mỗi cái đều có mười hai”. Quả vị của Viên giáo trong Đại thừa, một vị đều có đủ tất cả vị, không đồng với Tạng giáo và Thông giáo, một vị không biết một vị. Thế nên, sơ tâm bèn đồng với cứu*

*cánh, đến quả Diệu giác cũng không vượt ngoài sơ tâm. Đạo quả Vô thượng, tức ngay hiện tiền trong nhật dụng, hiện tiền của chúng sinh, thẳng đó chưa dễ gì tin chắc vậy.*

**Các thứ Địa ấy đều do trí tuệ Kim Cang (Bát-nhã) quán sát mười thứ thí dụ như huyễn, sâu xa trong Xa-ma-tha (chỉ), dùng các pháp Tỳ-bà-xá-na (quán) của Như Lai mà thanh tịnh tu chứng, lần lượt đi sâu vào.**

*Các thứ địa, tức là chỉ cho mười hai vị trước vậy. Kim Cang là dụ cho định, chẳng phải chỉ riêng cho Đẳng giác mà các Địa đều có đủ, mới có thể tùy theo mỗi vị mà đoạn hoặc, chứng chân cũng tức là sơ căn tuệ tâm vậy. Đây là pháp Kim Cang như huyễn Tam-muội, quán sát tất cả các pháp cùng với trí sở đoạn, chứng hạnh, năng sở đều không, nhiên hậu ở trong viên định dùng trí tuệ viên mãn của Như Lai lần lượt đi sâu vào. “Xa-ma-tha” dịch là “Tịch”. “Tỳ-bà-xá-na” dịch là “Chiếu”. Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na ấy, lấy trì giới thanh tịnh, vẫn tư thanh tịnh mà thành chính kiến làm nhân, lấy thiện thanh tịnh tâm, thiện thanh tịnh tuệ làm quả. Từ sơ tâm cho đến cứu cánh, đối trị hai thứ chướng vi tế, rốt ráo chứng được tất cả tri kiến*



không trước, không ngại kiến lập pháp thân tột cùng thanh tịnh. Mười thứ tỷ dụ sau là:

1/- Người huyễn, 2/- Sóng nắng, 3/- Trăng dưới nước, 4/- Hoa đốm hư không, 5/- Tiếng vang trong hang, 6/- Thành Càn-thát-bà, 7/- Chiêm bao, 8/- Bóng, 9/- Tượng, 10/- Hóa.

Đều như thế đều do ba thứ tiệm thứ tăng tiến, nên khéo thành tựu năm mươi lăm vị trong đường Bồ-đề Chân Thật.

Từ Càn tuệ địa trải qua Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Tứ gia hạnh, Thập địa, cộng tất cả là năm mươi lăm ngôi vị; Đẳng giác, Diệu giác chính là quả, tức là con đường Bồ-đề. “Đều do ba tiệm thứ tăng tiến”, là do ba thứ tiệm thứ tăng tiến mà phát ra tâm sơ càn tuệ, nên ở đây chuyển kết vậy.

Quán xét như vậy, gọi là chánh quán, nếu quán khác đi, gọi tà quán.

Đây là tiêu biểu cho quán sát được viên dung. Vì pháp chân thật tu hành của Như Lai, nếu cho là thật có, thì thành giai cấp, nếu chấp thật không, thì thành đoạn diệt; là hai thứ tà quán. Chỗ cứu cánh là viên dung (đốn) mà hành bố (tiệm), hành bố mà viên dung. Ấy là

*pháp nhãn chân thật vậy.*

*Quán xét pháp giới cho chín chắn, từ phàm đến Thánh, chỉ một càn tuệ mà thôi. Mê càn tuệ đó, thì lưu chuyển trong tứ sinh cùng khắp mười hai loài, các thứ loạn tưởng lại chẳng phải vật khác. Ở trong loạn tưởng trông về càn tuệ địa, cũng như càn tuệ địa trông về cực quả đều như phần ngoài (xa xôi). Mà chẳng biết xả loạn tưởng hẳn không có càn tuệ; cũng như xả càn tuệ hẳn không có cực quả vậy. Lấy loạn tưởng làm càn tuệ, in tuồng như có ngộ mê, kịp đến càn tuệ quán trở lại loạn tưởng mới hối hận là chẳng an trụ, vẫn như kẻ đi xa chẳng kịp trở về, nhiên hậu mới biết cái mê chưa đổi được. Ngộ ở trong mê, như rùa mù gặp bông cây, mê trong ngộ, in tuồng nhọc hình trốn bóng. Cực quả cũng vậy khi chưa đến cực quả, thì càn tuệ là nhân; lấy quả chỉ nhân, thì chỉ tại trước mắt; lấy nhân trông về quả, tâm luống quanh co hướng ra ngoài để trui luyện mũi kiếm như huyễn chém sáu giặc thành Càn-thát-bà, mò bóng trăng trong nước hợp với ánh sáng và hư không trong mặt gương. Đâu biết mặt trăng vốn tự trên trời, hư không không phải xem trong gương, chỉ vì nhìn sững chẳng thôi mới xoay đầu mà hận là đã muộn, rõ biết*

lý do kia chưa khởi có thời gian. Đây là lý do cần tuệ địa làm đến Đẳng giác, rồi mới tin là không có cái sai lầm hay khéo léo nào khác. Lấy loạn tưởng làm cần tuệ, chỉ quý chỗ tự biết, lấy cần tuệ làm giác tâm cũng phải thân thiết đạt đến. Trải qua ba tiệm thứ tăng tiến há nhờ hỏi nơi người? Kịp đến Tứ Gia Hạnh ai làm Phật giác ngộ? Rốt cuộc chỉ do tính tuệ huân tập bên trong, sức huân tập cùng tốt thì tự thấy. Tuy xuôi dòng trên các địa có thể đến mà cùng tốt trí Kim Cang, thì cần tuệ địa mới viên mãn. Đưa cứu cánh vào sơ tâm chứng Phật tâm nơi các vọng. Chúng sinh thành Phật duy có Phật mới biết. Phật tức chúng sinh, chúng sinh chẳng tự biết. Nhận biết chỗ này rồi sau mới có thể không khởi tà quán vậy.



## MỤC VII: KẾT CHỈ DẠY TÊN KINH

Lúc bấy giờ, ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, ở trong Đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật mà bạch đức Phật rằng: “Nên gọi kinh này là gì? Con và chúng sinh phải phụng trì thế nào?”.

*Bản kinh này, đây là ngài Văn Thù xuất hiện lần thứ tư. Ban đầu đem chú đến gia hộ cho A-nan, lần thứ hai hỏi về hai thứ căn bản phát minh, lần thứ ba Phật sai chọn căn viên thông, nay kết lại hỏi về tên kinh. Kinh này quan trọng nơi căn bản đại trí. Tất cả chúng sinh theo căn, nắm bắt trần cảnh, bởi mê căn bản trí, do đó sinh ra điên đảo. Nếu chuyển thức thành trí, thì rất là mau chóng và thẳng tắt. Kinh Niết-bàn nói: “Có phiền não thì không có trí tuệ, có trí tuệ thì không có phiền não”. Chẳng phải dùng trí tuệ phá phiền não, mà phiền não tức là trí tuệ, ấy là chỉ bày nghĩa sâu xa, nên cần trước sau qui trở về Văn Thù vốn sẵn có vậy.*

**Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi: “Kinh này tên là “Đại Phật Đảnh, Tát-dát-đa, Bát-**

**đát-ra Vô Thượng Bảo Ấn, Thập Phương Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhân”.**

*Tạng tính của Như Lai vốn không thể thấy, tính tướng không hai, nên gọi là Phật danh. Tát-đát-đa, Bát-đát-ra, xuất sinh ra mười phương tất cả chư Phật. Đây tức là vô thượng bảo ấn của Như Lai, mười phương các đức Như Lai y nơi đây mà đủ đại phán nhân thanh tịnh vô vi, thể dụng gồm đủ, trước đã nêu nghĩa này.*

**Cũng gọi tên là: “Cứu hộ thân nhân, độ thoát A-nan, cập thử hội trung tính Tỳ-kheo-Ni đắc Bồ-đề Tâm Nhập Biến Tri Hải”.**

*Đây là ước về bi độ mà lập danh. Cứu độ thân nhân, vẫn trước nói: “Như Lai thực hành tâm chú này, có thể ở trong mười phương nhiếp độ thân nhân, khiến cho các Tiểu thừa nghe tạng bí mật chẳng sinh kinh sợ. “Bồ-tát tâm” nghĩa là chân trí. “Biến tri hải” tức là chân lý Niết-bàn. Dùng trí nhập lý, đây là cứu cánh vậy”.*

**Cũng gọi tên là “Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa”.**

*Nhân tức là bản tu nhân địa. Bản tu nhân địa không sinh không diệt, bản giác bí*

*mật chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác có thể biết được. Thuận tính khởi tu không rơi vào giai cấp, ấy là liễu nghĩa, chẳng phải chẳng liễu nghĩa. Đây ước về nhân pháp mà lập danh vậy.*

**Cũng gọi tên là “Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương, Thập Phương Phật Mẫu Đà-la-ni Chú”.**

*Tính thể trùm chứa cả pháp giới gọi là “Đại”. Xét định Phạm Thánh, một đường Niết-bàn, tức chỗ kinh Pháp Hoa nói: Chỉ có Nhất thừa, lại không có hai, ba gọi là “Phương”. Do Thể mà tiêu biểu cho Dụng, quyền thật viên dung, lớn nhỏ đồng nhau gọi là “Quảng”. “Hoa Sen”, hoa và quả đồng thời có đủ, dụ cho Phật tính, Niết-bàn, nhân quả đều thấu suốt với nhau, thuần nhất sáng sạch như hoa xòe nở gọi là “Diệu”. Tùy chỗ xưng tán và tôn trọng, gọi là “Vương”. Sinh ra mười phương các đức Như Lai, gọi là “Mẫu”. Thủ Lăng Nghiêm là “Đại Tổng Trì”, gọi là “Đà-la-ni chú”. Đây là ước về pháp Thể Dụng mà đặt tên vậy.*

**Cũng gọi tên là “Quán Đảnh Chương Cú, Chư Bồ-tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm”. Ông nên phụng trì”.**

*Đây là ước về lời bí mật, nên gọi tên là “Quán Đảnh Chương Cú”. Nếu thọ trì thì Như Lai dùng nước trí rót trên tâm đảnh người ấy, cũng như Vua Chuyển Luân Thánh Vương nhận chức. Muôn hạnh của Bồ-tát từ đây sinh ra, rồi trở về kiên cố rốt ráo. Tất cả Như Lai, tất cả Bồ-tát đồng nhập biển giác tự tánh pháp thân, hội nhân nơi quả, ở đây căn cứ nơi quả mà được tên vậy. Kinh này riêng trong căn bản đại trí, đối với môn tu chứng đều ngụ ý viên nhiếp, nên Như lai đặc biệt chỉ dạy phụng trì và sẽ làm cho rộng khắp. Bồ-tát truyền giáo rộng suốt đồng nơi Tạp Hoa cũng có thể một phen chứng rõ.*



## MỤC VIII: NGHE PHÁP ĐƯỢC TĂNG TIẾN

Phật nói lời ấy rồi, liền khi ấy ông Anan và cả Đại chúng, được nhờ Như Lai khai thị ý nghĩa mật ấn Bát-dát-ra và nghe được những tên gọi liễu nghĩa của Kinh này, liền ngộ được diệu lý tăng thượng để tu tiến vào các Thánh vị trong Thiên-na; tâm niệm rộng rang đứng lặng đoạn trừ sáu phẩm phiền não vi tế của tư hoặc trong tam giới.

*“Mật Ấn”, tức là chỉ cho tâm chú Bát-dát-ra này là mật ấn của mười phương Như Lai. “Liễu nghĩa”, tức là chỉ cho văn trên hiển bày, khai ngộ tu chứng, đều là chỉ thẳng liễu nghĩa. “Thiên-na” là Diệu trí Trung đạo, nghĩa là được trí này viên mãn vào chân lý, tất cả tâm niệm đều được đứng lặng. Đây là Diệu trí đã được kinh nghiệm, đoạn hoặc tu chứng, nên gọi là tu tâm đoạn trừ sáu phẩm phiền não vi tế của tư hoặc. Ngài Trường Khánh nói: “Ước về tứ quả mỗi địa đều đoạn riêng: Thân trong sơ quả đoạn sáu phẩm hoặc trong chín phẩm của một địa dục giới chứng quả thứ hai. Thân trong quả thứ hai, đoạn ba phẩm dưới chứng quả thứ ba. Thân trong quả thứ ba đoạn bảy mươi hai*



*phẩm trong hai cõi trên tức chứng được A-la-hán. Nay ông A-nan đã chứng quả thứ hai, nên đoạn sáu phẩm phiền não của tư hoặc vậy. Lý tuy đốn ngộ quả vị do tiệm chứng, nên viên tu cũng so với Tiểu thừa phối hợp với nhau.*



## CHƯƠNG BỐN

### PHÂN BIỆT CHÍN CHẨN NGHIỆP QUẢ, PHÂN TÍCH KỸ VỀ TÀ MA NGOẠI ĐẠO

---

#### MỤC I: HỎI VỀ VỌNG TƯỚNG TẬP KHÍ SẴN CÓ, SINH KHỞI RA LỤC ĐẠO

Ông A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật, chấp tay cung kính mà bạch Phật rằng: “Đức Thế Tôn có oai đức lớn dùng từ âm không ngăn che, khéo khai ngộ những thứ mê lầm sâu kín nhỏ nhiệm của chúng sinh, khiến cho chúng con ngày hôm nay thân tâm an ổn thích thú được lợi ích lớn. Bạch Thế Tôn, nếu cái Chân Tâm Diệu Minh trong sạch nhiệm mầu này, bản lai cùng khắp viên mãn như thế cho đến đất liền, cỏ cây các loài hàm linh máy động vốn nguyên là Chân Như, tức là Chân Thể Thành Phật của Như Lai. Thể tính của Phật đã chân thật, tại sao lại có các đường: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a-tu-la, người, trời v.v... Bạch Thế Tôn, các

**đường ấy bản lai tự có hay do tập khí giả dối của chúng sinh sinh khởi?”.**

*Khai ngộ những thứ mê lầm sâu kín nhỏ nhiệm, tức là chỉ cho đoạn sáu phẩm tư hoặc phiền não ở trước. Từ câu “Nếu cái chân tịnh Diệu tâm trở xuống...”, bởi vì trước nguyên là Diệu tâm cùng khắp viên mãn, sau hội muôn pháp đều chân, dùng để khởi lên không nên có lục đạo tam đồ, là gồm nêu lên cái nghi là bản lai tự có, hay do tập khí giả dối sinh khởi ra. Chẳng biết rằng, vọng thấy tức có, vọng diệt tức không, không thể lấy tức không mà nghi tức có, cũng không thể lấy tức có mà nghi tức không, đó là nghĩa viên dung, mới ở nơi ngộ tu, cả hai đều không lầm lẫn vậy.*



## MỤC II: HỎI VỀ VIỆC BÁC KHÔNG NHÂN QUẢ BỊ SA VÀO ĐỊA NGỤC VÀ VỀ NGHIỆP CHUNG, NGHIỆP RIÊNG

Bạch Thế Tôn, như Tỳ-kheo-ni Bửu Liên Hương giữ giới Bồ-tát lén lút làm việc dâm dục, lại nói càn rằng làm việc dâm dục chẳng phải sát sinh, trộm cắp, không có nghiệp báo. Nói ra lời ấy rồi, trước hết từ nơi nữ căn sinh ra ngọn lửa hồng lớn, về sau từng lóng, từng đốt đều bị lửa đốt cháy, rơi vào địa ngục Vô gián.

Vua Lưu Ly và Tỳ-kheo Thiện Tinh, vua Lưu Ly giết họ hàng Cù Đàm. Thiện Tinh vì nói càn, tất cả pháp đều rỗng không, ngay thân sống sa vào địa ngục A tỳ.

Các địa ngục đó là có chỗ nhất định hay là tự nhiên, mà khi các người kia gây nghiệp, thì mỗi người mỗi người chịu riêng? Cúi mong Phật rủ lòng đại từ, khai ngộ cho kẻ ngây thơ, khiến cho tất cả các chúng sinh trì giới nghe nghĩa quyết định, vui lòng tôn trọng kính cẩn giữ gìn không trái phạm.

*Ý hỏi chung là “Địa ngục có chỗ nhất định, hay tự nhiên. Khi các người kia gây*

nghiệp, thì mỗi người, mỗi người chịu riêng?”. Bởi nghi tự nhiên, nên không có chỗ nhất định, vẫn sau nói: “Không đoạn ba nghiệp thì mỗi mỗi đều có chỗ riêng”. Nhân mỗi mỗi có chỗ riêng, nên nhiều cái riêng đồng chịu trong số phận, chẳng phải không có chỗ nhất định, tức là đáp ý này. “Bảo Liên Hương” chưa rõ xuất xứ từ đâu. Giao Quang nói: Tỳ-kheo-ni Bảo Liên Hương có ba điều trái phạm: 1/- Phạm giới dâm, 2/- Chê bai giới luật, 3/- Gây sự hiểu lầm cho người dân dân cho đến tội rất nặng, nên đọa vào ngục A tỳ. “Vua Lưu Ly” trong Kinh nói: “Lúc ban đầu ở nước Ca-tỳ-la-vệ, có năm trăm vị Trưởng giả thuộc dòng quý phái Xá Di, vì trọng kính Phật, nên tạo giảng đường và phát nguyện rằng: “Từ hàng Sa-môn Phạm Chí cho đến thường dân (dân đen) không ai được lên giảng đường này trước Phật”. Khi ấy nước Xá-vệ có vị Thái tử tên Lưu Ly và con một vị Phạm Chí tên là Háo Khổ, trên đường về thăm quê ngoại, thấy giảng đường cao rộng, hai người dừng lại vào giảng đường lên pháp tòa của Phật ngồi, liền bị các người thuộc quý phái mắng rằng: “Đồ sinh vật hạ tiện sao dám lên ngôi tòa này?” Bèn xô đuổi ra. Thái tử Lưu Ly nói với Háo Khổ: “Dòng họ Thích làm nhục tôi đến như

thế, khi tôi tiếp nối Vương vị, ông hãy nhắc lại việc này cho tôi”. Sau khi Thái tử tức vị, Háo Khổ đến bảo tập hợp binh chủng đánh nước Ca-tỳ-la-vệ, giết ba mươi vạn người Xá Di. Phật nói: “Sau bảy ngày những người ấy sẽ bị đọa vào Địa ngục”. Trong kinh Niết-bàn Phật nói: “Tỳ-kheo Thiện Tinh, tuy đọc tụng mười hai bộ kinh, phá hoại được kiết sử trong Dục giới, chứng được Tứ thiên, nhưng ông không hiểu nghĩa một câu một bài kệ, thường gằn gỏi bạn ác thói thất Tứ thiên. Do Thiên định bị thói thất rồi sinh ác tâm tà kiến, ông nói như vậy: “Không có Phật, không có Pháp, và cũng không có Niết-bàn. Như Lai tuy vì tôi nói pháp mà tôi thật cho là không có nhân quả”. Nay ông ở gần sông Ni Liên thiên, đức Như Lai cùng với ngài Ca Diếp liền đến chỗ ở của ông. Thiện Tinh nhìn xa thấy Phật đến liền sinh tâm ác tà kiến. Do ác tâm ấy mà ngay thân còn sống rơi vào địa ngục A tỳ.



### MỤC III: KHAI THỊ PHẦN TRONG, PHẦN NGOÀI CỦA CHÚNG SINH

---

#### ĐOẠN I NÊU CHUNG

**Phật bảo A-nan: “Hay thay, lời hỏi đó, khiến cho các chúng sinh chẳng mắc vào tà kiến, nay ông hãy nghe kỹ, tôi sẽ vì ông nói”.**

*Tà kiến là chỉ cho Bảo Liên Hương, Thiện Tinh bác không nhân quả. Lưu Ly thấy giảng đường của Phật dám lên ngồi trước, nghe nói không biết ăn năn, trái lại còn sinh sân hận, tức là Nhất-xiển-đề, cũng gọi là tà kiến.*

**A-nan, tất cả chúng sinh thật vốn là chân tính thanh tịnh, nhân những vọng kiến kia mà có tập khí hư vọng sinh ra, vì thế mà chia ra có phần trong và phần ngoài.**

*Chân tính vốn tịnh, do vọng kiến mà khởi ra mê lầm (hoặc) nhân mê lầm mà tạo nghiệp, bèn có tập khí hư vọng. Hoặc nghiệp làm nhân, nên làm phần trong; trái lại đây là phần ngoài, vẫn sau sẽ tự rõ.*

## ĐOẠN II

### PHẦN TRONG

A-nan, phần trong tức là trong phần của chúng sinh. Nhân các thứ ái nhiễm phát khởi ra vọng tình, vọng tình tích chứa mãi không thôi, nên hay sinh ra nước ái. Thế cho nên, trong tâm của chúng sinh nghĩ nhớ đến thức ăn ngon, thì trong miệng chảy nước bọt; trong tâm nghĩ đến người trước hoặc thương, hoặc giận thì nước mắt trào ra; tham cầu của báu, thì tâm phát ra nước ái trên thân đều trong sáng; tâm đắm trước hành dâm, thì hai căn của nam nữ tự nhiên dịch khí chảy ra. A-nan, các thứ ái tuy có khác, nhưng kết quả chảy nước là đồng, thấm ướt không bay lên được thì tự nhiên theo đó mà rơi xuống, ấy gọi là phần trong.

*Chúng sinh từ vô minh vọng kiến mà kết làm ngã thể, liền có trái và thuận. Thuận theo ngã thì yêu thích, làm hư tổn cái ta yêu thích thì sinh sân hận, sân hận cũng do từ yêu thích, nên yêu thích là gốc của vọng tình, do đó mà gọi là phần trong; nghĩa là nó có ở trong phần của chúng sinh vậy. Cội gốc của vọng tình ngưng tụ thì nặng, lý ắt theo đó mà rơi xuống,*



*như nước lúc nào cũng chảy xuống, việc ấy rất dễ hiểu. Tình ái nếu không đoạn trừ giống như dòng nước chảy cuốn hút mình như tự bị trôi cột vậy.*

### ĐOẠN III PHẦN NGOÀI

**A-nan, phần ngoài tức là ngoài phần của chúng sinh. Nhân cái lòng khát ngưỡng mà phát ra những hư tưởng, tưởng chất chứa mãi không thôi, có thể sinh ra các thắng khí. Thế nên, trong tâm chúng sinh, nếu trì giới cấm, thì toàn thân đều nhẹ nhàng thanh tịnh; tâm trì ấn chú, thì mắt nhìn hùng dũng, nghiêm nghị; tâm muốn sinh lên cõi trời, thì chiêm bao thấy bay lên; để tâm nơi cõi Phật, thì cảnh Phật thâm hiện; phụng thờ thiện tri thức, thì tự xem thường thân mạng. A-nan, các tưởng đó tuy khác nhưng nhẹ nhàng cất lên thì đồng nhau, cất bay không chìm xuống tự nhiên vượt lên ấy là phần ngoài.**

*Chúng sinh chấp ngã, động niệm theo tình, ở đây không theo tình, ngoài sinh khát ngưỡng, nên nói là phần ngoài. Tưởng ắt theo*

lý, đối với tình chất gọi đó là hư; khí do lý thăng, nên sinh ra thăng khí. Nhẹ nhàng, thanh tịnh, hùng dũng, nghiêm nghị, bay lên, thâm hiện, xem thường thân mạng đều nghiệm biết đó là thăng khí của tư tưởng vậy.

#### ĐOẠN IV

### PHÂN BIỆT TÌNH, TƯỚNG, NẶNG NHẸ

#### CHI 1. THUẬN TƯỚNG

**A-nan, tất cả thế gian sống chết tiếp nối nhau, là do thuận theo tập quán, chết thì đổi sang dòng khác; khi gần mạng chung chưa hết hơi nóng, việc lành việc dữ trong một đời đồng thời hiện đủ. Cái nghịch của chết cái thuận của sống, hai tập khí giao xen lẫn nhau.**

*Chúng sinh chấp ngã, cho là thân ta và tâm của ta. Đây là thói quen hằng ngày, nên sống là thuận. Chết là biến đổi, nghĩa là trái ngược với thói quen, nên là đổi sang dòng khác. Chưa xả hơi nóng, tức là thân hiện ấm rớt sau, khi bắt đầu chuyển sang thân trung ấm, và hậu ấm. “Hai tập khí” là thức trước là tập khí cũ, thức sau là tập khí mới. Chính đương khi ấy, những việc thiện việc ác tạo tác của hiện đời, cùng với chỗ cảm đến đời sau bay lên hay chìm*

*xuống thoát vậy hiện tiền, như cái biết khi nằm mộng, thấy việc trong mộng vậy.*

**Thuần là tướng thì bay lên, át sinh trên các cõi trời. Nếu khi bay lên mà trong tâm gồm có đủ phước đức trí tuệ và nguyện thanh tịnh, thì tự nhiên tâm được khai ngộ, thấy tất cả Tịnh Độ mười phương Chư Phật theo nguyện mà vãng sinh.**

*Thuần là tướng thì sinh lên cõi trời, đây là việc thường. Nay Phật khai thị, nếu thuần là tướng mà gồm có đủ cả phước đức trí tuệ, nguyện sinh cõi Phật là phải biết, tuy có phước đức trí tuệ đầy đủ, nhưng nếu chưa có đủ nguyện lực cũng chưa đủ điều kiện để sinh về cõi Phật. Bởi vì chúng sinh do nghiệp sinh ra. Bồ-tát do nguyện lực mà sinh, thì nguyện cũng không thể thiếu vậy.*

## **CHI 2. TÌNH ÍT TƯỚNG NHIỀU**

**Tình ít tướng nhiều thì cất lên không xa, liền làm phi tiên, đại lực quỷ vương, phi hành dạ-xoa, địa hành la-sát, đi khắp bốn cõi trời không bị ngăn ngại. Trong những vị ấy, nếu có tâm tốt, nguyện lành, ủng hộ Phật pháp, hoặc ủng hộ giới cấm theo người trì giới, hoặc ủng hộ thần chú theo người trì chú, hoặc ủng hộ**

**thiên định giữ yên pháp nhẫn, thì các hạng đó chính mình được ở dưới pháp tòa của Như Lai.**

*Tình ít, tướng nhiều thì bay lên không xa, đây là nêu lên việc thông thường, nhưng trong ấy có một, hai, ba, bốn trường hợp sai khác. Phật riêng khai thị “nếu có tâm tốt nguyện lành”, thì ở trong đây chẳng phải có ít nhiều so sánh vậy.*

### **CHI 3. TÌNH TƯỚNG ĐỒNG NHAU**

**Tình tướng đồng nhau, không bay lên cũng không rơi xuống, thì sinh ở cõi người, tướng sáng suốt nên thông minh, tình tối tăm nên ngu độn.**

*Sáng suốt nên thông minh, tối tăm nên ngu độn, đều là căn cứ trên phần tình và tướng mà phân chia. Như đồng một nghê tướng, đây lấy sự mà thắng, kia lấy lý mà thắng, thì cái sáng suốt vào lý ắt giúp cho trí tuệ thông minh. Nếu đồng là một thứ tình, đây đam mê ân ái, kia chuyên chú âm thầm hiểm độc, thì cái tối tăm độc hiểm gian trá ắt cảm đến mờ tối ngu độn.*

### **CHI 4. TÌNH NHIỀU TƯỚNG ÍT**

**Tình nhiều tướng ít, thì trôi vào các loài hoành sinh; nặng thì làm loài có lông, nhẹ thì làm loài có cánh.**

Những loài có lông, những giống có cánh đồng là lục tình. Nói có nặng nhẹ, cũng tức là ở trong lục tình mà so sánh xét lường. Như trong cái tình và tưởng bằng nhau ở trên, cũng đều có thông minh ngu độn khác nhau vậy.

#### CHI 5. BẢY PHẦN TÌNH BA PHẦN TƯỞNG

Bảy phần tình, ba phần tưởng, thì chìm xuống dưới thủy luân, sinh nơi mé hỏa luân chịu khí phần của lửa mạnh, thân làm ngựa quỉ, thường bị đốt cháy, vì nước có thể hại mình, nên trải qua trăm ngàn kiếp không ăn không uống.

“Chìm xuống dưới thủy luân, sinh nơi mé hỏa luân”, nghĩa là dưới thủy luân có mé của hỏa luân, gần nơi địa ngục. Loại này thuộc quyền thống lãnh của Diêm La, chịu khí phần của lửa mà sinh, thân nương tựa trong lửa thường bị lửa thiêu đốt, dù được uống nước, nước hóa thành lửa, nên gọi là thủy hại.

#### CHI 6. CHÍN PHẦN TÌNH MỘT PHẦN TƯỞNG

Chín phần tình một phần tưởng, chìm xuống thấu qua hỏa luân, và giữa giao với phong luân và hỏa luân, nhẹ thì sinh vào địa ngục hữu gián, nặng thì sinh vào địa ngục vô gián.

*Giữa giao với phong luân và hỏa luân, tức ngục nóng thứ bảy. Vô gián ở đây là đối với Hữu gián mà nói, sự thọ khổ có phần hơi nặng mà không phải như dưới địa ngục A tỳ vậy.*

#### **CHI 7. THUẦN TÌNH VÀ HỦY BÁNG V.V...**

**Thuần tình thì chìm sâu vào địa ngục A tỳ. Nếu trong tâm chìm sâu đó lại có chê bai Đại thừa, phá cấm giới của Phật, cuồng vọng thuyết pháp để tham cầu của tín thí, lạm nhận lòng cung kính của người, hoặc phạm ngũ nghịch thập trọng, thì lại sinh vào địa ngục A tỳ trong mười phương.**

*Đây là con đường thông thường nơi địa ngục A tỳ riêng mở ra bốn lối: - Bài báng Phật pháp, phạm cấm giới, nói vọng, lạm nhận của tín thí. Riêng nương gá trong mười phương không hạn cuộc một phương nào. Nghĩa là kiếp số thành hoại mỗi phương đều khác, rất lâu dài khó ra khỏi vậy.*

#### **CHI 8. KẾT LẠI ĐỒNG PHẬN NHƯNG ĐỀU CHIA RIÊNG**

**.Theo nghiệp ác gây ra, tuy tự chuốc lấy quả báo, nhưng trong chúng đồng phận, vẫn có chỗ sẵn.**

Gây tạo các nghiệp chỉ mỗi người đều tự tạo riêng, chịu thì sẽ đồng phận. Đây là đáp lại quả báo có chỗ nhất định. “Chỗ sẵn”, tức là nguyên địa vậy.

**HỎI:** Tình tưởng đều do tâm, tại sao gọi là trong ngoài? Nếu cho tình là phận trong của chúng sinh, thì tưởng ắt cũng cố gắng như vậy, tất cả những hành động thiện của thế gian không do bản tâm, nhân đã không chân, thì quả đâu thể đến?

**ĐÁP:** Đây là do vọng kiến của chúng sinh mà thấy có ngã. Từ vọng thấy có ngã nên thấy có tâm ta, thấy có thân ta, theo cái thân tâm hư vọng đó, một ý nghĩ, một hành động đều vì mình, nên chúng sinh tạo dữ, ấy thật là dữ. Chúng sinh làm việc lành chưa thật là lành, bởi vì dữ tức là theo việc riêng tư tùy thuận với vọng ngã, thế nên nó thật làm. Lành chính là theo việc chung (với mọi người) không cùng với việc riêng để gần với ngã. Thánh hiền ở thế gian nếu không do phát minh bản tính, nhận được chân tâm sẵn có, từ chân tâm sẵn có sinh ra nghiệp lành, mà quán về lý do kia, thì chưa dễ gì gần cùng, nên có gắng sức tiến tu còn hơi dính mắc nơi danh tự của cái ngã vẫn là khéo

làm theo sự biến hiện của vọng ngã. Vì sao? Vì chân tính không có ngã, nếu phát minh thì y tính khởi dụng, nếu có đề cập đến việc người, thì thấy thấu triệt là một thể, lại không có ý nghĩ gán đến cái danh. Nên biết, tình của chúng sinh là chân tình, vì do vọng ngã mà sinh, đều thuận với ngã tưởng là nhân hâm mộ việc lành, vì đều làm tổn thương cho ngã. Nếu hay lấy cái tưởng tổn thương cho ngã, mà ngược lại cái tình thuận với ngã tăng một phần tổn, tức là diệt một phần thuận. Tưởng tổn ngã càng sáng suốt, thì tình thuận theo ngã càng kém, mới do sức cố gắng lần lần cho đến tự nhiên. Do đây mà trông về nơi nghiệp thuận tính, bản nguyên tuy có khác, mà cái động dụng in tuồng như đồng. Sở dĩ chư Thiên được cái thuận tưởng này, nên hào quang sáng suốt không cùng tột vậy. Khi phước cùng tột thì tuệ sinh, hoặc được tâm khai ngộ, thấy mười phương chư Phật, hoặc gặp Thiện hữu dùng phương tiện tỏ ngộ, lại theo tưởng mà phát minh cái chân thật, thì ai lại nói là giả dối vậy.





## MỤC IV: CHỈ RA MƯỜI TẬP NHÂN, SÁU ĐƯỜNG GIAO BÁO

---

### ĐOẠN I

#### NÊU CHUNG DANH MỤC

A-nan, những điều như thế đều do nghiệp báo, các chúng sinh kia tự chiêu cảm lấy, như gây mười tập nhân thì chịu sáu giao báo.

*“Những điều như thế” là nương nơi vãn trên tình tướng nhiều ít mà có sai khác, đều do tự nghiệp của chúng sinh chiêu cảm, chẳng phải ngoài tâm riêng thật có chỗ để thọ quả báo. Mười tập nhân, sáu giao báo, chính là căn cứ nơi nghiệp dữ để chỉ chung và riêng vậy.*

### ĐOẠN II

#### CHÍNH CHỈ MƯỜI TẬP NHÂN

##### CHI 1. TẬP NHÂN VỀ DÂM

**Thế nào là mười tập nhân?**

*Khổ ràng buộc sinh ra hoặc nghiệp, gọi*

nó là “nhân”. Nhân cùng tột có mười là để tột cái quả dữ của mười nhân, chỉ có dâm là thân nghiệp, ngoài ra đều là ý và khẩu.

**A-nan, một là tập quán dâm dục cùng giao tiếp nhau phát sinh cọ xát lẫn nhau, cọ xát mãi không thôi; như thế, nên trong ấy có ngọn lửa hồng lớn nổi lên, như người lấy hai bàn tay cọ xát với nhau, thì có cảm giác nóng hiện ra.**

*Đây là dùng căn và cảnh cọ xát lẫn nhau, làm nhân phát nghiệp. “Giao tiếp”, tức là chỉ cho chỗ căn cọ xát sinh ra lửa, do tâm động mà ứng hiện nơi thân, dùng cái thí dụ tự nơi tay mình cọ xát mà cảm giác có tướng nóng là rất dễ thấy.*

**Hai cái tập khí đốt nhau, nên có những việc giường sắt, trụ đồng.**

*Tức là do hai tập khí đốt nhau, được cái lý tất nhiên có làm có chịu, thân xúc chạm cột đồng, giường sắt là căn; chỗ cột đồng giường sắt xúc chạm thân là cảnh. Căn cảnh không hai, nhân quả y nhiên.*

**Thế nên, tất cả mười phương các Như Lai, nhận xét dâm dục đồng gọi là lửa dục.**

**Bồ-tát đối với dâm dục tránh xa như tránh  
hầm lửa.**

*“Sắc mục”, nhân sắc mà gọi là mục, nhân  
mục mà gọi là sắc; nên gọi là nhận xét (sắc  
mục) dâm dục, đồng gọi là lửa dục. Phải biết  
căn cảnh của Như Lai, không có tướng căn  
cảnh, vẫn sau đều so sánh việc này. Bồ-tát biết  
sâu nguyên nhân của dâm dục, lại vì người tu  
hành trì cấm giới, nên thị hiện để làm gương  
soi khiến xa là:*

## **CHI 2. TẬP QUÁN VỀ THAM DỤC**

Hai là tập quán tham lam so đo hơn  
thiệt, phát sinh hấp thụ lẫn nhau, hấp thụ ô  
áp mãi không·thôi, vì thế nên tích tụ hơi lạnh  
bên trong thành băng cứng làm cho nứt nẻ; ví  
như có người hút hơi gió vào thì sinh ra cảm  
giác lạnh. Hai tập lẫn át nhau, nên có những  
sự tra tra, ba ba, la la, thanh liên, xích liên,  
bạch liên, hàn băng v.v... thế nên, mười  
phương Như Lai nhận xét, tham cầu quá  
nhiều, đồng gọi là nước tham. Bồ-tát đối với  
lòng tham, tránh như tránh biển độc.

*Dâm ở trong tham riêng chỉ ra, dùng để  
chỉ nó rất là nặng, nên cái tham này là chuyên  
chỉ tiên của và vật dụng vậy. Chữ “kế” là tính*

*toán, tính toán tìm cầu, có nghĩa là hấp thụ cảnh trước. Chấp chặt tâm này như nước cứng thành băng. So sánh nhân mà biết quả, mới có tám địa ngục lạnh. Hai tập khí lẫn nhau đều không phải là việc khác.*

### CHI 3. TẬP QUÁN VỀ NGÃ MẠN

**Ba, tập quán ngã mạn lẫn lướt lẫn nhau, phát sinh ý thế với nhau. Dong ruối mãi không dừng, vì thế nên có bốn ba, sôi nổi, chứa sóng lại thành nước, ví như có người miệng lưỡi tự chép làm cho nước bọt chảy ra. Hai tập khí chọi nhau, nên có các việc: sông máu, sông tro, cát nóng, biển độc, bắt uống nước đồng chảy v.v... Thế nên, tất cả Như Lai ở mười phương nhận xét, lòng ngã mạn gọi là uống nước si mê. Bỏ-tát đối với tâm ngã mạn, như tránh vực thẳm.**

*“Lấn lướt” là khinh rẻ, xem thường người khác. Phát ra ở nơi tâm ý thì, như ý có thế lực, ý có danh dự đều hiện ra trạng thái phóng túng lao chao. Đây tức là chiêu cảm có sông máu v.v... Trong bản văn thí dụ như miệng lưỡi tự chép (làm cho nước bọt chảy ra). Chính là cái cao cử tự đắc bèn thành dòng nước đầy tràn cùng khắp, nên phải cảnh tỉnh vậy.*

#### CHI 4. TẬP QUÁN VỀ NÓNG GIẬN

Bấn, tập quán nóng giận xung đột lẫn nhau, phát sinh chống đối lẫn nhau, chống đối mãi không thôi, tâm nổi nóng phát ra lửa, nên cái khí đúc thành kim thuộc. Vì thế nên có núi đao, đòn sắt, cây gươm, bánh xe gươm, búa, rìu thương, cưa. Ví như người bị hàm oan thì sát khí nổi lên. Hai tập khí chống chọi nhau, nên có các việc thiến, cắt, chém, chặt, dùi, đâm, đập, đánh. Thế nên tất cả các đức Như Lai mười phương nhận xét sự nóng giận gọi là dao gươm bén, Bồ-tát đối với lòng nóng giận, tránh như tránh chém giết.

*Nhân nơi chống đối mà kết nghiệp, tâm kết tụ thành kim thuộc. Hai tập khí trong người giao cảm với nhau mà phát ra, gốc ở chỗ tự mình làm, trở lại tự mình chịu vậy.*

#### CHI 5. TẬP QUÁN VỀ GIẢ DỐI

Nằm, tập quán về giả dối dụ dỗ theo nhau phát sinh lôi kéo lẫn nhau, dẫn dắt mãi không thôi; như vậy, nên có dây, cây, thòng lọng, căng nọc, ví như nước thêm vào ruộng, cỏ cây sinh trưởng. Hai tập khí kéo dài với nhau, nên có các việc gông, cùm, xiềng xích, roi gậy, qua bảng. Vậy nên tất cả các đức Như

**Lai mười phương nhận xét giả dối đồng là sàm tặc. Bồ-tát thấy giả dối sợ như beo sói.**

*Dụ dõ theo nhau có sức lôi kéo, dẫn dắt, bó buộc nhau, nên chỗ của người kia thọ báo đều do chỗ của người kia làm ra vậy. “Như nước thấm vào ruộng, thì cỏ cây sinh trưởng”. Cũng để hình dung người nói lời giả dối bạo dữ, dụng tâm tình nảy nở dây dưa của chúng sinh, đủ thấy cùng tột ở nơi đây vậy.*

### **CHI 6. TẬP QUÁN VỀ DỐI GẠT**

**Sáu, tập quán về lừa gạt lường dối với nhau, phát sinh phỉn gạt lẫn nhau. Phỉn gạt mãi không thôi, phóng tâm tạo những điều gian dối như vậy, cho nên có đất bụi, đại tiện, tiểu tiện, các đồ nhơ nhớp không sạch, như bụi theo gió mỗi cái không thấy lẫn nhau. Hai tập khí dìm hại lẫn nhau, nên có các việc chìm đắm, nhảy ném, bay rơi, trôi lăn. Thế nên tất cả các đức Như Lai mười phương nhận xét sự lừa gạt đồng gọi là cướp giết. Bồ-tát đối với sự dối gạt như đập nhằm rắn rết.**

*Lừa gạt thuộc lừa dối và phỉn gạt, tâm phỉn gạt phần nhiều có các tạp nhạp lẫn lộn, thay đổi nổi chìm như nước bị gió làm chuyển*

*động, do đây mà có nghiệp cảm gây ra những việc chìm đắm, bay rơi. Tâm bay theo gió, trạng thái ấy rất đầy đủ. Mỗi cái đều không chỗ thấy, thì đối gạt người tức là tự đối gạt mình, chính tại nơi tâm bất giác vậy.*

### **CHI 7. TẬP KHÍ VỀ OÁN THÙ**

**Bảy, tập khí thù oán hiềm khích lẫn nhau, phát sinh ôm lòng giận hờn, như thế cho nên có quăng đá, ném gạch, hộp nhốt, xe cũi, bình đựng, dây bọc, như người hiểm độc ôm ấp điều dữ. Hai tập khí nuốt nhau nên có những sự ném, quăng, nắm, bắt, đánh, bắn, gieo ôm. Vậy nên tất cả các các đức Như Lai thập phương nhận xét sự thù oán gọi là quỷ Vi Hại. Bồ-tát đối với sự thù oán như uống rượu độc.**

*Thù oán thành ôm lòng giận hờn, thì tất cả cái ôm ấp gây sự nguy hiểm cho người không đâu chẳng đủ. Tai họa gây cùng tội cho người kia, các việc như quăng đá, xe cũi v.v... ném, quăng, nắm bắt đều là chỗ muốn gây đến cho người khác, trái lại thì ở trước mắt mình. Chúng sinh đối với việc này sẽ không tự ăn năn sao? Quỷ Vi Hại thường rình bắt người. “Chấm” là tên chim cưu, lông cánh nó thấm vào rượu có thể giết người.*

## CHI 8. TẬP QUÁN VỀ ÁC KIẾN

Tám, tập quán ác kiến tranh cãi với nhau như ngã kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và các nghiệp tà ngộ, phát sinh ra chống trái lẫn nhau, như thế nên có sứ vua chủ lại nắm giữ giấy tờ làm chứng, như người đi đường qua lại gặp nhau. Hai tập khí giao nhau, nên có các việc khám hỏi mưu mẹo, khảo tẩn, hạch hỏi, gạn xét cứu tra soi sáng và những đồng tử thiện ác, tay cầm sổ sách biện bạch cãi vã. Thế nên tất cả các đức Như Lai mười phương nhận xét ác kiến đồng gọi là hầm kiến chấp. Bồ-tát đối với các thứ thiên chấp hư dối như đến bên hố độc.

*“Kiến” là ác kiến. Ác kiến có năm: 1/ Thân kiến: chấp ngã và ngã sở. 2/ Biên kiến: chấp thường chấp đoạn. 3/ Tà kiến: nhận xét tà mị hiểu biết sai lầm, bác không nhân quả. 4/ Kiến thủ: Tất cả các kiến chấp chẳng phải nhân chấp là nhân, chẳng phải quả chấp là quả, chấp làm tối thắng, hay đoạn dứt trí tuệ. 5/ Giới thủ: Chấp cố định giới mình đã giữ, hoặc chấp cố định giới tà cho đó là tối thắng. Phàm các thứ kiến chấp đó chỉ thấy có mình không người, thế nên mới có việc chống trái lẫn nhau, bèn có tất cả các việc cảm ứng khám hỏi khảo tẩn.*



## CHI 9. TẬP QUÁN VỀ VỤ VẠ

Chín, là tập quán về vụ vạ, làm hại lẫn nhau, phát sinh vụ báng. Như thế nên có núi ép, đá ép cối xay, cối nghiền, cày bừa, ví như kẻ sàm tặc áp bức vu oan cho người lành. Hai tập khí ấy bài xích lẫn nhau, nên có các việc áp giải, đè đập, ép huyết tuốt mình. Thế nên tất cả các đức Như Lai mười phương nhận xét việc vu vạ đồng gọi là sàm hồ. Bồ-tát đối với vu vạ như bị sấm sét.

*Vu báng làm việc oan ức, nghĩa là việc ấy vốn không, vì kẻ sàm tặc ép bức vu oan cho người hiền. Các cảnh núi ép, đá ép đều do việc áp bức vu oan cảm ứng hiện ra và mới thấy các việc áp giải như vậy. “Xúc bộc” (ép huyết) nghĩa là để trên bàn ép, ép cho máu chảy ra. “Hoành đạc”, như trong cái lỗ chật hẹp mà đo đạc thân người kia vậy. “Sàm hồ” sàm là hay làm hại người, độc hại như loài cọp vậy.*

## CHI 10. TẬP QUÁN VỀ KIỆN THƯA

Mười, tập quán kiện thưa cãi vã lẫn nhau phát sinh sự che đậy. Như thế nên có gương soi, đuốc chiếu, như ở giữa ban ngày không thể giấu bóng được. Hai tập khí phô bày lẫn nhau, nên có các việc bạn ác gương

**nghiệp hỏa châu phơi bày nghiệp xưa để đối  
nghiệm. Thế nên tất cả các đức Như Lai mười  
phương nhận xét sự che đậy đồng gọi là giặc  
ngâm. Bô-tát đối với sự che đậy như đội núi  
cao, lợi trong biển lớn.**

*Tập quán thừa kiện gốc nơi che đậy, song  
tâm mình nếu không mê muội ắt sinh nghi hối.  
Nó vốn đã dụng gương soi, đước chiếu nên có  
quả bạn ác, gương nghiệp. Không dám tự phát  
ra, nên gọi là giặc ngâm. Đội núi, lợi trong biển  
vừa đủ để tự nhàm chán vậy.*

### **ĐOẠN III**

## **TÓM NÊU SÁU GIAO BÁO**

**Thế nào gọi là sáu giao báo? A-nan, tất  
cả chúng sinh do sáu thức tạo nghiệp, nên  
chiêu cảm ác báo, đều từ sáu căn mà ra.**

*Gốc của nghiệp từ thức tạo, ban đầu từ sáu  
căn tạo ra, trở lại từ sáu căn mà thọ nhận, nên  
gọi là báo. Một căn tạo nghiệp, sáu căn đồng thọ  
quả báo. Đây tạo, kia thọ, kia tạo, đây thọ, nên  
gọi là giao. Nghiệp do tâm, quả báo phần nhiều  
ước về sắc. Song chỗ sắc thọ tâm đâu không biết.  
Lại sắc hiện đời và sắc đời sau khác nhau, cốt yếu  
là thức biến, nên biết toàn sắc là tâm vậy.*

## ĐOẠN IV

# KHAI THỊ VỀ SÁU GIAO BÁO

### CHI 1. GIAO BÁO VỀ THẤY

Các báo dữ từ sáu căn như thế nào? Một, là giao báo về thấy, chiêu cảm quả báo dữ. Khi nghiệp thấy ấy giao báo, thì khi lâm chung, trước hết thấy lửa dữ đầy cả mười phương, thần thức người chết bay rơi theo khói vào địa ngục vô gián, phát ra hai tướng: 1/ Thấy sáng: khắp thấy các vật dữ sinh ra khiếp sợ không lường. 2/ Thấy tối: lặng im không thấy gì sinh ra hoảng hốt vô hạn. Lửa thấy như thế, nó đốt cái nghe có thể làm vạc dầu sôi, làm nước đồng chảy. Đốt hơi thở, thì hay làm khói đen, lửa đỏ; đốt cái nếm, thì hay làm viên tròn hung đỏ, làm cơm sắt; đốt cảm xúc, thì hay làm tro nóng, lò than; đốt tâm ý, thì hay sinh ra sao lửa rưới khắp làm rung động cả cõi hư không.

*Nghiệp đều do thức từ con mắt dẫn đến bèn làm nghiệp thấy, nên có chiêu cảm lửa thấy. Khi lâm chung, in tuồng như con mắt giữ sắc làm nhân, tức là con mắt thấy lửa hồng làm báo. Do con mắt chiêu cảm quả báo khắp tất cả năm căn. Cũng do một căn xoay về nguồn, thì*

sáu căn được thanh tịnh. Ngộ mê, chân vọng chính không có hai đường. Sáng tối đều thuộc về cảnh bị thấy, nghiệp thấy khi đã mãn, thấy cùng tốt cảnh giới đều bị cái khổ ràng buộc. Do đó mà đốt cái nghe, đốt hơi thở, đốt nếm vị, đốt cảm xúc, đốt tâm ý. Ban đầu do một căn tạo ra, năm căn đồng thọ cái vui giả dối. Nay do một căn chuốc lấy nghiệp báo, thì năm căn đồng thọ cái khổ giả dối. Khổ hay vui đều là giả dối cốt yếu là không chỗ trốn vậy.

## CHI 2. GIAO BÁO VỀ NGHE

Hai là giao báo về nghe, chiêu cảm quá dữ. Khi nghiệp nghe này giao báo thì khi lâm chung trước thấy sóng cuộn chìm ngập trời đất, thần thức người chết sa xuống theo dòng nước vào ngục vô gián, phát ra hai tướng: một là nghe rõ, nghe tất cả các thứ ồn náo, tinh thần rối loạn; hai là lại điếc hẳn lặng lẽ không nghe gì, thần thức chìm lịm. Sóng nghe như thế rót vào cái nghe, thì hay làm trách làm hỏi; rót vào cái thấy, thì hay làm sấm, làm rống, làm hơi độc dữ; rót vào hơi thở, thì hay làm mưa làm mù, rưới các sâu độc đầy khắp cả thân thể; rót vào vị, thì hay làm mủ làm máu, các thứ nhơ bẩn; rót vào cảm xúc, thì hay làm súc, làm quỷ, làm phân, làm nước

**tiểu; rót vào ý nghĩ, thì hay làm chớp, làm mưa đá đập nát tâm thức.**

*Tiếng sóng rất là mênh mông, nên quá báo chiêu cảm trước thấy nhận chìm. Ngài Ôn Lăng nói: “Quán sát xoay tiếng trở lại tự tâm, thì nước không thể nhận chìm, y chỗ tạo nghiệp hay chiêu cảm sóng mòi cũng một phen khéo hợp”. Tiếng sấm, tiếng rống, hơi độc đều không phải cảnh thấy được, cũng như trạng thái khi sợ (con mắt lộ vẻ sợ sệt) không thể quá câu nệ vậy. Mưa, mù, trùng độc chính là sóng nghe bốc hơi nóng lên biến ra đều có hơi độc, cùng với lỗ mũi tương ứng. Loài súc sinh, loài quỷ là âm loại cùng với chớp, mưa đá, sấm, mưa thủy đều là hình tướng tối tăm của sóng lớn. Chỗ nghiệp nghe cảm đến chẳng phải ra ngoài loại này.*

### **CHI 3. GIAO BÁO VỀ NGƯỜI**

**Ba, là giao báo về người chiêu cảm quá dữ, nghiệp người ấy giao báo, thì khi lâm chung trước thấy hơi độc đầy đầy xa gần, thần thức người chết từ dưới đất vọt lên, vào ngục vô gián, phát ra hai tướng: một là người thông, bị các hơi độc xông tột bực làm cho tâm rối loạn; hai là ngạt mũi, hơi ngạt không thông nằm chết giấc dưới đất. Hơi người như**

**thế xông vào hơi thở, thì làm thông làm ngạt; xông vào cái thấy, thì có thể làm lửa làm đước; xông vào cái nghe, thì có thể làm chìm ngập làm chết đuối, làm nước lớn, làm nước sôi; xông vào vị, thì có thể làm đói, làm ngấy; xông vào cảm xúc, thì có thể làm xấu làm nát, làm núi thịt lớn có trăm ngàn con mắt ăn hút không lường; xông vào ý, thì có thể làm tro, làm chướng khí, làm gạch, cát, đá bay lên đánh nát thân thể.**

*Từ dưới đất vọt lên, vì hơi từ dưới bay lên. Chữ “chất” là ngạt. Chữ “lý” là thông, tức là hai tướng ngược thông và ngạt mũi ở trên. Thấy thuộc về lửa, thì xông vào làm lửa, làm đước; nghe thuộc về nước thì xông vào làm chìm ngập làm chết đuối; vị tùy theo hơi mà biến hóa, thì làm đói, làm ngấy; thân thể chịu hơi huân vào, thì làm xấu, làm nát; ý nhân bị khí che, thì làm tro, làm chướng khí, làm cát bay. Tóm lại, chỉ một căn chiêu cảm ác báo, thì năm căn rối loạn tùy theo mỗi loài đều hiện.*

#### **CHI 4. GIAO BÁO VỀ VỊ**

**Giao báo về vị chiêu cảm quả dữ. Khi nghiệp vị đó giao báo, thì lúc lâm chung trước thấy lưới sắt nung đỏ, che khắp cả thế giới;**

thần thức của người chết từ dưới tung lên, mắc lưới treo đầu lộn ngược xuống vào ngục vô gián, phát ra hai tướng: một là hơi vào kết thành giá lạnh, thịt trong thân bị nứt nẻ; hai là phun hơi bay ra làm lửa hồng, đốt cháy rụi xương tủy. Vị nếm như thế qua cái nếm, thì có thể làm nhận làm chịu; qua cái thấy, thì có thể làm các thứ kim thạch đốt cháy; qua cái nghe, thì có thể làm binh khí sắc bén; qua hơi thở, thì có thể làm lồng sắt lớn che trùm cõi nước; qua cái cảm xúc, thì có thể làm cung, làm tên, làm nổ, làm bắn; qua cái ý, thì có thể làm sắt nóng bay từ trên không rưới xuống.

*Tham vị thì lưới đốt phủ tất cả cánh lông vảy. Có làm nhân kia như thế, nên kết quả phải chịu, không một mảy may sai lầm. “Thừa” là nhận. “Nhân” là thọ vậy. Chỗ vật bị nhân thọ nơi ta, thì nay đến nhận lãnh. Khắp trải qua các căn đều do việc tham vị chấp lấy sự vật, quả báo đâu thể khéo nói ư?*

### CHI 5. GIAO BÁO VỀ XÚC

Năm, là giao báo về xúc chiêu cảm quả dữ. Khi nghiệp xúc đó giao báo, thì lúc lâm chung trước thấy núi lớn bốn mặt đến hợp lại không còn đường ra, thần thức người chết

thấy thành sắt lớn, rắn lửa, chó lửa, cọp, sói, sư tử, ngực tốt đầu trâu, la-sát đầu ngựa, tay cầm cây thương, xóc, lừa vào cửa thành, hướng về ngực vô gián, phát ra hai tướng: một là hợp xúc, thì núi ép kẹp mình xương thịt nát ra máu; hai là ly xúc, thì dao gươm chạm vào mình, tim gan cắt xẻ. Xúc báo như vậy, qua cái xúc, thì có thể làm đao, làm quán, làm sánh, làm án; qua cái thấy, thì có thể làm đốt, làm nung; qua cái nghe, thì có thể làm đập, làm đánh, làm đâm, làm bắn; qua hơi thở, thì làm trùm làm đẩy, làm tra làm trói; qua cái nắm vị, thì có thể làm cày, làm kềm, làm chém, làm chặt; qua cái ý, thì có thể làm rơi, làm bay, làm nấu, làm nướng.

*Xúc có hai tướng là ly và hợp. Hợp thì xúc hợp lại ép vào mình. Ly thì xúc chia tách thân mình. “Đao” là con đường xua đuổi tội nhân đến địa ngục. “Quán” chủ địa ngục giữ cửa cùng với sánh và án đều là chỗ trị tội. Ngoài ra ước nơi văn kinh có thể hiểu. Luận Trí Độ nói: “Xúc này chính là kết sinh ra nhân duyên lớn, là căn bản trói cột tự tâm”. Vì sao? Vì bốn tình kia đều có chỗ phân chia. Riêng xúc thì chỗ sinh ra nó rất rộng lớn, cùng khắp cả thân và thức, nên xúc phân nhiều hay sinh nhiễm trước, vì nó khó xả, nên có thể tạo*



*nhiều tội nặng, hoặc đọa vào địa ngục, thì có hai nơi: Một là hàn băng, hai là viêm hỏa. Trong hai nơi này đều do thân xúc thọ mà thành tội, khổ độc muôn mối. Vì thế xúc này gọi là chỗ rất tối tăm là con đường gian nan nguy hiểm vậy.*

### CHI 6. GIAO BÁO VỀ Ý NGHĨ

Sáu, là giao báo về suy nghĩ chiêu cảm quả dữ. Khi nghiệp ý giao báo, thì lúc lâm chung trước thấy gió dữ thổi tiêu hoại cõi nước, thần thức của người chết bị gió thổi bay trên không, xoay rơi trên gió, sa xuống địa ngục vô gián, phát ra hai tướng: một là không biết mê muội cùng tột, hoang mang bỏ chạy không thôi; hai là không mê, tỉnh biết thì khổ bị thiêu đốt không cùng đau đớn thống thiết khó nhẫn chịu. Như thế kết vào ý nghĩ, thì có thể làm phương, làm sở; kết vào cái thấy, thì có thể làm gương soi, làm chứng cứ; kết vào cái nghe, thì có thể làm đại hợp thạch, làm giá, làm sương, làm đất, làm mù; kết vào hơi thở, thì có thể làm xe lửa lớn, làm thuyền lửa, làm cũi lửa; kết vào cái ném vị, thì có thể làm kêu la to, làm hối hận, làm khóc lóc; kết vào xúc, thì có thể làm lớn, nhỏ, làm cho một ngày muôn lần sống, muôn lần chết, làm nghiêng làm ngửa.

Ý nghĩ sinh diệt, nhân nơi thân hoại mà thấy cõi nước giữa nghiêng. Lại ý lo nghĩ thoát nhanh như gió, khi xả hơi nóng, gió nghiệp thổi mạnh, ý nghĩ trước biết, chẳng biết thì hoang mang không căn cứ, biết thì các thứ khổ giao nhau công phá. Chúng sinh không biết tự tâm tùy ý nghĩ mà lưu chuyển, nghiệp thức mênh mang, khi chưa có quả báo lại không tự chủ, hưởng chi đương chịu quả báo rồi đến chỗ là nơi thọ tội. Ngài Ôn Lăng nói: “Kết vào cái nghe mà làm đại hợp, đồng như đất nước giao cảm vậy”. Xe, thuyền, cũi chính là hơi thở rơi vào chỗ tâm ý rối loạn mà biến ra. “Ném vị” tức là thiệt căn mà cũng là chỗ phát ra âm thanh. Từ lớn nhỏ trở xuống đều là nói về thân, bởi do ý loạn động mà thấy có nghiệp cảm xúc. Cùng tội những việc đó đều do huyền hóa mà hiện ra vậy.

## ĐOẠN V

### KẾT LUẬN VỀ TẬP NHÂN GIAO BÁO, KHI HOÀN TOÀN KHI THIẾU KHUYẾT VÀ ĐÁP LẠI NGHIỆP RIÊNG MÀ CÓ ĐỒNG PHẦN CHUNG

A-nan, ấy gọi là mười nhân và sáu quả của địa ngục đều do chúng sinh mê vọng mà tạo ra.

*Xét một câu: “Bởi mê vọng mà tạo ra” đã cùng tội nguyên nhân và quả báo đều không thật có. Mê bản tâm mình, nên vọng thấy có tiền cảnh mà khởi hoặc, tạo nghiệp, ví như khi nằm mộng liền đó tự biết; như cơn mộng đã tỉnh đối với sự vật hiện tiền, thì thật giống hệt vật đã vút bỏ vậy.*

**Nếu các chúng sinh sáu căn đồng tạo nghiệp dữ, thì vào ngục A tỳ chịu khổ không lường, trải qua vô lượng kiếp. Nếu từng mỗi căn tạo ra và nghiệp dữ đã làm, gồm cả cảnh và căn, thì người ấy vào tám địa ngục vô gián.**

*Mười nhân và sáu quả báo gồm cả căn và cảnh, nghĩa là đồng tạo nghiệp. Cái khổ của địa ngục A tỳ và kiếp số đều gọi là không lường, nên cùng với ngục vô gián có khác nhau. Từng mỗi căn tạo riêng, thời gian vẫn không đồng, nhân cũng có gián đoạn, tuy là gồm cả căn cảnh vào nơi ngục vô gián, nhưng kiếp khổ đều giảm bớt.*

**Nếu cả thân, khẩu, ý làm việc sát, đạo, dâm, thì người ấy vào mười tám địa ngục; không đủ cả ba nghiệp thân, khẩu, ý, hoặc trong ấy chỉ làm việc sát, hoặc việc đạo, thì người ấy vào ba mươi sáu địa ngục. Chỉ có**

**một căn riêng làm một việc, thì người ấy vào một trăm lẻ tám địa ngục.**

*Thân, khẩu, ý thì ba nghiệp đều đủ; Sát, đạo, dâm, thì thân nghiệp đều phạm; do đấy mà vào mười tám địa ngục. Nếu biết ba nghiệp không đủ, hoặc như thân nghiệp chỉ có hai, thì vào ba mươi sáu ngục. Nếu chỉ có một căn riêng phạm là một trong ba nghiệp (thân, khẩu, ý). Riêng phạm một nghiệp là một trong ba tội sát, đạo, dâm, sẽ vào một trăm lẻ tám địa ngục.*

**Do những chúng sinh ấy riêng gây ra nghiệp, nên vào chỗ đồng phân ấy, đó đều do vọng tưởng phát sinh chẳng phải bản lai tự có.**

*“Riêng gây ra nghiệp” là mỗi mỗi đều có chỗ riêng. “Vào chỗ đồng phân” là các cái riêng chung lại thành chỗ đồng phân. Đây chính là kết luận để đáp câu hỏi: “Lại là tự nhiên hay có chỗ nhất định”, tức như văn trước đã nói, trong các cái đồng phân gồm có chỗ sẵn vậy. Lại nói, “do vọng tưởng phát sinh, không phải bản lai tự có”. Nên biết, các cái riêng nếu có, thì đồng phân là nghiệm nhiên. Như ở trong mộng khi thức rồi thì đâu có gì quyết định, nháy mắt thì đã theo đâu vậy.*

## ĐOẠN VI

### KHAI THỊ CÁC DƯ BÁO

#### CHI 1. NÊU CHUNG VỀ QUỶ BÁO

Lại nữa, A-nan! Các chúng sinh ấy chê bai phá hoại luật nghi, phạm giới cấm Bồ-tát, hủy báng Niết-bàn của Phật và các nghiệp phức tạp khác, sau khi bị đốt cháy trải qua nhiều kiếp đền tội hết rồi thì chịu các hình quỷ.

Ở đây nói về dư nghiệp, nêu lên ba tội rất nặng, dùng để lệ cho những tội khác đều do ở trong địa ngục thọ tội xong lại thọ làm thân quỷ để chỉ cùng tội các dư báo. Câu “Chê bai phá hoại luật nghi”, nghĩa là phá mà lại chê bai nói không luật nghi. Trí tuệ của Bồ-tát, Niết-bàn của Như Lai đều là tuệ mạng của chúng sinh, một phen phạm, một phen hủy, nên nói là rất nặng.

#### CHI 2. MƯỜI THỨ QUỶ

Nếu ở nơi bản nhân do tham vật mà làm ra tội, người ấy đền tội xong gặp vật thành hình, tên là Quái quỷ; do tham sắc mà làm ra tội, người ấy đền tội xong gặp gió thành hình gọi là Bạt quỷ; tham mê hoặc dối trá mà làm ra tội, người ấy đền tội xong, gặp giống súc

thành hình gọi là My quý; do tham nóng giận mà làm ra tội, người ấy chịu tội xong, gặp con sâu thành hình gọi là Cổ độc quý; do tham thù oán mà làm ra tội, người ấy đền tội xong gặp vận suy thành hình, gọi là Lệ quý; do tham ngã mạn mà làm ra tội, người ấy đền tội xong, gặp khí thành hình, gọi là Nga quý; do tham lừa gạt làm ra tội, người ấy chịu tội xong, gặp u ẩn thành hình, gọi là Áp quý; do tham ác kiến làm ra tội, người ấy khi đền tội xong, gặp tinh hoa thành hình gọi là Vãng lượng quý; do tham vu vạ làm ra tội, người ấy khi đền tội xong, gặp linh hiển thành hình, gọi là Dịch sử quý; do tham bè phái che giấu làm ra tội, người ấy khi đền tội xong, gặp con người thành hình gọi là Truyền tống quý.

*Đối với vật sinh ra tham, nên có dư báo sinh cõi quý. Nhưng vẫn nương gá vào vật, thường tất cả đều nương vào cỏ gá vào cây, để làm yêu quái, đó là chủng loại của nó. Con đực con cái dụ dỗ nhau, gọi là gió, bởi dư báo của tập khí dâm, nên nương nơi gió mà thành hình. Bạt nữ quý, cũng gọi là nữ yêu, loài này do cảm sự dâm dật mà thọ nhận vậy. “Mê hoặc”, tức là nhân của đối trá, nương cái hư dối mà làm mê lầm người chân chính, như loài hồ ly hay hiện*

thân kẻ nam nữ đẹp. Đây là loại quỷ làm cho người tối tăm mê lầm, nên gọi là Mỹ. Giận là nhân của oán thù, dư báo của sự oán thù bị làm cổ độc, nên thường là loài Cổ độc đều bị quỷ nương gá. Ôm áp sự giận tức không thôi, ôm áp tích tụ trở thành ghi nhớ; thừa lúc vận mệnh người suy yếu nhập vào thân làm tật bệnh, gọi đó là Lệ quỷ. Thái độ cao cử lấn hiếp người gá vào hơi làm thân thể, vì không thật có, nên thường tự đói khát. Đây là dư báo tâm kiêu mạn vậy. Hư dối, lừa gạt dùng để dối gạt người không biết, làm cho tâm họ u ẩn, nên gặp u ẩn thì thành yểm; yểm là làm lẫn mê muội vậy. Tà kiến chấp theo dị kiến của ngoại đạo, cùng với chính kiến trái nhau. Cái dư báo kia có thể nương nơi mặt trời, mặt trăng, ánh sáng, hoa cỏ, núi sông, linh khí dùng để tự thành hình, gọi là vãng lượng. “Thành” là nhân của sự vu vạ, đè ép vu vạ để thành chứng cứ. Dư báo đó ắt nương sự minh hiển dùng để cung phụng và sai sử gọi là Dịch sử quỷ. Như thuộc hạ của sứ giả trong linh miếu, dẫn bè đảng tự che giấu, như loài quỷ gá vào người, nay làm đồng cốt cúng tế, là chỗ quỷ nương tựa, để truyền tống việc kiết hung. Đây là dư báo của tập khí về kiện tụng vậy.

### CHI 3. KẾT LUẬN VỀ QUỶ BÁO

A-nan, những người ấy đều do thuần tình phải đọa lạc, bị lửa nghiệp đốt khô, thì lên làm quỷ. Những loài như thế là từ nghiệp vọng tưởng mà chiêu cảm. Nếu chúng ngộ Bồ-đề, thì tính Diệu viên minh vốn không thật có.

*Đây là tổng kết mười nhân dư báo mà nói. Nếu ngộ Bồ-đề, thì tính Diệu viên minh vốn không có gì. Phải biết tính Diệu viên minh hiện ở địa ngục tam đồ mà thường không gián cách. Nghĩa là Phật tính lưu chuyển trong ngũ đạo vậy. Bồ-tát tùy loại hiện thân đều vì lý do này. Thế nên phải biết, chúng sinh không có căn lành mà ở trong chỗ khổ cùng tột, ngay đó phát minh, huống là người mà có thể tự bỏ hay sao? Quả báo về tình đã hết, nên nói nghiệp hỏa cháy khô.*

### CHI 4. NÊU CHUNG VỀ SỨC SINH BÁO

Lại nữa A-nan, khi nghiệp quỷ đã hết thì tình và tưởng cả hai đều thành không, mới ở thế gian cùng với những người mình đã thiếu nợ cũ oán đối gặp nhau, thân làm súc sinh để trả nợ trước.

*Tưởng ở đây đều gồm thu nhiếp trong*



*tình, chớ không phải tình rơi xuống, tưởng bay lên ở trên. Đã nói rằng tình tưởng đều không, thì riêng làm súc sinh để đền trả nợ trước. Song do tập khí dư thừa tăng thượng, nên cũng đều có tùy loại, vẫn sau tự rõ.*

### **CHI 5. MƯỜI CHỦNG LOẠI SÚC SINH**

**Quái quỷ theo vật, vật tiêu báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim kiêu. Quỷ theo gió, gió tiêu báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm các loài kỳ dị (báo điềm xấu). Mỵ quỷ theo súc, súc chết báo hết, sinh nơi thế gian phần nhiều làm loài chồn. Cổ quỷ theo sâu, sâu diệt báo hết, phần nhiều sinh nơi thế gian làm loài có độc. Lệ quỷ theo vận suy, suy tột báo hết sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài giun. Ngạ quỷ theo khí, khí tiêu báo hết, sinh nơi thế gian làm loài cung cấp thịt ăn. Áp quỷ theo u ẩn, u ẩn tiêu báo đã hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài đồ mặc. Vỡng lượng quỷ theo tinh hoa, tinh hoa báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài cảm ứng. Dịch sử quỷ theo sự linh hiển, linh hiển diệt báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm tất cả loài hươu trướng (báo điềm tốt). Truyền tống quỷ theo người, người chết báo hết, sinh nơi thế gian phần**

## **nhieu làm các loài quán quít bên người.**

*Gá vào vật làm quái quỷ, ôm khối đất làm loài chim kiêu. Đây là do dư tập tham vật thực mà hiện. “Cửu trung” như bầy chuột, chim sẻ, báo diêm hoang phé, thiếu kém thương dương, thủy tai, chim hạc múa ứng diêm hạn hán. Dối làm loài mê hoặc người, còn thừa lại sinh làm thân chôn, trước làm quỷ gá vào thân súc sinh. Ở đây chính làm thân súc sinh. Loài độc là loài rắn rết, loài giun, tức là loài giun sán. Trước làm Lệ quỷ nương vận thịnh suy, ở đây làm loài giun nhỏ ở trong bụng người. Loài để làm đồ ăn uống, là tất cả loài có sinh mạng có thể làm đồ ăn uống. Xưa làm quỷ đói, nay cung cấp cho người no bụng. Loài để làm y phục, nay như tơ tằm, lông thú đều có thể làm y phục. Loài cảm ứng như Đỗ yển, Tân hồng đều ứng theo thời tiết mà đến. Ở đây để thấy còn cảm ứng cái tập khí tinh diệu. Quỷ gá vào sự linh hiển, khi ở loài súc sinh làm loài hươu trưng như con Lân, con Phụng làm diêm tốt cho người, chẳng phải chúng có thể đem đến. Quỷ nương gá theo người khi làm thân súc sinh vẫn còn nương tựa theo người, như loài mèo loài chó ở thế gian. Phàm những loài súc sinh này tuy đền nợ cũ, thấy đều do tập khí dư thừa, nên mỗi loài do nghiệp cảm mà đến vậy.*

## CHI 6. KẾT LUẬN SÚC SINH BÁO

A-nan, bọn ấy đều do lửa nghiệp đốt khô sinh ra loài súc đên trả nợ trước. Như thế, đều do vọng nghiệp của tự mình chuốc lấy. Nếu ngộ tính Bồ-đề, thì vọng duyên đó vốn không thật có.

*Trên là kết về quỷ thú nói “tính Diệu viên minh vốn không thật có”. Đây là kết về súc sinh báo, lại nói “các vọng duyên này vốn không thật có”, thì biết Diệu tính không nhiễm, hư vọng vốn không, lại ba lần nêu ra phải nên tự phản tỉnh vậy.*

## CHI 7. PHẬT LẬP LẠI CÂU HỎI TRƯỚC, ĐỂ LẬP LẠI LỜI CHỈ DẠY

Như lời ông nói, bọn Bảo Liên Hương, vua Lưu Ly, Tỳ-kheo Thiện Tinh đều vốn tự tạo nghiệp dữ như thế. Nghiệp ấy không phải từ trên trời rơi xuống, từ dưới đất vọt lên, cũng không phải người khác đưa tới, mà chính do vọng tưởng của tự mình gây ra rồi trở lại tự mình thọ quả báo, đối với tâm Bồ-đề đó chỉ là sự kết đọng của vọng tưởng giả dối.

*Trong tâm Bồ-đề vốn không có tất cả nghiệp quả. Nên từ tâm Bồ-đề mà quán nghiệp*

hệ đó là hư dối, không có việc thật. Song do vọng tưởng của chúng sinh kết đọng lại, hiện tiền ở trong mê, thì không thể nói là không, nghĩa là không có ngã, không tạo tác, không người thọ, nhưng nghiệp quả tạo ra đều không mất; tâm giác ngộ, thì nghiệp không, cảnh giới tự khác, không thể đồng như ban ngày mà nói mơ vậy.

### CHI 8. ĐỀN TRẢ LẠI NỢ CÒN THỪA

Lại nữa, A-nan! Từ các súc sinh ấy đã đền trả nợ trước, nếu trong lúc trả nợ mà trả quá nợ cũ, thì các chúng sinh này trở lại làm người đòi lại chỗ thừa kia. Nếu như người ấy có thể lực, lại có cả phước đức, thì ở trong loài người, không xả thân người mà hoàn lại chỗ thừa đó; còn nếu không có phước đức thì phải làm súc sinh để trả nợ đền lại chỗ thừa.

Trả quá nợ cũ, nghĩa là chỗ trả nhiều hơn nợ đã thiếu. Ở đây hoặc người nhận nợ đã trả lại muốn giết để đòi quá nhiều, thì loài súc sinh này trở lại làm người, hầu đòi lại chỗ nợ còn dư đó, như dê chết làm người, người chết làm dê vậy. “Có thể lực”, nghĩa là có sức có thể không mất thân người, như đời trước làm hộ pháp, thọ giới không sát sinh, đều là nhân của trường

thọ. “Phước đức” cũng do đời trước làm tất cả việc phước đức đối với Tam bảo, đời này chưa hết, nên hiện đời đền trả không đợi đến đời sau. So sánh mà biết người giàu có lại ngẫu nhiên làm người thiếu nợ, phải khởi tướng này, mới không đền cái nợ đã khởi ra ở trên.

## CHI 9. TÌM NHAU ĐỀN TRẢ NGHIỆP BÁO

**A-nan! Phải biết, nếu dùng tiền của hoặc sai sử sức của chúng, đền đủ thì xong, còn như trong ấy có giết thân mạng hoặc ăn thịt của chúng, như thế cho đến ăn nhau giết nhau trải qua nhiều kiếp như số vi trần cũng như bánh xe xoay vẫn thay đổi bên cao bên thấp không có dừng nghỉ, trừ người được pháp thiên định, hoặc Phật ra đời, thì không thể dừng được.**

*Đây là nói tiền của, sức lực, sai sử đền đủ tức là xong. Nếu giết thân mạng, thì ôm ấp oán hận không cùng. Đời nay làm súc đền nợ, đời sau lại sinh làm người đòi lại làm thiếu nợ, thiếu nợ lại làm người đòi không có ngày xong; trừ khi người ấy đốn ngộ tự tính, được chân Tam-muội, thì nghiệp và hoặc cả hai đều không; hoặc gặp Phật ra đời đều được giải thoát, mới có thể thôi dứt. Giới sát sinh phải*

*giữ cho nghiêm trang đồng như giới dâm rất nên ghi sâu vậy.*

### CHI 10. DƯ CẢM TRONG NHÂN ĐẠO

Nay ông nên biết, loài chim kiêu kia khi đền nợ đủ trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, xen hợp với hàng ngoan cố. Giống cừu trưng kia, khi đền nợ đủ, trở lại thân người, sinh trong nhân đạo xen hợp với hạng quái dị. Những loài hồ kia, khi đền nợ đủ trở lại thân người sinh trong nhân đạo xen hợp với hạng ngu dại. Những loài có độc kia, khi đền nợ đủ, trở lại thân người, sinh trong nhân đạo xen hợp với hạng nham hiểm. Những loài giun kia, khi đền trả nợ đủ, trở lại thân người sinh trong nhân đạo xen hợp với hạng nhỏ nhoi. Những loài cung cấp thịt ăn kia, khi đền trả nợ đủ, trở lại thân người sinh trong nhân đạo xen hợp với hạng nhu nhược. Những loài cung cấp đồ mặc kia, khi đền trả nợ đủ, trở lại thân người sinh trong nhân đạo xen hợp với hạng lao lụy. Những loài chim mùa kia, (cảm ứng) khi đền trả nợ đủ, trở lại thân người sinh trong nhân đạo xen hợp với hạng văn hoa. Những loài hươu trưng kia, khi đền trả nợ đủ, trở lại thân người sinh trong nhân đạo xen hợp với hạng thông minh. Những loài

**quần quít theo người kia, khi đến trả nợ đủ, trở lại thân người sinh trong nhân đạo xen hợp với hạng thông đạt.**

*Nhân đạo lấy năm giới làm chính nhân. Nay từ súc sinh trở lại làm người, nên nói là xen hợp. Nhân tham của cải, nên đọa trong loài quỷ, gá vào vật làm việc quái lạ, ở trong loài súc sinh ôm khối đất, làm chim kiêu, trở lại làm người, làm hạng ngoan cố. Nên biết tâm nếu gá vào vật, thì không linh vậy. Tham dục do mê, nên làm loài Bạt, loài Cửu, được trở lại thân người thành các hạng khác lạ không thể nói cho cùng. Dâm dục làm tiêu mất tính bén nhạy linh hiển của người, như loài hồ (chồn) này làm hôn tối mê hoặc tan mất sự liêm sỉ gắn với sự ngu độn, tuy trở lại làm người nhưng ngu muội rất nặng. Những loài có độc nguyên ở loài quỷ làm loài cổ, trong loài người làm hạng hung ác tập khí khó thay đổi, cách đời vẫn còn. Loài giun chui rút trong bụng người, tâm chí hạ liệt, cơ hàn bản tiện đều do nhân của đời trước. Các loài cung cấp thịt để ăn, trải qua chịu dao cắt chày đập, tập khí còn dư, tính tình nhu nhược không thể phán chán được, dù ở trong loài người cũng như vậy. Những loài làm đồ dùng để mặc phần nhiều lấy ra từ da và lông, do tập khí dư thừa của con*

*trâu, con ngựa nên thấy lao nhọc khổ lụy ở thân người, loài cảm thì có sự nhận thức biết thời. Những loài báo điềm lành, thì có thể trí biện thông, loài theo bên ngoài thì thông nguyên do họa phúc. Thế trí biện thông là một nạn trong tám nạn. Người mang tài biện luận không phải là có trí tuệ phát xuất từ tự tính, trái lại cũng đủ làm chướng đạo, vẫn do tự có cái cảm của túc nghiệp vậy.*

## **CHI 11. KẾT LUẬN VỀ DƯ CẢM**

**A-nan, bọn ấy nợ cũ trả xong, trở lại thân người đều do từ vô thủy đến nay diên đảo gây nghiệp mà sinh nhau, sát hại lẫn nhau. Nếu không gặp Như Lai, không nghe chính pháp, thì ở trong trần lao cứ thế xoay vần mãi mãi. Bọn ấy gọi là thật đáng thương xót vậy.**

*Lại kết về mười nhân, sáu giao báo, đều do chúng sinh diên đảo. Tuy nợ đời trước tạm trả xong mà sinh nhau, giết nhau trọn không cùng tận. Duy có gặp Phật nghe chính pháp, thấy tính để làm con đường tiến lên, trên trời, dưới trời cũng không thể rõ được sự xoay vần ấy. Chúng sinh mờ tối thật đáng thương xót vậy.*





## MỤC V: TU NHÂN RIÊNG BIỆT, THÀNH QUẢ HƯ VỌNG

### ĐOẠN I

#### NÊU CHUNG

A-nan, lại có chúng sinh từ loài người không nương theo Chính Giác tu pháp Tam-ma-địa, lại riêng tu theo vọng niệm để tâm củng cố hình hài vào trong rừng núi, chỗ người ta không đến được, thành mười thứ tiên.

*“Chính Giác”, tức là tự tính bản nguyên là chân giác. “Tam-ma-địa”, tức là tự tính Tam-muội. Bỏ nơi đây, thì đều là riêng tu theo tà kiến vậy. “Vọng niệm”, nghĩa là chấp cái ngã thể trong thân ngũ uẩn, lấy đây làm tính tồn trụ tư tưởng để giữ thân, nương nơi núi rừng chỗ người không đến được. Công phu đã xong thì thành Tiên, lược có mười thứ, văn sau đều nói rõ.*

### ĐOẠN II

#### RIÊNG THÀNH MƯỜI THỨ TIÊN

A-nan, các chúng sinh kia, kiên cố dùng đồ bổ không dừng nghỉ, khi đạo thực được

**thành tựu gọi là Địa Hành Tiên.**

*Đâm hợp các thứ thuốc làm thành cao bổ. Cao bổ thuộc về ngưng trệ, chỉ có thể kiên cố thân thể được nhiều năm, nhưng không thể nhẹ nhàng bay lên, nên làm Địa Hành.*

**Kiên cố dùng cỏ cây không dừng nghỉ, khi đạo thuốc được thành tựu, thì gọi là Phi Hành Tiên.**

*Cỏ cây phân nhiều có thể sống nhiều năm, chỉ phải uống lâu ngày mới được thành công. So sánh với uống đồ bổ có phần nhẹ hơn, cho nên được Phi Hành (bay đi).*

**Kiên cố dùng kim thạch không dừng nghỉ khi đạo dùng hóa chất được thành tựu, thì gọi là Du Hành Tiên.**

*Kim Thạch như nuôi luyện Châu sa, chín lần chuyển thành đại hoàn. Từ đây về trước đều là nhờ vào sức thuốc bên ngoài.*

**Kiên cố làm những động tác không dừng nghỉ, khi khí tinh được thành tựu, thì gọi là Không Hành Tiên.**

*“Động dừng” (động tác), nghĩa là dẫn đường cho tinh khí, như pháp Hùng Kinh,*

*Điều thân, từ đây trở xuống đều chấp đủ nơi thân vậy.*

**Kiên cố luyện nước bọt không dừng nghỉ, khi nhuận đức được thành tựu, thì gọi là Thiên Hành Tiên.**

*“Tân dịch”, tức là pháp Phục tân (uống nước miếng) do nước miếng hóa đá mà mồ hôi tự rút lại, da dẻ đông lại kín chắc. Đây là do âm nhuận tiêu dung tà hỏa mà chân hỏa tự đủ, nên gọi là Nhuận đức.*

**Kiên cố hợp thu tinh hoa không dừng nghỉ, khi hấp thụ được thành tựu, thì gọi là Thông Hành Tiên.**

*“Tinh sắc”, tức là hấp thụ tinh của mặt trời, hoa của mặt trăng và các thứ thuộc mây, ráng, mù sương. Ở đây tuy nhờ bên ngoài cũng có pháp phù hợp với bên trong. Nếu không như vậy, thì thành bệnh Phong tà. “Thông” nghĩa là cùng với khí âm dương thông với nhau vậy.*

**Kiên cố làm thuật phù chú không dừng nghỉ, khi thuật pháp được thành tựu, thì gọi là Đạo Hành Tiên.**

*Đây là dùng phù chú để trị bệnh và giải*

*trừ tai ách mà cũng là việc trợ giúp cho gia đạo được mở rộng công đức cứu tế, gồm nhiếp sự giữ gìn tĩnh lặng, cũng là lý thu thân và kết tụ tinh, nên gọi là Pháp Phụng Thành; mà thực thì chỉ giúp cho nội lực, nên gọi là thuật. Do những việc ấy, nó phổ cập sự vật, nên cũng gọi là Đạo.*

**Kiên cố chuyên chú tâm niệm không dừng nghỉ, khi chuyên niệm được thành tựu, thì gọi là Chiếu Hành Tiên.**

*Đây là dùng tâm niệm ngưng tịch, không khởi tưởng khác lẫn lộn, bền thường ôm giữ một cái tịnh, đạo gia gọi là kiến tính như mặt trời sáng giữa bầu trời trong; mà chẳng biết ấy đồng là việc suy nghĩ nhớ tưởng vậy.*

**Kiên cố về thủy hỏa giao cấu không dừng nghỉ, khi cảm ứng được thành tựu, thì gọi là Tinh Hành Tiên.**

*“Giao cấu”, nghĩa là thủy hỏa giao cấu. Chỗ tứ đại tạo ra chỉ là nước lửa giúp nhau, thì đất và gió cũng từ đó mà sinh. Đây là từ vị khảm (cung khảm) mà khởi hỏa thấu thẳng đến thượng quan hóa ra thủy để hội về nơi ly, theo đây mà cảm ứng xoay vần, tự có thể hóa huyết*

*thành tinh, hóa tinh thành khí, cho đến gọi là nam nữ cấu tinh, thì lại là thuyết của Đạo gia.*

**Kiên cố về tập luyện biến hóa không dừng nghỉ, khi giác ngộ được thành tựu, thì gọi là Tuyệt Hành Tiên.**

*Một thân của con người, nếu có chủ thì biến (thay đổi) không chủ thì hóa. Có biến không hóa thì ngưng trệ nơi hình hài, có hóa không biến thì ngày càng đưa đến tiêu tàn. Ở đây, nếu giác ngộ thì dứt hết chỗ nơi mà đi, thời tiết nếu đến tự hay tùy ý ẩn hiển xa gần mà không để lại dấu vết. Duy có một loài Tiên này cùng với vị thứ tám ở trước là chính truyền của Đạo gia, ngoài ra đều là đường tẻ vậ.*

### ĐOẠN III

## KẾT LUẬN VỀ TIÊN ĐẠO

A-nan, những bọn ấy ở trong loài người mà luyện tâm, không tu Chính Giác chỉ riêng được lẽ sống lâu ngàn vạn năm ở ẩn trong núi sâu, hoặc trên đảo giữa biển cả, cách tuyệt chỗ người ở; đó cũng là vọng tưởng luân hồi, lưu chuyển. Nếu không tu pháp Tam-muôi, thì khi quả báo hết, trở lại sinh vào trong lục đạo.

Tổng kết về Tiên đạo, để trách không tu Chính đạo. Phàm mười loại Tiên này không ra ngoài vọng niệm, trái với Chính tri Kiến, lấy đây mà dụng tâm cùng tột một đời, mười người không thành một, có thành cũng chỉ kéo dài tuổi thọ, dầu được thần biến dưng do sức của vọng tưởng nắm giữ, sức hết thì phải rơi xuống, chẳng bằng một ngày tu nghiệp vô lậu, dù chưa thành tựu, nhưng đã trông được chính nhân trọn không luống uổng. Lại tu ngũ giới và Thập thiện thẳng được làm thân trời, lấy cõi trời mà nhìn cõi tiên, cũng như Vua với dân, cõi trời phước báo còn dễ hết, hưởng là cõi tiên ư? Tâm vốn vô sinh, ban đầu vì trái với tính giác mà chạy theo tâm sinh diệt. Trong đó tính giác vốn tự sẵn có tất nhiên được sự khẳng định không nhọc sức dụng công. Song nếu có sinh thì ắt có diệt. Vô sinh thì không diệt. “Riêng” là lựa ra không phải chính tu vậy.



## MỤC VI: CÁC CỐI TRỜI SAI KHÁC

---

### ĐOẠN I

### DỤC GIỚI

#### CHI 1. TỬ THIÊN VƯƠNG

A-nan, các người trong thế gian không cầu đạo thường trụ, chưa có thể xả bỏ việc ân ái với vợ của mình, nhưng tâm không buông lung trong việc tà dâm, do tâm đứng lặng sinh ra sáng suốt, sau khi mạng chung ở gần mặt trời mặt trăng, một hạng như vậy, gọi là Tứ Thiên Vương Thiên.

*Trời Lục Dục do tu Thập thiện được hoàn toàn hay thiếu khuyết, thô hay tế mà có khác nhau. Kinh này không nói về Thập thiện mà chỉ nêu lên về việc đoạn dâm, dùng để so sánh với các điều lành khác, chẳng riêng chỉ một điều lành vậy. Ngoài vợ của mình ra đều gọi là tà dâm, tâm có hạn chế, tức là không buông lung; do không buông lung nên nói là lóng lặng. Đây cũng nói rõ cái lý của loại ít tham*

dục. Lấy dây để rõ gần mặt trời mặt trăng, nên sinh lên trời Tứ Thiên. Tính giác thường trụ mà không cầu đạo thường trụ, tức là không tu chính giác vậy.

## CHI 2. ĐAO LỢI THIÊN

Đối với vợ mình, dâm ái ít ỏi, trong lúc tịnh cư không được toàn vị, thì sau khi mạng chung vượt khỏi ánh sáng mặt trời, mặt trăng ở trên chóp nhân gian; một loài như vậy, gọi là Đao Lợi Thiên.

*Dâm ái ít ỏi, tức là không toàn vị. Người này đối với tâm thế gian, so sánh lại siêu vượt hơn, nên sinh lên cõi trời Đao Lợi. “Đao Lợi”, dịch là “Tam Thập Tam”. Cõi trời này ở trên chóp núi Tu Di, bốn góc có ba mươi hai cõi trời vây quanh. Trời Đế Thích làm chủ hai cõi trời trên đây đều nương nơi núi Tu Di, tên là Địa Cư Thiên cách đất 8.400 do tuần.*

## CHI 3. TU DIỆM MA THIÊN

Gặp cảnh dục tạm theo, qua rồi không nhớ nghĩ ở trong nhân gian động ít tịnh nhiều, thì sau khi mạng chung sáng rõ ở yên trong cõi hư không, ánh sáng mặt trời mặt trăng không soi đến được, những người thế



ấy, tự mình có ánh sáng; một hạng như thế, gọi là Tu Diệm Ma Thiên.

Gặp dục tạm theo, qua rồi không nhớ nghĩ, thì có thể biết không gặp dục cảnh niệm ắt không sinh, tức là các loại này, tình tưởng đều mỏng, nên động ít mà tĩnh nhiều, bèn có ứng hiện ở trên hư không. Chúng sinh tâm dục sâu dày, phần nhiều bị trệ ngại. Trái lại ở đây thì rỗng rang an trụ, vẫn có thể so lường mà biết vậy. “Diệm Ma”, Trung Hoa dịch là “Thời Phần”, dùng hoa sen nở ra khép lại làm ngày đêm.

#### CHI 4. ĐẤU XUẤT ĐÀ THIÊN

Lúc nào cũng tĩnh, nhưng khi có cảm xúc đến bên mình cũng chưa chống đối được, thì sau khi mạng chung lên trên chỗ tĩnh vi không tiếp với những cảnh nhân Thiên cõi dưới cho đến gặp kiếp hoại, tam tai cũng không đến được; một loài như thế, gọi là Đấu-xuất-dà Thiên.

“Đấu-xuất-dà”, Trung Hoa dịch là “Hỷ Túc” là thân rốt sau của Bồ-tát, ở chỗ đó để giáo hóa phần nhiều tu hạnh Hỷ Túc, được chút ít ý duyệt, gọi là vui; không cầu gì khác gọi là đủ (túc); khi có cảm xúc đến chưa chống đối được, đây chỉ là tùy thuận, nên biết lúc nào

*cũng tinh vậy. Chỗ tinh vi là ước về cõi trời mà nói, cõi trời này là chỗ ở của Bồ-tát một đời bố xứ phát nguyện rộng lớn mà được sinh chỗ ấy. Do Bồ-tát có sức vô lậu, nên tam tai không đến. Đây là chỉ cho nội viện, nay trong kinh ước nói về chỗ thù thắng.*

### **CHI 5. LẠC BIẾN HÓA THIÊN**

**Chính mình không có tâm dâm dục chỉ đáp ứng với người khác mà làm, trong lúc phô bày, vô vị như ăn sáo, thì sau khi mạng chung vượt lên, sinh vào cảnh biến hóa; một loài như thế, gọi là Lạc Biến Hóa Thiên.**

*Không có tâm dâm dục chỉ đáp ứng với người khác... đồng như ở Đâu Xuất. Ở trong cảnh dục mà vô vị, lại quá hơn nơi ấy là thành linh phô bày để đáp ứng theo thời gian và hoàn cảnh. Luận Du Già nói: Do chư Thiên kia vì tự mình, nên hóa làm dục trần, chẳng phải với người khác mà làm, chỉ vì tự biến hóa. “Biến” nghĩa là chuyển biến, biến thô làm diệu. “Hóa” nghĩa là hóa hiện từ không mà bỗng nhiên hiện ra có vậy.*

### **CHI 6. THA HÓA TỰ TẠI THIÊN**

**Không có tâm thế gian, chỉ đồng như thế gian làm việc ngũ dục, trong khi làm việc ấy**

**rõ ràng siêu thoát, thì sau khi mạng chung vượt trên cảnh biến hóa và không biến hóa; một loài như thế, gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên.**

*Các cảnh vui về dục không nhọc tự biến hóa mà hiện tại thọ dụng, nên gọi là Tha Hóa. Trước thì chỉ vô vị ở đây đã siêu thoát, sự sai biệt của tâm tự trụ và tâm chẳng trụ biến hóa là chỉ cho cái vui của biến hóa (lạc hóa); không biến hóa là chỉ cho bốn cõi trời ở trước.*

### **CHI 7. KẾT LUẬN VỀ DỤC GIỚI**

**A-nan, sáu cõi trời như thế, hình thức tụy ra khỏi động, nhưng tâm tích còn có dính dấp; từ các cõi ấy trở xuống, gọi là dục giới.**

*Cõi người đối với dục, khi chưa giao tiếp hoặc đã giao tiếp, thân tâm dao động, trời thì tùy cảnh đến, tâm dừng nơi cảnh, nên nói tụy ra khỏi động; tuy nhiên tâm tính vẫn còn dính dấp, thì chẳng phải hoàn toàn không.*

